

Ernest Hemingway

MẶT TRỜI VẪN MỌC

the sun also rises



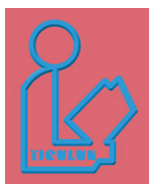
Vàng Sơn

Quyển 2

MẶT TRỜI VẪN MỌC

Quyển 2

Ernest Hemingway



Paris * 02-2026

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

MẶT TRỜI VẪN MỌC

ERNEST HEMINGWAY

Vàng Sơn
Sài Gòn * 1973

Mục lục

QUYỂN 2

8. Chương 8	11
9. Chương 9	48
10. Chương 10	78
11. Chương 11	120
12. Chương 12	146
13.1 Chương 13.1	196
13.2 Chương 13.2	221
14. Chương 14	264

15.1 Chương 15.1	279
15.2 Chương 15.2	313
16.1 Chương 16.1	337
16.2 Chương 16.2	367
17.1 Chương 17.1	397
17.2 Chương 17.2	421
18.1 Chương 18.1	451
18.2 Chương 18.2	470
18.3 Chương 18.3	506

Chương 8

Tôi không gặp lại Brett cho tới khi nàng quay về từ San Sebastian. Nàng gửi cho tôi một tấm thiệp từ đó. Trên tấm thiệp có bức hình về Concha, ghi: “Anh yêu. Ở đây rất yên bình và khỏe mạnh. Yêu mọi người. BRETT.”

Tôi cũng không gặp Robert Cohn. Tôi nghe nói Frances đã đi Anh và một lời nhắn từ Cohn rằng gã sẽ đi về đồng quê trong vài tuần, gã chưa biết đi đâu, nhưng gã muốn

giữ vững lời hứa hẹn sẽ cùng tôi đi Tây Ban Nha câu cá từ mùa đông năm ngoái. Tôi có thể tìm gã bất cứ lúc nào, gã viết, thông qua tay nhà cái của gã.

Brett đã đi, tôi không còn bị quấy rầy bởi mấy vấn đề của Cohn nữa, tôi cũng vui vẻ tận hưởng quãng thời gian nghỉ ngơi khỏi vụ chơi tennis, có nhiều việc khác cần làm, tôi thường đến trường đua, dùng bữa với bạn bè, và dành thêm một ít thời gian trong văn phòng để giải quyết trước công việc và bàn giao lại cho thư ký khi Bill Gorton và tôi đi Tây Ban Nha vào cuối tháng Sáu. Bill Gorton xuất hiện, ở lại căn hộ của tôi trong vài ngày rồi rời đi Vienna. Anh rất vui vẻ và kể rằng nước Mỹ tuyệt lắm. New York cũng

tuyệt không kém. Mùa giải đã bắt đầu và hứa hẹn một mùa bội thu những tay võ sĩ hạng vừa trẻ trung xuất chúng. Bất kỳ ai trong số họ cũng là một triển vọng tốt để phát triển, nhồi thêm vài cân thịt rồi chỉnh trang lại Dempsey¹. Bill rất hạnh phúc. Anh kiếm được nhiều tiền từ cuốn sách mới đây nhất, và nó sẽ còn mang đến cho anh thêm nhiều tiền nữa. Chúng tôi đã rất vui vẻ trong thời gian anh ở lại Paris, rồi anh sang Vienna. Anh sẽ quay lại ba tuần sau đó rồi chúng tôi sẽ đi Tây Ban Nha để câu cá và tham dự fiesta² ở Pamplona. Anh

1 Jack Dempsey, tên thật là William Harrison Dempsey (1895-1983); vận động viên quyền anh chuyên nghiệp của Mỹ.

2 fiesta: (tiếng Tây Ban Nha) lễ hội. Được biết đến với tên đầy đủ là Fiesta de San Fermin, diễn ra từ ngày 6 đến 14 tháng 7 hàng năm tại Pamplona, Tây Ban Nha. Fiesta còn là tên gọi khác của cuốn tiểu

viết rằng Vienna tuyệt lắm. Rồi sau đó có một tấm thiệp được gửi đi từ Budapest: “Jake, Budapest thật tuyệt vời.” Rồi tôi nhận được bức điện: “Sẽ quay về vào thứ Hai.”

Tối ngày thứ Hai anh có mặt ở căn hộ. Tôi nghe tiếng taxi của anh dừng lại dưới nhà và bước tới bên cửa sổ gọi anh; anh vẫy tôi và đi lên lầu với đồng hành lý. Tôi gặp anh nơi cầu thang và giúp anh vác một túi.

“Ô,” tôi nói, “nghe nói cậu có chuyến đi tuyệt lắm.”

“Tuyệt lắm,” anh nói. “Budapest tuyệt vời cậu ạ.”

“Thế còn Vienna?”

thuyết này.

“Không hay lắm Jake ạ. Không hay lắm. Nó chỉ khá hơn trước đây thôi.”

“Ý cậu là sao?” Tôi kiểm mấy cái cốc và cái chai.

“Say khướt, Jake ạ. Tôi say.”

“Thế thì kỳ thật. Tốt nhất là cậu nên làm một ly.”

Bill xoa trán. “Có điều đáng nhớ,” anh nói. “Chẳng biết nó xảy ra như thế nào. Tự nhiên xảy ra.”

“Lâu không?”

“Bốn ngày, Jake, Chỉ trong bốn ngày thôi.”

“Cậu đi những đâu?”

“Không nhớ nữa. Viết cho cậu tấm thiệp. Nhớ rất rõ.”

“Còn làm gì khác không?”

“Không chắc lắm. Có thể.”

“Thôi nào. Kể cho tôi nghe coi.”

“Không nhớ được. Sẽ kể cho cậu nghe những gì tôi còn nhớ.”

“Tới đi. Làm một ly và nhớ lại xem.”

“Có thể nhớ ra được một chút,” Bill nói. “Nhớ được một chút về trận đấu tranh giải. Một trận tranh giải hoành tráng ở Vienna. Có một tay da đen ở đó. Nhớ rất rõ tay này.”

“Tiếp đi.”

“Tay da đen vĩ đại. Trông giống Tiger Flowers³, chỉ to gấp bốn lần

³ Theodore Flowers (5/8/1895 – 16/11/1927) là người Mỹ gốc Phi đầu tiên trở thành nhà vô địch

thôi. Rồi tự nhiên mọi người bắt đầu ném đồ vật. Không phải tôi. Tay da đen hạ gục thẳng cu người địa phương. Tay da đen giương găng lên. Muốn làm một bài phát biểu. Tay da đen trông khiêm tốn khủng khiếp. Gã bắt đầu nói. Rồi thẳng cu địa phương đâm gã. Rồi gã tấn thẳng nhóc da trắng không chút nương tình. Rồi mọi người bắt đầu ném ghế xuống sàn đấu. Tay da đen đi cùng xe với chúng tôi về nhà. Gã không kịp mang theo quần áo. Mặc tạm áo khoác của tôi. Giờ thì tôi nhớ ra rồi. Đúng là một đêm ra trò.”

“Chuyện gì xảy ra thế?”

quyền anh hạng trung, sau khi đánh bại Hary Greb vào năm 1926. Ông còn có biệt danh là ‘Tiger.’ Ông bắt đầu theo đuổi sự nghiệp quyền anh chuyên nghiệp vào năm 1918 tại tuổi 23 khi làm việc ở một nhà máy đóng tàu ở Philadelphia.

“Cho tay da đen mượn ít quần áo và đi loanh quanh với gã để giúp gã đòi tiền. Kêu là tay da đen nợ tiền họ dưới danh nghĩa của nhà cái. Có biết ai làm phiên dịch không? Có phải tôi không?”

“Có thể không phải là cậu.”

“Cậu đúng đấy. Không phải tôi. Một người anh em khác. Hình như chúng tôi gọi là tay Harvard địa phương. Giờ thì nhớ ra hẳn rồi. Hẳn làm nghiên cứu âm nhạc.”

“Cậu thoát ra thế nào?”

“Không tốt lắm, Jake ạ. Bất công ở khắp nơi. Nhà tài trợ kêu là tay da đen đã hứa để cho thẳng nhóc người địa phương thẳng. Họ kiện rằng tay da đen đã lật kèo.

Đáng lý ra không được phép đánh bại thằng nhóc người Vienna ở Vienna. ‘Chúa tôi, ngài Gorton,’ tay da đen nói, ‘tôi đã không làm gì trong bốn mươi phút và cố gắng để hấn ta yên. Tự cái thằng da trắng ấy đoạn tuyệt cơ hội của mình khi cứ đu đưa trước mặt tôi. Tôi không hề đánh hấn.’ ”

“Thế các cậu có đòi được tiền không?”

“Không có tiền, Jake ạ. Chúng tôi chỉ đòi được quần áo của tay da đen. Ai đó đã lấy mất cái đồng hồ của hấn. Tay da đen tuyệt vời. Đúng là sai lầm lớn khi tới Vienna. Không hay ho gì lắm, Jake ạ. Không hay lắm.”

“Còn tay da đen thì sao?”

“Quay lại Cologne⁴. Hẳn sống ở đó. Kết hôn rồi. Đã có gia đình. Gã sẽ viết thư và gửi trả số tiền tôi đã cho vay. Một tay da đen rất tuyệt. Mong là tôi nghi đúng địa chỉ cho gã.”

“Rất có thể cậu đã ghi đúng.”

“Ôi, dù sao thì, mình phải ăn cái đã,” Bill nói. “Trừ khi cậu muốn nghe thêm vài chuyện nữa.”

“Cậu cứ kể.”

“Mình phải ăn cái đã.”

Chúng tôi xuống dưới nhà và đi ra Đại lộ St. Michel trong tiết trời ấm áp của buổi tối tháng Sáu.

“Mình sẽ đi đâu?”

⁴ Cologne: một thành phố ở Đức, bên sông Rhine.

“Cậu muốn ra đảo ăn không?”

“Được.”

Chúng tôi đi dọc Đại lộ. Ở khúc giao của Đường Denfert-Rochereau với Đại lộ là bức tượng của hai người đàn ông trong chiếc áo choàng dài.

“Tôi biết họ đấy.” Bill nhìn vào bức tượng. “Mấy quý ông đã sáng chế ra mấy loại dược phẩm. Đừng có mà cố lừa tôi ở Paris này.”

Chúng tôi tiếp tục đi.

“Ở đây có tiệm nhồi bông thú này.” Bill gọi. “Có muốn mua gì không? Một con chó nhồi?”

“Đi thôi,” tôi nói. “Cậu say rồi hử?”

“Chó nhồi đẹp lắm,” Bill nói.
“Chắc chắn là sẽ làm cho căn hộ của cậu sáng sủa hẳn lên.”

“Đi nào.”

“Chỉ một con thôi mà. Ta có thể mang chúng theo hoặc bỏ mặc chúng đấy. Nhưng nghe này, Jake. Chỉ một con chó nhồi thôi.”

“Đi đi.”

“Nó sẽ là cả thế giới đối với cậu sau khi cậu mua nó. Đơn giản là sự chuyển đổi của các giá trị. Cậu trả họ tiền. Họ đưa lại cậu một con chó nhồi bông.”

“Mình sẽ mua khi quay lại.”

“Được thôi. Cứ tuân theo cách của cậu. Con đường dẫn tới địa

ngực được trải sẵn cho những kẻ không mua chó nhồi. Không phải là lỗi của tôi đâu nhé.”

Chúng tôi đi tiếp.

“Sao bỗng nhiên cậu lại nghĩ thế về mấy con chó?”

“Tôi luôn nghĩ về chó như thế mà. Tôi lúc nào cũng có tình cảm lai láng dành cho bọn thú nhồi.”

Chúng tôi dừng lại và làm một ly.

“Tuyệt đối thích uống,” Bill nói. “Thỉnh thoảng cậu cũng phải thử nhé, Jake.”

“Cậu đi trước tôi hẵn một trăm bốn mươi tư ly.”

“Không làm cậu khiếp đâu.

Không bao giờ khiếp cả. Bí mật về thành công của tôi đấy. Không bao giờ bị khiếp sợ. Không bao giờ khiếp hãi nơi công cộng.”

“Cậu uống ở đâu?”

“Dừng lại ở Crillon. George mời tôi vài ly Jack Rose. George là một gã rất tuyệt. Có biết bí mật về sự thành công của anh ta không? Đừng bao giờ sợ hãi.”

“Rồi cậu sẽ thấy khiếp sau ba ly pernod nữa.”

“Không phải là trước mặt thiên hạ. Nếu như tôi bắt đầu thấy sợ thì tôi sẽ tự chuồn đi. Tôi giống một con mèo theo kiểu đó.”

“Cậu gặp Harvey Stone khi nào?”

“Ở Crillon. Harvey hơi hoảng một chút. Chưa ăn gì suốt ba ngày. Không ăn gì cả. Cứ như là mèo ấy cậu ạ. Buồn lắm.”

“Anh ấy vẫn ổn.”

“Quá ổn. Ước là anh ta đừng có làm điệu bộ của lũ mèo nữa. Nó khiến tôi xốn xang lắm.”

“Tối nay mình làm gì?”

“Chẳng có gì quan trọng đâu. Chỉ cần không phát khiếp lên là được. Không biết là họ có món trứng luộc không nhỉ? Nếu ở đây có trứng luộc kỹ thì ta không cần phải vượt cả chặng đường tới đảo để ăn làm chi.”

“Cứ cẩn thận vẫn hơn,” tôi nói.
“Chúng mình hãy tới đó làm một

bữa đàm bạc.”

“Chỉ là một gợi ý thôi mà,” Bill nói. “Cậu muốn tiến hành luôn không?”

“Đi thôi.”

Chúng tôi lại bắt đầu đi xuống Đại lộ. Một chiếc xe ngựa lướt qua chúng tôi. Bill nhìn theo nó.

“Cậu thấy cái xe ngựa kia không? Tôi sẽ tặng cậu một cái xe ngựa nhồi bông nhân dịp Giáng sinh. Tôi sẽ tặng các đồng chí của tôi mấy con thú nhồi. Tôi quả là một thằng nhà văn thiên bẩm.”

Một chiếc taxi lướt qua, có ai đó trên xe vẫy tay chào, rồi bảo tài xế dừng lại. Chiếc taxi đỗ lại bên lề đường. Brett ở trong xe.

“Một cô nàng xinh đẹp,” Bill nhận xét. “Chắc định bắt cóc ta đây.”

“Chào!” Brett nói. “Chào!”

“Đây là Bill Gorton. Đây là Phu nhân Ashley.”

Brett mỉm cười với Bill. “Em nói là em vừa mới quay về. Còn chưa kịp tắm gội nữa cơ. Michael đến đây đêm nay.”

“Tốt. Đi ăn cùng bọn này nhé, và bọn anh sẽ gặp anh ấy.”

“Em phải tắm gội cái đã.”

“Ôi, thôi mà! Đi thôi.”

“Phải tắm cái đã. Anh ấy không đến trước chín giờ đâu.”

“Thế thì, đi làm một ly vậy, trước khi em tắm.”

“Có thể lắm. Giờ thì anh không nói mấy chuyện vớ vẩn nữa.”

Chúng tôi chui vào taxi. Người tài xế nhìn quanh.

“Hãy dừng ở quán rượu gần nhất,” tôi nói.

“Bọn mình có thể tới Closerie,” Brett nói. “Em không thể uống mấy thứ brandy tệ hại kia.”

“Closerie des Lilas.”

Brett quay sang Bill.

“Anh đã tới cái thành phố độc hại này lâu chưa?”

“Tôi vừa trở về từ Budapest ngày hôm nay.”

“Budapest ra sao?”

“Tuyệt lắm. Budapest rất tuyệt.”

“Hãy hỏi cậu ta về Vienna.”

“Vienna,” Bill nói, “là một thành phố kỳ cục.”

“Rất giống Paris,” Brett cười với anh, nháy mắt.

“Chính xác,” Bill nói. “Rất giống Paris lúc này.”

“Anh mở đầu hay quá.”

Ngồi trên sân thượng của quán Lilas, Brett gọi một ly wishkey pha với soda, tôi cũng gọi một ly như vậy, còn Bill kêu thêm pernod.

“Anh thế nào, Jake?”

“Tuyệt lắm,” tôi nói. “Anh rất ổn.”

Brett nhìn tôi. “Em thật ngốc khi quyết định đi,” nàng nói. “Đúng là ngốc mới rời Paris.”

“Chuyến đi của em không vui à?”

“Ôi, cũng được. Thú vị. Nhưng không vui lắm.”

“Có gặp ai không?”

“Không, hầu như chẳng có ai. Em có ra ngoài đâu.”

“Em không bơi à?”

“Không. Em chẳng làm gì cả.”

“Nghe như Vienna,” Bill nói.

Brett nháy mắt với anh.

“Vậy thì Vienna là như vậy sao?”

“Mọi cái đều giống như ở Vienna.”

Brett lại mỉm cười với anh.

“Anh có anh bạn được quá, Jake.”

“Cậu ấy ổn,” tôi nói. “Cậu ta là một tay nhồi thú bông.”

“Đây là ở một đất nước khác,” Bill nói. “Và ngoài ra mọi con thú đều phải chết rồi cơ.”

“Thêm một ly nữa,” Brett nói, “rồi em phải chạy thôi. Bảo anh bồi gọi cho em taxi.”

“Ngoài kia có cả đông. Ngay trước cửa thôi.”

“Tốt.”

Chúng tôi uống rượu rồi đưa Brett ra taxi.

“Khoảng mười giờ anh ra Select nhé. Rủ cả bạn anh nữa. Michael cũng tới đấy.”

“Chúng tôi sẽ có mặt,” Bill nói. Taxi chuyển bánh và Brett vẫy tay chào.

“Một cô nàng hay ho,” Bill nói. “Cô ta được đấy chứ. Mà Michael là ai thế?”

“Người sẽ kết hôn cùng cô ấy.”

“Ồ, ôi,” Bill nói. “Tôi lúc nào cũng gặp người ta ở hoàn cảnh ấy.

Tôi nên tặng gì cho họ? Không biết họ có thích một cặp ngựa đua nhồi bông không nhỉ?”

“Mình nên ăn cái đã.”

“Cô ấy có thực sự là Phu nhân hay cái gì đấy không?” Bill hỏi khi đã ngồi vào taxi và chúng tôi đang trên đường tới Île Saint-Louis⁵.

“Ờ, đúng. Trong cuốn sổ lý lịch⁶ và mọi thứ.”

“Ô, ồ.”

Chúng tôi dùng bữa tại nhà hàng của Madame Lecomte ở phái bên kia đảo. Nhà hàng đông nghịt các

⁵ Île Saint-Louis là một trong hai hòn đảo tự nhiên trên sông Seine, ở Paris (hòn đảo kia là Île de la Cité). Tên của hòn đảo được đặt theo tên của vị vua Louis IX của Pháp (Saint Louis)

⁶ sổ lý lịch: loại sổ dùng để ghi lý lịch của ngựa (nhất là ngựa đua)

thực khách người Mỹ và chugns tôi phải đứng chờ tới lượt mình. Có ai đó đã đưa nó vào danh sách những nhà hàng tuyệt vời ở Paris mà dân Mỹ bỏ qua của Hội Phụ nữ Hoa Kỳ, nên tôi phải đợi bàn tới bốn mươi lăm phút. Bill từng ăn ở nhà hàng này vào năm 1918, ngay sau khi thỏa thuận ngừng bắn được thiết lập, và Madame Lecomte nhặng xị cả lên khi nhìn thấy anh.

“Thế mà bà ý chẳng chịu xếp bàn cho chúng mình,” Bill nói. “Dù sao, cũng là một phụ nữ hào phóng.”

Chúng tôi ăn một bữa thịnh soạn, một con gà quay, đậu tươi, khoai tây nghiền, một đĩa salad, và bánh táo với phô mai.

“Chỗ này của bà tuyệt quá,” Bill nói với Madame Lecomte. Bà giơ tay lên. “Ôi, trời ạ!”

“Bà sẽ phát tài đấy.”

“Tôi cũng mong vậy lắm.”

Sau khi dùng xong cà phê và một fine [fine: (tiếng Pháp) rượu brandy] chúng tôi gọi hóa đơn, số tiền đúng như mức giá đã niêm yết, vì thế không còn nghi ngờ gì nữa đây đúng là một “chốn bị bỏ sót,” trả tiền, bắt tay bà chủ, và ra về.

“Ông sẽ không bao giờ quay lại đây nữa, Monsieur Barnes,” Madame Lecomte nói.

“Ở đây nhiều đồng hương của tôi quá.”

“Ông hãy tới vào giờ ăn trưa. Bữa trưa thì không đông vậy đâu ông ạ.”

“Tốt. Tôi sẽ sớm trở lại.”

Chúng tôi đi bộ dưới hàng cây dọc bờ sông ở phía đường Quai d'Orléans[Quai d'Orléans: một con phố trên đảo Île St. Louis] của hòn đảo. Bên kia sông là mảng tường vỡ của những ngôi nhà cũ đã bị sụp xuống.

“Họ sẽ xé ngang con phố này.”

“Đúng thế,” Bill nói.

Chúng tôi bước tiếp và làm một vòng quanh đảo. Con sông chìm trong bóng tối và một con thuyền lướt qua, sáng choang đèn điện, lướt đi nhanh và lặng lẽ biến mất dưới gầm cầu. Xuôi dòng là Nhà

thờ Đức bà sừng sững trong bóng tối. Chúng tôi sang bờ bên trái sông Seine trên một cây cầu cọc gỗ từ đường Quai de Bethune, và dừng lại trên cầu và nhìn xuống dòng sông bên Nhà thờ Đức bà. Đứng trên cầu nhìn ra hòn đảo thật tăm tối, mấy ngôi nhà cao chót vót hiện lên trên nền trời, và những hàng cây ẩn nhẫn dưới cái bóng của chúng.

“Thật thơ mộng,” Bill nói. “Trời ạ, tôi thích được quay về đây quá.”

Chúng tôi dựa vào lan can gỗ của cây cầu và nhìn lên dòng sông nơi chiếc cầu đang tỏa ra ánh sáng. Mặt nước bên dưới có màu đen âm ỉ. Không thể nghe ra thấy tiếng nước vỗ ì oạp vào cầu tàu. Một

người đàn ông và một cô gái lững thững dạo bước qua chỗ chúng tôi đang đứng. Vòng tay họ ôm lấy cơ thể của nhau.

Chúng tôi qua cầu và đi lên phố Rue du Cardinal Lemoine. Con phố dốc, và chúng tôi đi hết con đường lên Place Contrescarpe. Ánh đèn điện chiếu qua những tán lá của các vòm cây trên quảng trường, và dưới các tán cây là một chiếc xe buýt tuyến S sẵn sàng lăn bánh. Nhạc phát ra từ khung cửa của quán Negre Joyeux. Qua cửa sổ của quán Café Aux Amateurs tôi nhìn thấy một quầy bar dài bằng kẽm. Bên ngoài nơi những bậc thang, những người lao động đang ngồi uống. Trong gian bếp mở của Amateurs một cô gái đang chiên khoai tây

trong một cái chảo dầu. Còn có một nồi hầm đúc gang nữa. Cô gái múc một ít vào đĩa cho người đàn ông già đang đứng gần đó với một chai rượu đỏ cầm trong tay.

“Có muốn uống gì không?”

“Không,” Bill trả lời. “Tôi không cần đâu.”

Chúng tôi rẽ sang bên phải khỏi đường Place Contrescarpe, đi vào con đường phẳng hẹp với những ngôi nhà cổ cao ngất ở hai bên. Có mấy ngôi nhà nhô hẳn ra đường. Những căn khác thì thụt lại phía sau. Chúng tôi tới phố Rue du Pot de Fer và đi hết phố cho tới khi nó đưa chúng tôi tới góc bắc-nam vuông vức của phố Rue Saint Jacques và chúng tôi đi về hướng nam, qua

Val-de-Grâce⁷, quay trở lại sân và hàng rào gỗ, tới Boulevard du Port Royal.

“Cậu muốn làm gì không?” tôi hỏi. “Đi quán café gặp Brett và Mike nhé?”

“Tại sao lại không nhỉ?”

Chúng tôi đi dọc Port Royal cho tới khi ra đến đường Montparnasse, và rồi đi qua Lilas, Lavigne, và tất cả những quán café nhỏ, Damoy, qua đường tới Rotonde, bỏ qua ánh đèn và những chiếc bàn của quán để bước vào Select.

⁷ Val-de-Grâce (Hôpital d'instructions des armées du Val-de-Grâce hay HIA Val-de-Grâce): một bệnh viện quân y nằm ở Quận 5 của Paris. Khu kiến trúc này còn bao gồm cả một nhà thờ, thư viện, và vườn hoa.

Michael tiến tới chỗ chúng tôi từ một chiếc bàn. Anh nom râm nắng và thật khỏe khoắn.

“Chào Jake,” anh nói. “Xin chào! Xin chào! Khỏe không, bạn già?”

“Nhìn anh khỏe đấy, Mike.”

“Ôi, lại chả. Tôi còn lo tôi trông hơi ớn quá ấy chứ. Tôi chẳng làm gì ngoài việc đi lại cả. Đi bộ cả ngày cậu ạ. Mỗi ngày làm một ly với bà mẹ tôi lúc trà chiều.”

Bill đã bước tới quầy bar. Anh đang đứng nói chuyện với Brett, người đang ngồi trên một chiếc ghế cao, chân bắt chéo. Nàng không diện tất chân.

“Thật vui khi gặp lại cậu, Jake ạ,” Michael nói. “Tôi hơi say một

teo. Tuyệt vời, nhỉ? Cậu có thấy mũi tôi không?”

Có giọt máu khô đọng trên cánh mũi của anh.

“Cái sắc của một bà già gây nên đấy,” Mike kể. “Tôi đến giúp bà ta và chúng rơi đúng vào người tôi.”

Brett ra hiệu cho anh từ quầy bar với hộp đựng thuốc lá và nháy mắt.

“Một quý bà già cả,” Mike nói. “Đồ của bà ta rơi vào tôi. Mình ra gặp Brett thôi. Tôi bảo này, nàng đúng là một kiệt tác. Em là một quý cô yêu kiều, Brett ạ. Em kiếm cái mũ đấy ở đâu thế?”

“Một người bạn mua nó cho em. Anh không thích à?”

“Cái mũ quá tệ. Em phải chọn một cái mũ tốt vào chứ.”

“Ôi, giờ thì mình có nhiều tiền quá,” Brett nói. “Em bảo này, anh đã gặp Bill chưa? Anh là một tay chủ trì dễ thương đấy, Jake ạ.”

Nàng quay sang Mike. “Đây là Bill Gorton. Gã say này là Mike Campbell. Ngài Campbell đây đang làm thủ tục phá sản.”

“Không phải ư? Em biết là anh gặp đối tác cũ ở London ngày hôm qua. Cái thằng đã lôi anh vào cuộc ấy.”

“Hắn nói gì?”

“Hãy mời tôi một ly. Tôi nghĩ tôi còn sức làm một ly đấy. Anh nói, Brett ạ, em là một cô nàng yêu

kiều. Các bạn không nghĩ là nàng đẹp hay sao?”

“Đẹp. Với cái mũi này á?”

“Cái mũi dễ thương mà. Thôi nào, hãy nhìn mũi tôi đây này. Chẳng phải là nàng đáng yêu lắm sao?”

“Chẳng lẽ chúng ta không thể để người đàn ông này ở lại Scotland à?”

“Anh bảo này, Brett, hãy quay về sớm.”

“Đừng có thô lỗ thế, Michael. Hãy nhớ là trong quán còn có các quý cô đấy.”

“Cô nàng đáng yêu quá nhỉ? Cậu có nghĩ thế không Jake?”

“Đêm nay có một trận đấu,” Bill nói. “Muốn đi xem không?”

“Trận đấu,” Mike nói. “Anh đánh đấu?”

“Ledoux⁸ và ai đó.”

“Anh ta khá lắm, Ledoux ấy,” Mike nói. “Tôi cũng muốn coi lắm” – anh đang cố gắng đứng vững – “nhưng tôi không thể. Tôi có buổi hẹn hò với cái thứ này. Anh bảo này, Brett, em nên đổi cái mũ mới thì hơn.”

⁸ Charles Ledoux sinh năm 1892, là một võ sĩ hạng gà cứng cỏi, mạnh bạo, người Pháp đã từng tham chiến với những tên tuổi lừng danh nhất trong hạng cân của mình trong sự nghiệp – như Joe Bowker, Johnny Buff, Joe Burman, Eddie Campi, Johnny Curtin, Kid Francis, Danny Kramer, Andre Routis, Sid Smith, Digger Stanley, và những người thuộc Đai danh vọng như Johnny Coulon, Eugene Criqui, Jim Driscoll, Joe Lynch, Kid Williams và huyền thoại Pete (Kid) Herman. Ông mất năm 1967 ở tuổi 74.

Brett kéo cái mũ nỉ che mắt nàng và mỉm cười. “Hai anh cứ đi xem trận đấu nhé. Em phải đưa ngài Campbell đây về thẳng nhà thôi.”

“Anh có say đâu,” Mike nói. “Có thể là một chút thôi. Anh nói là, Brett ạ, em đẹp lắm.”

“Đi xem trận đấu đi,” Brett nói. “Ngài Campbell đang lắm nhảm đấy. Cái kiểu tình yêu bùng cháy này là thế nào đấy, Michael?”

“Anh bảo là, em rất đẹp.”

Chúng tôi chào tạm biệt. “Xin lỗi nhé chúng tôi không đi được,” Mike nói. Brett bật cười. Tôi quay người nhìn lại từ ngưỡng cửa. Mike đặt một tay lên quầy bar và dựa

người vào Brett, lắm nhảm. Brett nhìn anh khá lạnh nhạt, nhưng ý cười đọng đầy trong mắt.

Bên ngoài vỉa hè tôi nói: “Cậu muốn đi xem trận đấu không?”

“Ừ,” Bill trả lời. “Nếu bọn mình không phải quốc bộ.”

“Mike khá phấn khích về bạn gái của anh ta,” tôi giải thích khi ngồi vào taxi.

“Ồ,” Bill nói. “Cậu không thể trách khi anh ta sa đọa như vậy được.”

Chương 9

Trận Ledoux – Kid Francis⁹ diễn ra vào đêm 20 tháng Sáu. Trận đấu cũng hay. Buổi sáng đó tôi nhận được lá thư của Robert Cohn, gửi đi từ Hendaye¹⁰. Gã đang có một

⁹ Francesco Buonagurio (“Kid Francis”) (1907-1943) sinh tại Napoli, Campania, Italia. Ông học đấm bốc trong thời gian ở Argentina. Ông bị bắt giam khi quân Đức tràn vào nước Pháp vào đầu Thế chiến II và bị nhốt vào trại tập trung Auswitz. Ở đó ông bị ép phải thi đấu quyền anh để mua vui cho các sĩ quan Đức quốc xã. Kid Francis bị Nazi giết hại trong trại tập trung Aushwitz vào năm 1943.

¹⁰ Hendaye: một thị trấn bên bờ biển ở tây nam nước Pháp, thuộc vùng Basque

thời kỳ tĩnh dưỡng yên ả, gã kể, tắm biển, chơi vài ván golf và đánh bạc thường xuyên. Hendaye có bãi tắm tuyệt đẹp, nhưng gã rất háo hức với chuyến đi câu sắp tới. Khi nào thì tôi sẽ tới? Nếu tôi có thể mua giúp gã một cái dây câu đôi¹¹ thì gã sẽ trả tiền khi tôi xuống đây.

Cũng sáng đó tôi viết cho Cohn từ văn phòng rằng Bill và tôi sẽ rời Paris vào ngày 25 trừ khi có sự thay đổi, và sẽ gặp gã ở Bayonne¹², ở đó chúng tôi có thể bắt xe và đi đường núi tới Pamplona. Cùng tới đó vào lúc bảy giờ tôi dừng lại ở quán Select để gặp Michael và Brett. Họ

11 dây câu đôi (double-tapered line): một loại dây câu được làm từ sợi tơ tằm và đan xéo. Đây là loại dây có phần giữa nặng và dày, nhẹ và thon dần ở phần đầu dây câu, chuyên dùng để câu cá hồi.

12 Bayonne: một thành phố ở miền tây nam nước Pháp

không có ở đó, và tôi đi sang quán Dingo. Họ đang ngồi bên quầy bar.

“Xin chào anh yêu,” Brett đưa tay ra.

“Chào Jake,” Maike chào. “Tôi hiểu rõ tôi xin tối hôm qua.”

“Thật không thể,” Brett nói. “Anh đừng nói dối.”

“Này,” Mike nói, “khi nào cậu đi Tây Ban Nha? Bọn tôi đi cùng cậu được chứ?”

“Thế thì tuyệt quá.”

“Cậu không phiền thật chứ? Tôi đã từng tới Pamplona cậu biết đấy. Brett thì phát điên lên với nó. Cậu chắc là bọn này không phá đám cậu chứ?”

“Đừng có ăn nói ngớ ngẩn thế.”

“Tôi hơi say, cậu biết đấy. Nếu không thì tôi sẽ không hỏi cậu kiểu này đâu. Cậu chắc là cậu không phiền chứ?”

“Ôi, im nào, Michael,” Brett nói. “Làm sao mà người ta có thể nói là họ thấy phiền được chứ? Để em hỏi anh ấy sau vậy.”

“Nhưng mà cậu không bận tâm đâu, đúng không?”

“Đừng có hỏi thế nữa nếu anh không muốn tôi phát cáu. Bill và tôi sẽ đi sáng ngày 25.”

“À, thế Bill đâu?” Brett hỏi.

“Cậu ta đang ăn ở Chantilly với ai đó.”

“Anh ta được đấy.”

“Quá tuyệt là khác,” Mike nói.
“Anh ta, cậu biết đấy.”

“Anh không nhớ ra anh ta đâu,”
Brett nói.

“Có chứ. Anh nhớ rõ lắm. Đây,
Jake, chúng tôi sẽ khởi hành vào
tối 25. Brett thức dậy trễ lắm.”

“Còn lâu ý!”

“Nếu tiền của chúng tôi đến
nơi đúng hẹn và cậu chắc chắn là
không bận tâm.”

“Nó sẽ tới mà, sẽ ổn thôi. Ta cứ
chờ xem.”

“Theo cậu thì ôi nên mang theo
những đồ gì.”

“Hãy mang theo hai hay ba cái cần với tay quay, và dây, và ruồi giả.”

“Em không câu cá đâu,” Brett chen vào.

“Thế thì, mang hai cần nhé, và Bill sẽ không cần phải mua một cái mới.”

“Được thôi,” Mike đồng ý. “Tôi sẽ gửi một bức điện cho người đang giữ nó.”

“Sẽ tuyệt lắm đấy,” Brett nói. “Tây Ban Nha! Mình sẽ vui ra trò.”

“Ngày 25. Thứ mấy ấy nhỉ?”

“Thứ Bảy.”

“Chúng ta sẽ phải chuẩn bị đấy.”

“Tôi bảo này,” Mike nói, “tôi đi cắt tóc đây.”

“Còn em thì phải đi tắm thôi,” Brett nói. “Anh đưa em về khách sạn nhé, Jake. Hãy tỏ ra là một quý ông lịch lãm đi.”

“Bọn này có cái khách sạn dễ thương nhất đấy,” Mike nói. “Tôi nghĩ đây là một cái nhà thổ!”

“Bọn em gửi hành lý ở Dingo lúc nhận phòng, và người của khách sạn hỏi bọn em rằng có phải bọn em chỉ cần phòng cho buổi chiều thôi hay không. Bọn em hài lòng quá nên quyết định ở luôn cả buổi đêm nữa.”

“Tôi thì tin rằng đây là một cái nhà thổ,” Mike nói. “Và đáng lý ra tôi nên biết sớm.”

“Ôi, im đi nào và anh đi cắt tóc đi.”

Mike rời đi. Brett và tôi ngồi bên quầy bar.

“Thêm ly nữa nhé?”

“Cũng được.”

“Em cần lắm,” Brett nói.

Chúng tôi đi lên Phố Delambre¹³.

“Em không gặp anh từ khi quay về,” Brett mở lời.

“Không.”

“Anh thế nào, Jake?”

“Tốt.”

13 Rue Delambre: một con đường ở Paris, được thông xe vào năm 1839. Nó được đặt theo tên nhà thiên văn học, nhà toán học và trắc địa học người Pháp Jean-Baptiste Delambre, giám đốc của Đài quan sát Thiên văn Paris năm gần đó.

Brett nhìn tôi. “Em bảo,” nàng nói, “liệu Robert Cohn có tham gia chuyến này không?”

“Có. Sao thế?”

“Anh có nghĩ chuyện này hơn khó khăn với anh ta không?”

“Tại sao?”

“Thế anh nghĩ em đi San Sebastian với ai?”

“Xin chúc mừng,” tôi nói.

Chúng tôi tiếp tục bước đi.

“Anh nói thế có ý gì?”

“Anh không biết. Em muốn anh nói gì đây?”

Chúng tôi bước đi và rẽ vào một góc ngoặt.

“Anh ta cư xử cũng ổn. Hơi trì độn một chút.”

“Thật ư?”

“Em nghĩ như thế thì tốt hơn cho anh ta.”

“Em có thể tham gia công tác xã hội đấy.”

“Đừng can thiệp.”

“Anh không thể.”

“Anh không biết thật à?”

“Không,” tôi nói. “Anh đoán là anh không nghĩ đến điều ấy.”

“Anh có nghĩ là chuyện này quá tệ với anh ta không?”

“Nó tùy thuộc vào hần thôi,” tôi nói. “Cứ nói với hần là em sẽ tới.”

Hắn luôn có thể không tham gia.”

“Em sẽ viết cho anh ta và cho anh ta cơ hội rút lui.”

Tôi không gặp lại Brett cho tới tối ngày 24 tháng Sáu.

“Anh có nghe tin gì từ Cohn không?”

“Có chứ. Hắn hơn hở lắm.”

“Chúa ơi!”

“Bản thân anh cũng nghĩ chuyện này kỳ quá.”

“Anh ta bảo không đợi được để gặp em.”

“Hắn có nghĩ là em đi một mình không?”

“Không đâu. Em bảo là tất cả

chúng ta cùng đi. Michael và tất cả.”

“Hắn ta thật phi thường.”

“Không phải ư?”

Họ mong tiền sẽ được chuyển tới vào ngày hôm sau. Chúng tôi sắp xếp để gặp nhau tại Pamplona. Họ sẽ đi thẳng tới San Sebastian và đón tàu từ đó. Chúng tôi sẽ gặp nhau tại khách sạn Montoya ở Pamplona. Nếu họ không có mặt vào ngày thứ Hai là thời điểm muộn nhất mà chúng tôi có thể đợi thì chúng tôi sẽ tiếp tục đi Burguete¹⁴ ở trên núi, và bắt đầu câu. Ở đó có tuyến xe buýt đi Burguete. Tôi soạn ra một bản lịch trình để họ có thể theo dấu chúng tôi.

¹⁴ Burguete: một thị trấn ở phía bắc Tây Ban Nha, nằm ở chân dãy núi Pyrenees.

Bill và tôi đáp chuyến tàu sáng từ Ga Orsay. Đó là một ngày đẹp trời, không quá nóng, và vùng nông thôn hiện ra thật xinh đẹp ngay từ điểm khởi đầu. Chúng tôi tới toa ăn và dùng bữa sáng. Rồi khỏi toa, tôi hỏi thăm người phụ trách toa ăn về vé cho lượt phục vụ đầu tiên.

“Không còn vé tới lượt năm ạ.”

“Thế cái gì đây?”

Không bao giờ có hơn hai lượt phục vụ cho bữa trưa trên một chuyến tàu, và luôn còn rất nhiều chỗ cho cả hai lượt này.

“Tất cả đều đã được đặt trước,” người phụ trách toa ăn trả lời. “Sẽ có năm suất vào lúc ba giờ rưỡi.”

“Nghiêm trọng rồi đây,” tôi nói với Bill.

“Cho gã mười franc coi.”

“Đây,” tôi nói. “Chúng tôi muốn được ăn ngay lượt phục vụ đầu.”

Tay nhân viên nhét đồng mười franc vào túi.

“Xin cảm ơn,” gã nói. “Tôi xin được khuyên các quý ông đây nên dùng bánh mì kẹp thịt. Tất cả chỗ cho bốn lượt phục vụ đầu tiên đều đã được đặt trước tại văn phòng của công ty.”

“Anh sẽ còn tiến xa đó, người anh em,” Bill nói với gã bằng tiếng Anh. “Tôi cá là nếu tôi đưa anh năm franc thì anh sẽ bảo chúng tôi hãy nhảy khỏi tàu bằng đường cửa sổ.”

“Comment¹⁵?”

“Cút xuống địa ngục đi!” Bill nói. “Mang bánh mì và một chai rượu ra đây. Cậu bảo gã đi, Jake.”

“Và mang nó tới trong chuyến xe đẩy tới nhé.” Tôi tả cho gã biết chỗ chúng tôi ngồi.

Trong toa của chúng tôi là một người đàn ông cùng với vợ và cậu con trai nhỏ.

“Tôi đoán các vị là người Mỹ?” người đàn ông hỏi thăm. “Các vị có chuyến đi tốt đẹp chứ?”

“Rất tuyệt,” Bill trả lời.

“Đó là những gì các vị mong muốn. Chu du khi mà ta còn trẻ. Mẹ nó và tôi đây luôn muốn khởi

¹⁵ Comment: (tiếng Pháp) “Sao ạ?”

hành, nhưng chúng tôi buộc lòng phải chờ đợi một thời gian.”

“Anh có thể đi từ mười năm trước, nếu như anh muốn,” bà vợ của ông ta nói. “Anh chỉ luôn nói là: ‘Hãy nhìn nước Mỹ trước!’ Tôi sẽ nói rằng chúng tôi đã nhìn thấy khá nhiều, hiểu mọi thứ theo một chiều.”

“Tôi thấy, có rất nhiều người Mỹ trên chuyến tàu này,” người chồng nói. “Có bảy toa toàn là người tới từ Dayton, Ohio¹⁶. Bọn họ làm một chuyến hành hương tới Rome¹⁷, và

16 Dayton là thành phố lớn thứ sáu của Mỹ, thuộc bang Ohio

17 Rome (“Romna Capitale”) là vùng dân cư đặc biệt của Ý. Rome là thủ đô của Ý và là thủ phủ của Lazio. Đây cũng là thành phố lớn nhất với đông dân cư nhất của đất nước này và mật độ dân số xếp thứ 4 trong danh sách các thành phố đông dân nhất châu Âu. Rome được gọi là “Thành phố vĩnh cửu” trong các tác phẩm thơ ca thuộc đế chế La Mã cổ đại.

giờ thì họ đi xuống Biarritz¹⁸ và Lourdes¹⁹.

“Thế, họ là như vậy đấy à. Hành hương. Những kẻ Thanh giáo đáng nguyên rửa,” Bill nói.

“Các cậu đến từ bang nào thế?”

“Thành phố Kansas,” tôi nói.
“Cậu này đến từ Chicago.”

“Hai người đi Biarritz à?”

“Không. Chúng tôi đi câu cá ở Tây Ban Nha.”

“Ồ, bản thân tôi thì không thích môn này. Mặc dù ở nơi tôi sống có nhiều người thích câu cá lắm.

18 Biarritz: thị trấn nghỉ mát ở tây nam nước Pháp, nằm trên Vịnh Biscay

19 Lourdes: một thị trấn ở tây nam nước Pháp nơi mà những tín đồ Thiên chúa giáo La Mã cổ đại chọn làm điểm đến để dưỡng thương, chữa bệnh, v.v.

Chúng tôi có những mùa câu tốt nhất ở bang Montana. Tôi từng đi câu với mấy ông bạn, nhưng tôi thì không quan tâm lắm.”

“Mấy ông thì chỉ viện cớ đi câu thôi,” vợ ông chen vào.

Ông ta nháy mắt với chúng tôi.

“Anh biết các bà rồi đấy. Nếu như có mang theo một cái bình, hay là một thùng bia, họ sẽ cho rằng đó chính là địa ngục và kiếp đọa đày.”

“Đây là kiểu của đàn ông,” vợ ông quay sang chúng tôi. Bà xoa đôi chân đang duỗi thoải mái của mình. “Tôi bỏ phiếu chống lại luật cấm²⁰ để làm vừa ý ông ấy, và bởi 20 luật cấm ở đây chỉ luật cấm uống rượu và buôn bán rượu, được Quốc hội Mỹ thông qua trong thời kỳ những năm 1920-1933.

vì tôi cũng thích trong nhà có một ít bia bọt, và rồi thì ông ấy nói năng kiểu đó. Tôi không hiểu nổi tại sao họ lại có thể kiếm được người muốn cưới họ cơ chứ.”

“Tôi bảo này,” Bill nói, “các vị có biết rằng cái lũ Đức cha hành hương kia đã bao vây toa ăn cho tới tận ba rưỡi chiều không?”

“Ý cậu là sao? Bọn họ không thể làm thế.”

“Các vị cứ thử tìm chỗ mà xem.”

“Ôi, mẹ nó ời, có lẽ là ta nên quay lại và làm thêm một bữa sáng nữa.”

Bà vợ đứng dậy và vuốt thẳng váy.

“Các cậu trông nom đồ đạc giúp chúng tôi nhé? Đi nào, Hubert.”

Cả ba người bọn họ đứng lên và đi tới toa ăn. Không lâu sau khi họ đi khỏi một nhân viên phục vụ đi qua thông báo toa ăn đang phục vụ lượt đầu, và những tay hành hương, cùng với cây thập tự, bắt đầu đổ bộ đầy hành lang. Người bạn của chúng tôi và gia đình ông ta không thấy quay trở lại. Một người phục vụ đi qua hành lang với bánh mì kẹp thịt của chúng tôi và chai rượu Chablis²¹, và chúng tôi gọi anh ta lại.

“Hôm nay anh sẽ mệt đây,” tôi nói.

²¹ Chablis: loại rượu vang đỏ nguyên chất được sản xuất quanh thị trấn Chablis, nước Pháp

Anh ta gật đầu. “Bắt đầu rồi đây, lúc mười rưỡi.”

“Khi nào chúng tôi ăn?”

“Hử! Khi nào thì tôi được ăn?”

Anh ta để lại hai chiếc ly cùng với cái chai, chúng tôi trả tiền bánh mì cho anh ta và thêm tiền tip.

“Tôi sẽ đi lấy đĩa,” anh ta nói, “hoặc các ông mang chúng đi theo.”

Chúng tôi ăn bánh mì kẹp thịt và uống Chablis và ngắm nhìn khung cảnh bên ngoài cửa sổ. Lúa đang độ chín vàng và cả cánh đồng nở đầy hoa anh túc. Bãi chăn thả gia súc xanh rì màu cỏ, và cây cối thì mơn mớn, và thỉnh thoảng, một con sông lớn và rồi lâu đài hiện lên từ những rặng cây.

Chúng tôi xuống tàu ở Tours và mua một chai rượu khác, và khi quay trở lại tàu quý ông đến từ Montana và vợ cùng cậu con trai, Hubert, đang ngồi thật thoải mái trong khoang hành khách.

“Ở Biarritz có chỗ nào bơi được không ạ?” Hubert hỏi.

“Thằng nhóc này cứ nhặng xị hết cả lên cho tới khi nó xuống được nước,” mẹ cậu bé giải thích. “Đi du lịch với con trẻ hơi vất vả một chút.”

“Có đấy,” tôi nói. “Nhưng khi biển động thì hơi nguy hiểm một chút.”

“Các vị dùng bữa chưa?” Bill hỏi.

“Chúng tôi ăn rồi. Chúng tôi đến đúng lúc họ mang đồ ăn vào, và họ cứ nghĩ rằng chúng tôi nằm trong danh sách. Một người phục vụ nói gì đó với chúng tôi bằng tiếng Pháp, và rồi sau đó họ xua ba người chúng tôi về đây.”

“Họ nghĩ chúng tôi là lũ cá hanh, cũng được thôi,” người chồng nói. “Nó chứng minh cho ta thấy sức mạnh của nhà thờ Công giáo. Thật tiếc là mấy cậu không theo đạo. Nếu không thì các cậu cũng kiếm được một bữa kha khá.”

“Tôi có,” tôi nói. “Chính thế mà tôi mới thấy cay đắng đây.”

Cuối cùng chúng tôi cũng được ăn trưa vào lúc bốn giờ mười lăm. Bill nổi điên ở phút cuối cùng. Anh

túm lấy áo của một ông thầy tu vừa quay trở lại trong cơn lũ của những kẻ hành hương.

“Khi nào thì những con chiên Tin lành chúng tôi được ăn, thừa cha?”

“Ta không biết gì về chuyện này cả. Con có vé ăn không?”

“Thật quá đủ để khiến một người gia nhập Klan²²,” Bill nói.

²² Đảng KKK hay dân 3K (nguyên gốc tiếng Anh: Ku Klux Klan – viết tắt KKK), là tên của nhiều hội kín lớn ngày xưa và ngày nay ở Hoa Kỳ với chủ trương đề cao thuyết Người da trắng thượng đẳng, chủ nghĩa bài Do Thái, bài Công giáo, chống cộng sản, chống đồng tính luyến ái và chủ nghĩa địa phương. Các hội kín này thường sử dụng các biện pháp khủng bố, bạo lực và các hoạt động mang tính hăm dọa chẳng hạn như đốt thập giá, treo cổ... để đe dọa người Mỹ gốc Phi và những người khác. KKK được lập ra từ cuộc Nội chiến Hoa Kỳ bởi 6 cựu binh trung cấp của quân Liên bang. Tên gọi được tạo nên bởi sự kết hợp giữa một từ trong tiếng Hy Lạp là *kyklos* (hình tròn) với từ *clan* (đoàn, nhóm...); cái tên này con

Ông cha cố không tin nổi, quay lại nhìn anh.

Trong khoang ăn, người phục vụ lần lượt mang ra những món ăn như trong thực đơn khách sạn hạng sang ở lượt thứ năm. Tay bồi phục vụ chúng tôi có dáng vẻ như vừa bị nhúng người vào trong nước. Chiếc áo khoác trắng của anh ta có màu tím ở cánh tay.

“Ắt hẳn là anh ta nốc nhiều rượu lắm.”

“Hoặc là mặc một chiếc áo chèn màu tím.”

“Hỏi anh ta xem.”

“Thôi. Trông anh ta mệt quá.”

mang ý nghĩa là “Vòng tròn của những người anh em.”

Tàu dừng lại nửa tiếng ở Bordeaux²³ và chúng tôi đi ra ngoài ga để dạo. Không có đủ thời gian để vào thị trấn. Sau đó chúng tôi đi qua Landes²⁴ và ngắm cảnh hoàng hôn. Có những đai trắng phòng lửa cắt ngang cánh rừng thông, và anh có thể nhìn xuyên qua chúng như trên những đai lộ và thấy cả rừng gỗ phía xa xa. Vào khoảng bảy giờ rưỡi chúng tôi dùng bữa tối và nhìn ngắm cảnh nông trang mở ra bên khung cửa sổ của khoang ăn. Toàn là một vùng đất cát trồng thông với cây thạch nam. Có rất ít những khoảng đất trống với nhà cửa, và

23 Bordeaux: một thị trấn có cảng biển ở tây nam nước Pháp, bên sông Garonne; nổi tiếng với loại rượu vang ngon được biết đến và yêu thích trên toàn thế giới

24 Landes: vùng đất thuộc miền tây nam nước Pháp

thi thoảng chúng tôi bắt gặp một vài xưởng mộc.

Trời dần tối và chúng tôi có thể cảm nhận được nông thôn nóng nực và đầy bụi bặm, và tối tăm phía bên ngoài khung cửa, vào khoảng chín giờ tối thì chúng tôi tới Bayonne. Người đàn ông cùng vợ và Hubert bắt tay tạm biệt chúng tôi. Họ sẽ đi tiếp tới La Negresse[La Negresse: thuộc Bayonne, Pháp] rồi đổi tàu đi Biarritz.

“Ồ, tôi xin chúc các cậu may mắn,” ông ta nói.

“Hãy cẩn thận với mấy con bò nhé.”

“Có thể cháu sẽ gặp lại các chú ở Biarritz,” Hubert nói.

Chúng tôi lấy túi và cần câu của mình và bước qua sân ga đang chìm trong bóng tối và đi tới phía có ánh đèn và hàng dãy những xe ngựa và xe buýt của khách sạn đang chờ đợi. Kia, đứng cùng với người chạy việc của khách sạn là Robert Cohn. Ban đầu gã không nhận ra chúng tôi. Rồi gã đi tới.

“Chào Jake. Chuyển đi tốt chứ?”

“Tốt,” tôi nói. “Đây là Bill Gorton.”

“Xin chào.”

“Đi nào,” Robert nói. “Tôi đã gọi một chiếc xe ngựa.” Gã hơi bị cận thị một chút Tôi chưa từng nhận ra điều này. Gã nhìn Bill, cố gắng

nhận ra anh. Gã vẫn còn đôi chút rụt rè.

“Chúng ta sẽ tới khách sạn tôi ở. Nó ổn lắm. Khá được đấy.”

Chúng tôi ngồi vào xe, và người xà ích đặt túi hành lý vào ghế ngồi bên cạnh anh ta và trèo vào trong xe và vung roi, và chúng tôi phóng qua cây cầu tối đi vào thị trấn.

“Rất vui khi gặp anh,” Robert bắt chuyện với Bill. “Tôi đã nghe Jake kể rất nhiều về anh và tôi cũng đọc sách của anh nữa. Cậu có nhận được lời nhắn của tôi không, Jake?”

Xe dừng lại ngay trước cửa khách sạn và chúng tôi xuống xe,

rồi bước vào trong. Đó là một khách sạn dễ thương, và nhân viên lễ tân thì vui tính, và mỗi người chúng tôi đều có được một căn phòng tốt.

Chương 10

Buổi sáng trời trong xanh, mấy con phố trong thị trấn được người ta vẩy nước mát, và tất cả chúng tôi dùng bữa sáng trong quán café. Bayonne là một thị trấn xinh đẹp. Nó mang dáng vẻ của một thị trấn Tây Ban Nha vô cùng sạch sẽ và nó nằm bên một con sông lớn. Ngay từ sáng sớm, cây cầu bắc qua dòng sông đã phả ra hơi nóng. Chúng tôi đi qua cầu rồi vào dạo thị trấn.

Tôi không dám chắc rằng cần câu của Mike sẽ được chuyển đến đúng hẹn từ Scotland, nên chúng tôi tìm tới một cửa hàng dụng cụ và cuối cùng cũng mua được cho Bill một cái cần câu ở tầng của hàng đồ khô. Người bán hàng đi ra ngoài, và chúng tôi phải đợi ông ta quay trở lại. Cuối cùng ông ta cũng quay về, và chúng tôi mua được một cái cần câu tốt với giá khá rẻ, cùng với hai cái lưới.

Chúng tôi lại bước xuống đường và ghé vào thăm quan một thánh đường. Cohn có lời nhận xét rằng nó là một ví dụ tốt về cái gì đó hoặc cái khác, mà tôi đã quên bém mất. Đó dường như là một thánh đường đẹp, đẹp và tối, giống như những nhà thờ ở trên đất Tây Ban

Nha. Rồi chúng tôi đi lên, vượt qua một pháo đài cũ và qua Văn phòng thông tin du lịch địa phương, nơi trung chuyển của các chuyến xe buýt. Ở đó họ nói với chúng tôi rằng dịch vụ xe buýt sẽ không bắt đầu hoạt động cho tới ngày mùng 1 tháng Bảy. Chúng tôi tìm thấy một văn phòng du lịch mà chúng tôi có thể thuê xe tới Pamplona và thuê một chiếc ở một garage lớn ngay góc Nhà hát thành phố với giá bốn trăm franc. Chiếc xe sẽ đón chúng tôi tại khách sạn trong bốn mươi phút nữa, và chúng tôi dừng lại ở quán café trên quảng trường nơi chúng tôi dùng bữa sáng, sẵn sàng cho một châu bia. Trời nóng, nhưng thị trấn phảng phất không khí mát mẻ, tươi mới của buổi sớm mai và được ngồi trong quán café

như thế này thật là dễ chịu. Gió nhẹ bắt đầu thổi, và ta có thể cảm nhận được hương vị đến từ biển cả. Có mấy con bồ câu trên quảng trường, và những ngôi nhà có màu vàng đã bàu màu ít nhiều vì nắng gió, tôi thật tình không muốn phải rời khỏi chốn này. Nhưng chúng tôi phải quay trở về khách sạn để thu dọn đồ và trả tiền phòng. Chúng tôi trả tiền bia, chúng tôi tranh nhau và tôi nghĩ Cohn là người trả tiền, và chúng tôi đi về khách sạn. Phần của tôi và Bill chỉ có mười sáu franc, cộng với mười phần trăm phí dịch vụ, và túi của chúng tôi được mang xuống lầu trong khi đợi Robert Cohn. Khi đứng chờ tôi nhìn thấy một con gián dài ít nhất tám phân trên sàn nhà lát gỗ. Tôi chỉ cho Bill con gián rồi dí giày

lên mình nó. Chúng tôi đồng tình đi đến kết luận rằng con gián này chắc mới chui vào từ khu vườn. Còn khách sạn này vẫn là một chốn sạch sẽ khùng khiếp.

Cuối cùng thì, Cohn cũng xuất hiện, và tất cả chúng tôi ra xe. Đó là một chiếc xe kín, to lớn, với người tài xế mặc bộ quần áo trắng ám bụi có cổ xanh và tay áo xấn lên, và ông ta kéo nắp sau của xe xuống. Ông ta xếp túi vào xe và chúng tôi bắt đầu rời khỏi con phố và ra khỏi thị trấn. Chúng tôi lướt qua những khu vườn xinh đẹp và có thể nhìn bao quát cả thị trấn, và rồi chúng tôi tiến vào vùng nông thôn, xanh mướt và vòng vèo, và con đường cứ dốc lên suốt cả chuyến đi. Chúng tôi vượt qua rất nhiều

người Basque²⁵ với những đàn bò, lũ gia súc, những xe thồ dọc đường đi, rồi những ngôi nhà nông thôn xinh đẹp, thấp mái, tất cả đều trát vữa thạch cao trắng. Ở miền quê Basque đất đai thật màu mỡ và xanh tươi với những ngôi nhà và xóm làng mang dáng vẻ sung túc và sạch sẽ. Mọi xóm làng đều có sân pelota²⁶ và mấy đứa trẻ đang chơi đùa dưới trời nắng nóng. Có những tấm bảng được gắn trên bờ tường của nhà thờ viết rằng cấm được chơi pelota ở đây, và các ngôi nhà tổng làng có mái ngói màu đỏ, và con đường rẽ ngoặt sang một

25 người Basque: những người sống ở miền tây Pyrénées thuộc Tây Ban Nha và Pháp

26 pelota: một trò chơi giống như bóng ném, được chơi với một chiếc vợt cong được buộc vào cánh tay, để bắt bóng đánh vào tường. Đây là một trò chơi truyền thống của người dân vùng Basque, Tây Ban Nha.

hướng khác và bắt đầu dốc lên và chúng tôi đang đi sát bên sườn đồi, với một thung lũng nằm bên dưới và những ngòi đồi nối tiếp nhau ngoằn ngoèo chạy ra tận biển. Anh không thể nhìn thấy biển. Nó vẫn còn cách quá xa. Anh chỉ nhìn thấy toàn đồi và rồi nối tiếp vẫn là những ngọn đồi, nhưng anh biết rất rõ biển nằm ở hướng nào.

Chúng tôi tới biên giới Tây Ban Nha. Có một dòng suối nhỏ và con cầu bắc qua nó, và đứng gác nơi đầu cầu là những người lính Tây Ban Nha đeo súng cacbin²⁷, với chiếc mũ da Bonaparte, và súng

27 súng cacbin (carbine, xuất phát từ từ tiếng Pháp carabine) là loại súng dài có thiết kế giống súng trường hoặc súng hỏa mai nhưng ngắn hơn, có hỏa lực thấp hơn so với súng trường do nòng súng ngắn hơn. Thích hợp cho việc ngắm bắn các mục tiêu ở cự li gần.

ngắn đeo trên lưng, ở một bên, và bên kia là một ông sĩ quan béo người Pháp có râu rậm đầu đội mũ kép²⁸. Họ chỉ mở một túi đồ và lấy hộ chiếu kiểm tra. Có một cửa hàng tạp hóa và nhà nghỉ ở mỗi bên của con đường. Người lái xe phải đi vào trong bớt gác và điền một số giấy tờ về chiếc xe và chúng tôi đi ra dòng suối để xem có cá hồi hay không. Bill cố gắng nói một ít tiếng Tây Ban Nha với một người lính cầm súng cacbin, nhưng không thành công lắm. Robert Cohn hỏi, chỉ bằng ngón tay, rằng liệu dưới suối có cá hồi không, và người lính trả lời có, nhưng không nhiều.

28 mũ kép (kepi): loại mũ có đỉnh tròn và phẳng với phần vành giống mũ lưỡi trai. Loại mũ này được quân đội và cảnh sát Pháp sử dụng làm đồng phục (giống như nhân vật Clouseau của Steve Martin trong phim Pink Panther)

Tôi hỏi ông ta đã đi câu cá bao giờ chưa, và ông ta trả lời chưa, do vậy ông ta chẳng bận tâm cho lắm.

Thế rồi một ông già với râu tóc dài và cháy nắng, khoác bộ quần áo nhìn như thể chúng được làm từ những chiếc bị đay, sai bước tới cây cầu. Ông mang theo một cây gậy dài, và có một đứa trẻ được đeo trên lưng ông, bốn chân của nó buộc chặt, cái đầu rũ xuống.

Người lính biên phòng vẫy ông lại bằng thanh kiếm. Ông già quay lại mà không nói lời nào, và trở lại con đường màu trắng thuộc về phần lãnh thổ Tây Ban Nha.

“Có vấn đề gì với ông già thế?”

“Ông ấy không có hộ chiếu.”

Tôi mời người lính gác một điều thuốc. Ông ta nhận lấy và cảm ơn tôi.

“Ông ấy sẽ làm gì?” tôi hỏi.

Người lính hất hất đám bụi dưới chân mình.

“Ôi, ông ta sẽ lội qua dòng suối.”

“Ở đây có nhiều vụ buôn lậu không?”

“Ô,” ông ta nói, “họ sẽ trốn sang được hết ấy mà.”

Người lái xe bước ra, gấp lại mấy tờ giấy và nhét chúng vào cái túi trên áo khoác. Chúng tôi ngồi vào xe và tiếp tục tiến lên con đường đầy bụi trắng vào Tây Ban Nha. Trong một lúc vùng nông thôn

mang dáng vẻ như nó vẫn từng thế; rồi, cứ thế dốc lên, chúng tôi vượt qua một đỉnh của rặng núi Col, con đường lộng gió, và rồi Tây Ban Nha thực sự hiện ra. Những rặng núi màu nâu dài tít tắp và một vài cây thông và phái đằng xa là rừng cây sồi ở bên rìa rặng núi. Con đường kéo dài tới đỉnh của rặng Col và rồi dốc xuống, và người lái xe buộc phải bấm còi, giảm tốc, và ngoặt tay lái để tránh đâm vào hai con lừa đang nằm ngủ trên đường. Chúng tôi đi xuống núi và qua một rừng sồi, và những con gia súc màu trắng đang gặm cỏ trong khu rừng. Ở bên dưới kia là đồng bằng xanh mướt cỏ và dòng suối trong vắt, và rồi chúng tôi vượt qua dòng suối và tiến vào một khu làng nhỏ tồi tàn, và rồi tiếp tục leo cao. Chúng

tôi cứ đi lên và lên và vượt qua một đỉnh núi cao khác thuộc dãy Col và đi vòng quanh nó, và rồi con đường lại dẫn xuống về bên phải, và chúng tôi nhìn thấy một rặng núi mới ở phái nam, tất cả đều có màu nâu và có vẻ như vừa được đưa ra từ lò nướn và nhẵn nhúm theo những hình thù kỳ lạ.

Sau một lúc chúng tôi ra khỏi núi, và những hàng cây hiện ra hai bên đường, và một dòng suối và những cánh đồng lúa chín vàng, và con đường cứ kéo dài mãi, rất trắng và thẳng tắp, và con đường dốc lên một chút, và về cuối cùng bên trái là một ngọn đồi với một lâu đài cổ, và những tòa nhà kề bên và những nhịp sóng lúa vàng nổi lên trong gió nơi cánh đồng nằm

ngay bên phải những bức tường. Tôi ngồi hàng ghế trước với người tài xế và tôi quay đầu lại. Robert Cohn đang ngủ, còn Bill thì nhìn tôi và gật đầu. Rồi chúng tôi vượt qua một đồng bằng rộng lớn, và một con sông lớn hiện ra dưới ánh nắng chói chang giữa những lùm cây, và ở phía xa kia ta có thể thấy thung lũng Pamplona nổi lên từ đồng bằng, và những bức tường bao quanh thành phố, thánh đường lớn có màu nâu, và những nhà thờ khác đâm chọc bầu trời. Phía sau thung lũng là những triền núi, dù anh có nhìn ngắm theo cách nào thì tiếp đó vẫn chỉ toàn là núi, và con đường phía trước kéo dài thẳng tắp qua đồng bằng dẫn tới Pamplona.

Chúng tôi đi vào thị trấn ở phía bên kia của thung lũng, con đường dốc đứng lên và ám bụi với những hàng cây che bóng mát ở cả hai bên đường, và rồi trở nên bằng phẳng khi ra đến khu quy hoạch mới của thị trấn được xây dựng bên ngoài những bức tường cũ. Chúng tôi đi qua đấu trường, cao và trắng và vùi chãi dưới nắng, và rồi đi vào một quảng trường rộng lớn men theo một con đường kè bên và dừng lại ngay trước cửa Khách sạn Montoya.

Người lái xe giúp chúng tôi dỡ hành lý xuống. Có cả một đám lũ nhố những đứa trẻ vây quanh và ngắm nghía chiếc xe, và quảng trường bốc lên hơi nóng, và những tán cây thì xanh ngắt, và những lá

cờ được treo trên cột cờ, và thật dễ chịu khi thoát khỏi ánh nắng chói chang và đi vào bóng râm của mái vòm chạy quanh quảng trường. Montoya mừng rỡ khi thấy chúng tôi, và bắt tay và cho chúng tôi những phòng tốt nhất có thể nhìn ra quảng trường, và rồi chúng tôi rửa ráy và tắm tấp và đi xuống phòng ăn dưới lầu để dùng bữa trưa. Người lái xe cũng ở lại ăn trưa, và sau đó chúng tôi thanh toán tiền cho ông ta và ông ta lại quay về Bayonne.

Có hai phòng ăn ở Montoya. Một ở trên tầng hai và nhìn ra quảng trường. Cái kia thì ở một tầng thấp hơn so với quảng trường và có cửa mở ra con phố phía sa mà lũ bò sẽ chạy qua vào sáng sớm mà

chúng được đưa tới đấu trường. Phòng ăn bên dưới luôn mát mẻ và chúng tôi có một bữa ra trò. Bữa đầu tiên ở Tây Ban Nha luôn là một sự nhạc nhiên lớn với món khai vị, một món trứng, hai món thịt, rau, và món tráng miệng cùng với hoa quả. Anh phải uống thật nhiều rượu mới có thể nuốt trôi được hết số thức ăn này. Robert Cohn cố nói rằng gã không muốn dùng món thịt thứ hai, nhưng chúng tôi không dịch lời hộ gã, và vì thế mà người phục vụ mang cho gã một thứ khác thay thế, một đĩa thịt lạnh, tôi cho là vậy. Cohn luôn tỏ ra hơi hồi hộp kể từ khi chúng tôi hội ngộ ở Bayonne. Gã không chắc liệu chúng tôi có biết rằng Brett đã cùng với gã ở San Sebastian hay

không, và điều này khiến cho gã hơi ngượng ngịu.

“Ôi,” tôi nói, “Brett và Mike sẽ tới đêm nay.”

“Tôi không chắc là họ sẽ tới,” Cohn nói.

“Sao lại không?” Bill hỏi. “Chắc chắn là họ sẽ tới chứ.”

“Họ luôn trễ hẹn,” tôi giải thích.

“Tôi nghĩ là họ sẽ không tới đâu,” Robert Cohn nói.

Gã nói với cái khí thế làm ra vẻ có hiểu biết hơn khiến chúng tôi đều khó chịu.

“Tôi cá với cậu năm mươi peseta²⁹ là họ sẽ có mặt ở đây vào

²⁹ peseta: đơn vị tiền tệ của Tây Ban Nha

tối nay,” Bill nói. Anh luôn cá cược những khi giận dữ, và thường thì anh toàn cá những vụ ngớ ngẩn.

“Chấp nhận,” Cohn nói. “Tốt. Cậu nhớ hộ nhé, Jake. Năm mươi peseta.”

“Tự tôi sẽ nhớ,” Bill nói. Tôi thấy anh tức giận và muốn làm anh dịu lại.

“Chắc là họ sẽ tới thôi,” tôi nói. “Nhưng có lẽ không phải tối nay.”

“Có muốn rút lại không?” Cohn hỏi.

“Không. Sao tôi phải làm thế? Nếu thích thì chơi luôn một trăm.”

“Được thôi. Chơi luôn.”

“Đủ rồi,” tôi nói. “Nếu không thì các cậu phải làm một quyển sổ và chia bớt tiền dịch vụ cho tôi.”

“Tôi rất sẵn lòng,” Cohn nói. Gã mỉm cười. “Dù sao, thì cậu cũng có thể gỡ lại bằng mấy ván bài.”

“Cậu vẫn chưa cầm chắc tiền trong tay đâu,” Bill nói.

Chúng tôi bước ra ngoài và đi dọc bên dưới mái vòm tới quán Café Irũna³⁰ để làm một ly cà phê. Cohn bảo gã sẽ tiếp tục đi và cạo râu luôn thể.

“Bảo này,” Bill quay sang tôi, “tôi có cơ hội thắng vụ cá cược này không?”

30 Café Irũna: một quán cà phê nằm trong khu Plaza del Castillo ở Pamplona, hiện giờ vẫn còn hoạt động

“Cậu có ít cơ hội lắm. Họ chẳng bao giờ đúng hẹn cả. Nếu tiền của họ không tới thì họ không có mặt ở đây đêm nay đâu.”

“Tôi hối hận ngay khi vừa mở mồm. Nhưng tôi phải nói lại hẳn. Hẳn nói đúng, tôi nghĩ vậy, nhưng hẳn lấy đâu ra cái kiểu thái độ đó kia chứ? Mike và Brett đã khẳng định với bọn mình rằng sẽ tới đây rồi cơ mà.”

Tôi thấy Cohn bước đến từ phía bên kia quảng trường.

“Hẳn quay lại kia.”

“Ồ, mình đừng để hẳn trở nên ngạo mạn và đầy tính Do Thái thế.”

“Tiệm cắt tóc đóng cửa,” Cohn nói. “Bốn giờ nó mới mở.”

Chúng tôi dùng cà phê ở Irũna, ngồi trên những chiếc ghế êm ái được làm bằng liễu gai, nhìn ra ngoài quảng trường rộng lớn từ mái hiên mát mẻ. Sau một lúc Bill đi gửi vài lá thư và Cohn tới tiệm cắt tóc. Nó vẫn chưa mở cửa, nên gã quyết định quay lại khách sạn và tắm rửa, và tôi ngồi trước cửa quán café và rồi dạo quanh thị trấn. Trời thật nóng, nhưng tôi cứ bước đi ở phía có bóng râm của những hàng cây và đi qua chợ và tận hưởng một buổi chiều thú vị khi được nhìn ngắm lại thị trấn này. Tôi đi tới Ayuntamiento³¹ và tìm thấy quý ông già luôn giữ vé xem đấu bò tốt giúp tôi mỗi mùa giải, ông đã nhận được tiền tôi gửi từ Paris và làm

31 Ayuntamiento: (tiếng Tây Ban Nha) Tòa thị chính

mới đơn đặt hàng của tôi, nên tất cả đều đã đâu vào đấy hết. Ông là một chuyên viên lưu trữ văn thư, và tất cả giấy tờ trong thị trấn đều có mặt trong phòng làm việc của ông. Điều ấy thì chẳng liên quan gì tới câu chuyện này cả. Nhưng dù sao thì, văn phòng của ông có một cái cửa baize³² màu xanh lá cây và một cái cửa gỗ lớn, và khi tôi bước ra tôi bỏ ông ngồi lại đó giữa những chồng giấy tờ chất đầy cả bốn bức tường, và tôi đóng cả hai cánh cửa lại, và khi tôi bước ra khỏi tòa nhà để đi xuống phố người gác cổng ngăn tôi lại để phủi bụi trên áo khoác của tôi.

“Chắc hẳn ông vừa đi trên một chiếc xe ca,” anh ta nói.

32 baize: loại vải len xanh lá sáng giống vải nỉ thường được dùng để bọc bàn ghế

Cổ áo phía sau và phần trên vai áo bạc trắng bụi.

“Từ Bayonne.”

“Ô, ô,” anh ta nói. “Tôi biết là ông ngồi trên xe ca từ nơi đầy bụi tới đây mà.” Rồi tôi đưa anh ta đồng hai xu.

Ở cuối phố tôi nhìn thấy thánh đường và đi về phía ấy. Lần đầu tiên tôi cứ nghĩ rằng thánh đường này có mặt tiền nom thật xấu xí nhưng giờ thì tôi lại thấy thích. Tôi bước vào trong. Bên trong lò mờ tối và các cây cột cao vút lên, và ở đó có những người đang cầu nguyện, và mùi nhang phảng phất trong không khí, và có những khung cửa sổ lớn rất đẹp. Tôi quỳ xuống và bắt đầu cầu nguyện và tôi cầu nguyện cho

tất cả những người mà tôi nghĩ tới, Brett và Mike và Bill và Robert Cohn và cả tôi nữa, và tất cả các đấu sĩ bò tốt, cầu nguyện riêng cho những ai tôi thích, và gộp chung những người còn lại làm một, rồi tôi lại cầu nguyện cho bản thân mình, và khi tôi đang cầu nguyện cho mình tôi thấy buồn ngủ, nên tôi cầu rằng mấy trận đấu bò sẽ thật hay, và rằng đây sẽ là một fiesta thành công, và rằng chúng tôi sẽ câu được kha khá cá. Tôi băn khoăn không biết còn điều gì mà tôi có thể cầu nguyện thêm nữa, và tôi nghĩ rằng tôi sẽ muốn có thêm một ít tiền, nên tôi cầu tôi sẽ kiếm được thật nhiều tiền, và rồi tôi bắt đầu nghĩ tới việc làm sao để đạt được điều này, và nghĩ về việc kiếm tiền lại gợi tôi nhớ tới tay Bá tước,

và tôi bắt đầu suy nghĩ về việc hiện giờ ông ta đang ở đâu, và lấy làm tiếc rằng tôi chưa gặp lại ông ta kể từ đêm ở Montmartre, và về điều gì đó khôի hài mà Brett kể cho tôi nghe về ông ta, và trong suốt quãng thời gian ấy tôi quỳ gối với trán tựa vào thanh gỗ trước mặt mình, tôi nghĩ về bản thân mình đang cầu nguyện, tôi có chút hổ thẹn, và hối hận rằng tôi là một con chiên thối tha, nhưng nhận ra tôi chẳng thể làm gì đối với điều này, ít nhất là trong một thời gian, và có thể là không bao giờ cả, nhưng dù sao thì đó cũng là một thứ tôn giáo vĩ đại, và tôi chỉ ước rằng tôi cảm thấy được tinh thần tôn giáo đó và có thể là vào lần tới; và rồi tôi bước ra ngoài cái nắng nóng nơi bậc thềm của thánh đường, và

ngón tay trở và ngón cái của bàn tay phải tôi vẫn còn ẩm ướt, và tôi cảm thấy chúng đang khô lại dưới ánh nắng. Ánh mặt trời nóng bỏng và khắc nghiệt, và tôi đi qua một số tòa nhà, và quay trở lại con đường dẫn về khách sạn.

Bữa tối đó chúng tôi tìm thấy Robert Cohn đã tắm rửa, đã cạo râu và cắt tóc và gội đầu, và có cái thứ gì đó trên tóc gã để giữ cho chúng được nguyên dạng. Gã hồi hộp, và tôi không cố gắng giúp đỡ gì cả. Chuyến tàu sẽ tới từ San Sebastian vào lúc chín giờ, và, nếu Brett cùng Mike đều đến, họ sẽ có mặt trên chuyến tàu đó. Lúc chín giờ kém hai mươi chúng tôi chưa dùng xong nửa bữa tối. Robert Cohn đứng dậy và nói rằng gã muốn ra ga. Tôi bảo

rằng tôi sẽ đi cùng gã, chỉ mong được hành hạ gã. Bill thì bảo anh sẽ bị nguyên rửa nếu bỏ dở bữa tối. Tôi an ủi anh ằng chúng tôi sẽ trở về ngay.

Chúng tôi đi bộ tới nhà ga. Tôi thích thú nhìn thấy Cohn lo lắng. Tôi mong Brett sẽ đi chuyến tàu đó. Tàu tới sân ga trễ, và chúng tôi ngồi trên một chiếc xe chở hàng và đợi bên ngoài trong bóng tối. Tôi chưa bao giờ được chiêm ngưỡng một người đàn ông nào trong thời bình lại bất an như Robert Cohn – cũng như chưa từng có ai lại hào hứng đến vậy. Quả thật tôi đã được mãi mãi. Cũng thật tệ khi thỏa mãn với những điều như thế, nhưng tôi vẫn biết rằng mình đê tiện. Cohn có cái tài năng thiên bẩm trong việc

khơi dậy những điều tệ hại nhất ẩn sâu bên trong mỗi con người.

Một lúc lâu sau chúng tôi nghe tiếng còi tàu từ bên kia thung lũng, và rồi chúng tôi thấy ánh đèn tiến lên triền đồi. Chúng tôi bước vào sân ga và đứng cùng đám đông ở ngay sau cánh cửa sắt, và con tàu tiến và và dừng lại, và mọi người bắt đầu tràn qua cửa.

Họ không có trong đám đông. Chúng tôi chờ cho tới khi tất cả hành khách xuống tàu và ra khỏi sân ga và ngồi trên xe buýt, hoặc xe taxi, hoặc đi bộ cùng bạn bè và người thân của họ về thị trấn trong bóng đêm.

“Tôi biết là họ không đến mà,” Robert nói. Chúng tôi đang trên

đường trở về khách sạn.

“Tôi cứ nghĩ là họ có thể sẽ đến,” tôi nói.

Bill đang ăn hoa quả khi chúng tôi quay về và đang giải quyết nốt chai rượu.

“Họ không đến à?”

“Không.”

“Cậu không phiền nếu tôi trả cậu một trăm peseta đó vào buổi sáng chứ, Cohn?” Bill hỏi. “Tôi vẫn chưa đổi được tiền.”

“Ôi, quên nó đi,” Robert Cohn nói. “Mình nên cá thứ khác thì hơn. Cậu có muốn cá mấy trận đấu bò không?”

“Được đấy,” Bill nói, “nhưng

cậu không cần phải làm thế đâu,”

“Cứ như là đánh cá trong chiến tranh ấy,” tôi nói. “Các cậu không buồn quan tâm đến quyền lợi kinh tế.”

“Tôi rất tò mò được thấy chúng,” Robert nói.

Montoya đến bên bàn chúng tôi. Trong tay ông cầm một bức điện. “Của ông.” Ông trao nó cho tôi.

Nó viết: “Đêm nay nghỉ lại San Sebastian.”

“Là họ gửi,” tôi giải thích. Tôi cất nó lại trong túi. Bình thường ra tôi nên cho bọn họ đọc.

“Họ dừng lại ở San Sebastian,” tôi nói. “Gửi lời chào tới các vị.”

Vì sao mà tôi có cơn bốc đồng muốn được hành hạ gã, tôi không tài nào lý giải được. Đương nhiên là tôi biết. Tôi mù quáng, sự ghen tuông không lường thứ về những gì xảy ra với gã. Sự thật là tôi chấp nhận nó như một sự hiển nhiên cũng chẳng giúp thay đổi được điều gì. Tôi thật sự ghét gã. Tôi không nghĩ rằng tôi thực sự ghét gã cho tới khi gã đưa ra mấy lời nói đầy khinh mạn ấy vào bữa trưa – cái đó và cả khi gã bước ra từ tiệm cắt tóc. Nên tôi cất bức điện vào trong túi áo. Dù sao, bức điện cũng được gửi cho đích thân tôi.

“Ồ,” tôi nói. “Mình phải đi chuyển xe buýt buổi trưa tới

Burguete³³. Họ có thể theo kịp ta nếu họ tới đây vào đêm mai.”

Chỉ có hai chuyến tàu từ San Sebastian, một chuyến vào sáng sớm và chuyến mà chúng tôi vừa thấy.

“Ý hay đấy,” Cohn nói.

“Mình đi câu được càng sớm thì càng tốt.”

“Vớ với tôi thì như nhau cả,” Bill nói. “Càng sớm càng tốt.”

Chúng tôi ngồi ở Irũna một lúc và uống cà phê và đi dạo tới đầu trường và qua cánh đồng và dưới những hàng cây ở bên rìa vách đá và nhìn xuống con sông trong bóng tối, và tôi quay về sớm. Bill và Cohn

³³ Burguete: một thị trấn ở phía bắc của Tây Ban Nha

ngồi lại quán café khá muộn, tôi tin vậy, bởi vì khi họ quay về thì tôi đã ngủ say.

Vào buổi sáng tôi mua ba vé xe buýt đi Burguete. Chuyến xe sẽ khởi hành lúc hai giờ chiều. Không có chuyến sớm hơn. Tôi đang ngồi đọc báo trong quán Iruna thì Robert Cohn tiến tới từ phía quảng trường. Gã đi tới bàn và ngồi xuống một chiếc ghế liễu gai.

“Quán café này dễ chịu quá,” gã nói. “Tôi qua cậu ngủ ngon không, Jake?”

“Tôi ngủ say như chết.”

“Tôi ngủ không ngon lắm. Bill và tôi lên giường hơi muộn.”

“Các cậu đi đâu?”

“Ở đây. Rồi khi quán đóng cửa thì chúng tôi sang chỗ khác. Ông già ở đó nói tiếng Đức và tiếng Anh.”

“Café Suizo.”

“Đúng đấy. Ông già có vẻ tử tế. Tôi nghĩ quán đây được hơn quán này.”

“Ban ngày thì không hay lắm đâu,” tôi nói. “Nóng lắm. À này, tôi mua vé xe rồi.”

“Hôm nay tôi không đi đâu. Cậu và Bill cứ đi đi.”

“Tôi mua cả vé cho cậu nữa.”

“Cứ đưa nó cho tôi. Tôi sẽ trả tiền cậu.”

“Năm peseta.”

Robert Cohn lấy ra đồng năm peseta và đưa cho tôi.

“Tôi phải ở lại,” gã nói. “Cậu thấy là tôi rất sợ rằng có một sự hiểu lầm nào đó.”

“Tại sao,” tôi hỏi. “Họ sẽ không có mặt ở đây trong ba hay bốn ngày tới nếu giờ họ đang tiệc tùng ở San Sebastian.”

“Vậy đó,” Robert nói. “Tôi e là họ mong gặp tôi ở San Sebastian, vì vậy mà mới ở lại đó.”

“Sao cậu lại nghĩ thế?”

“Ờ, tôi viết thế cho Brett.”

“Thế vì cái quái gì mà cậu không ngồi đó mà đợi họ?” Tôi bắt đầu nói, nhưng dừng lại. Tôi nghĩ

là cái ý đó tự hẫng tạo ra, nhưng tôi không tin là nó có thể xảy ra.

Giờ thì gã tin lắm và gã thấy thỏa mãn khi có thể nói với một sự chắc chắn rằng tôi đã biết có chuyện gì đó giữa gã và Brett.

“Ồ, Bill và tôi sẽ xuất phát ngay sau bữa trưa,” tôi nói.

“Ước gì tôi cũng đi được. Mình đã mong được đi câu từ hồi mùa đông mà.” Gã bày tỏ cảm xúc chân thành khi nói câu này. “Nhưng tôi phải ở lại thôi. Thật đấy. Ngay khi họ tới tôi sẽ đưa họ qua đó.”

“Đi tìm Bill thôi.”

“Tôi muốn đi cắt tóc đã.”

“Gặp lại cậu vào bữa trưa vậy.”

Tôi tìm thấy Bill trong phòng.
Anh đang cạo râu.

“Ồi, đúng, hăn kể hết cho tớ nghe đêm qua rồi,” Bill nói. “Thằng cha ấy cũng biết kể chuyện lắm. Hăn nói hăn cặp kè với Brett ở San Sebastian.”

“Cái đồ con hoang dối trá!”

“Ồi, không,” Bill nói. “Cậu đừng buồn. Đừng giận vào lúc này của chuyến đi. Mà làm thế nào mà cậu lại quen biết anh bạn đấy thế?”

“Đừng có mà xát muối vào lòng tôi.”

Bill nhìn quanh, đã cạo râu một nửa mặt, và rồi tiếp tục nói trong gương khi đang xoa xà bông quanh mặt.

“Có phải cậu gửi gã đến New York với bức thư dành cho tôi vào mùa đông năm ngoái không? Tạ ơn Chúa vì tôi vốn dĩ là một kẻ phiêu bạt. Cậu còn gã bạn Do Thái nào mà cậu có thể mang theo nữa không đấy?” Anh xoa cằm bằng ngón tay cái, nhìn ngẫm một hồi, rồi lại tiếp tục cạo râu.

“Cậu cũng có vài gã tốt mà.”

“Ừ, đúng. Tôi cũng biết vài gã được lắm. Nhưng không sánh được với cái tay Robert Cohn của cậu. Buồn cười ở chỗ là hăn cũng khá tử tế nữa. Tôi thích hăn. Nhưng mà hăn khiếm quá.”

“Hăn có thể rất tử tế.”

“Tôi biết. Vì thế nó mới khủng khiếp.”

Tôi cười phá lên.

“Ừ. Cứ cười đi,” Bill nói. “Cậu đâu có phải thức cùng hăn đêm qua tới hai giờ sáng đâu.”

“Hăn tẻ lắm à?”

“Kinh khủng. Chuyện về hăn với Brett là thế nào đấy? Nàng ta có làm gì hăn không vậy?”

Anh nâng cằm lên và kéo nó từ bên này sang bên kia.

“Có. Cô ấy đi San Sebastian với hăn.”

“Ồi ngốc quá chừng. Sao cô ấy lại làm thế nhỉ?”

“Cô ấy muốn đi đâu đó và cô ấy thì không đi đâu một mình cả. Cô

ấy nói cô ấy cho rằng như thế sẽ tốt cho hẳn.”

“Thật là một hành động ngu ngốc do nhân loại làm ra. Làm sao mà cô ấy lại không đi cùng với người của mình chứ? Hoặc là cậu?” – anh nói lướt – “hay là tôi? Sao không phải là tôi?” Anh nhìn kỹ mặt mình trong gương, xoa một lượng lớn xà bông lên mỗi gò má. “Đây là một gương mặt lương thiện. Đây là gương mặt mà chị em sẽ an tâm khi được ở bên.”

“Cô ấy đã thấy nó bao giờ đâu.”

“Đáng lý ra là cô ấy nên thấy. Tất cả phụ nữ đều nên thấy. Đây là gương mặt đáng lý ra phải xuất hiện trên mọi khuôn hình trên đất nước này. Các chị em cần phải được

phát cho một bức ảnh chụp khuôn mặt này khi họ rời nhà thờ. Các bà mẹ nên nói với cô con gái của họ về khuôn mặt này. Con trai” – anh chỉ cái dao cạo râu vào tôi – “hãy đi về miền Tây với khuôn mặt này và lớn lên cùng đất nước.”

Anh cúi xuống bồn rửa, rửa mặt bằng nước lạnh, xúc một ít cồn, và rồi cẩn thận soi lại mình trong gương, kéo môi trên xuống.

“Trời ạ,” anh nói, “chẳng phải đây là khuôn mặt kinh khủng lắm sao?”

Anh nhìn vào gương.

“Và về Robert Cohn,” Bill nói, “hắn làm tôi phát ốm, và hắn có thể biến xuống địa ngục được ấy,

và tôi mừng quá bởi hẳn ở đây nên bọn mình không phải chịu đựng hẳn trong chuyến đi câu.”

“Cậu nói đúng quá.”

“Bọn mình sẽ đi câu cá hồi. Bọn mình sẽ đi câu cá hồi ở sông Irati, và giờ thì mình sẽ say khướt trong bữa trưa ở một đất nước sản xuất rượu, và rồi mình sẽ có một chuyến xe ra trò.”

“Đi nào. Mình ra quán Iruna và bắt đầu thôi,” tôi nói.

Chương 11

Trên quảng trường nóng như đổ lửa khi chúng tôi bước ra sau bữa trưa với hành lý và cần câu để đi Burguete. Nhiều người đã yên vị trên nóc xe buýt, và những người khác đang trèo lên một chiếc thang bên thành xe. Bill đi tới và Robert ngồi cạnh Bill để giữ chỗ cho tôi trong lúc tôi quay trở lại khách sạn để lấy vài chai rượu mang đi. Khi tôi bước ra ngoài

xe buýt đã chật cứng người. Đàn ông và đàn bà ngồi trên cả hành lý và các thùng hàng trên nóc xe, và tất cả các bà đều phe phẩy chiếc quạt của mình dưới nắng. Tiết trời nóng nực. Robert trèo xuống và tôi ngồi vào cái chỗ mà gã giữ lại cho tôi trên một chiếc ghế gỗ chạy dọc nóc xe.

Robert Cohn đứng dưới bóng râm của mái vòm chờ xe lăn bánh. Một người Basque với bình rượu bằng da láng bóng đặt trên đùi đang nằm dài trên nóc chiếc xe ngay trước hàng ghế của chúng tôi, dựa lưng vào chân chúng tôi. Ông đưa bình rượu mời Bill và tôi, và khi tôi nâng chiếc bình lên miệng, ông giả giọng tiếng còi ô tô giống và đột ngột đến mức tôi bị sặc rượu, và

mọi người cười phá lên. Ông ta xin lỗi và để tôi uống bù ngậm khác. Ông lại giả giọng tiếng còi xe một lúc sau đó, và tôi bị lừa lần thứ hai. Ông ta quả có biệt tài về vụ này. Những người Basque thích thú với trò đùa. Người đàn ông ngồi kế bên Bill nói chuyện với anh bằng tiếng Tây Ban Nha và Bill chẳng hiểu gì cả, nên anh mời người đàn ông một chai rượu. Người đàn ông xoa tay. Ông nói rằng trời nóng quá và ông đã uống quá nhiều lúc ăn trưa rồi. Khi Bill đưa chai rượu ra lần thứ hai thì ông đón lấy và uống một hơi dài, và rồi chai rượu được truyền đi khắp chiếc xe. Mọi người đều lịch sự tu một ngậm, và rồi họ bắt chúng tôi phải đóng nắp cái chai lại mà cất đi. Tất cả bọn họ đều muốn chúng tôi uống rượu

từ những cái bình bằng da của họ. Họ là những người nông dân trên chiếc xe đi lên cao nguyên.

Cuối cùng, sau một vài hồi còi giả, chiếc xe cũng bắt đầu lăn bánh, và Robert Cohn vẫy tay chào tạm biệt chúng tôi, và tất cả hành khách người Basque trên xe đều vẫy tay chào tạm biệt gã. Ngay khi chúng tôi bắt đầu di chuyển trên con đường ra khỏi thị trấn không khí trở nên mát mẻ hẳn. Cảm giác thật dễ chịu khi đi lên cao và rất gần bên dưới những hàng cây. Chiếc xe đi khá nhanh và tạo ra một làn gió mát, và khi chúng tôi đi dọc con đường ám bụi nơi những tán cây và nhìn xuống dưới đồi, chúng tôi có được một khung cảnh đẹp, đằng sau những tán cây, thị trấn hiện

lên từ cái dốc phía trên dòng sông. Người đàn ông Basque nằm dựa vào đầu gối tôi với bàn tay cầm cổ bình rượu da chỉ cho chúng tôi thấy khung cảnh thanh bình này, và nháy mắt với chúng tôi. Ông gật đầu.

“Đẹp đấy chứ, nhỉ?”

“Những người Basque này tuyệt quá,” Bill quay sang tôi.

Người Basque nằm dựa vào chân tôi có làn da rám nắng như màu da ngựa. Ông mặc một chiếc áo khoác ngoài màu đen giống những người khác. Có những nếp nhăn nơi chiếc cổ rám nắng của ông. Ông quay sang và đưa bình rượu mời Bill. Bill mời ông một trong số chai rượu của chúng tôi.

Người Basque lắc lắc ngón tay trở và trả lại chai rượu, vỗ vỗ vào cái bàn rượu bằng lòng bàn tay. Ông nâng túi rượu lên.

“Arriba³⁴ Arriba!” ông nói.
“Nâng nó lên.”

Bill nâng túi rượu lên và để cho dòng rượu đổ vào miệng, đầu anh ngửa ra sau. Khi anh ngừng uống và đặt bình rượu xuống vài giọt rượu chảy dọc cằm anh.

“Không! Không!” nhiều người Basque cùng kêu lên. “Không phải như thế.” Một người giật lấy bình rượu khỏi tay chủ nhân của nó, mà bản thân ông ta cũng đang định làm động tác hướng dẫn. Anh ta là một tay còn trẻ và cầm bình rượu

34 arriba: (tiếng Tây Ban Nha) nâng lên

dài bằng cả cánh tay và nâng nó lên thật cao, vặn túi da bằng tay để cho rượu đổ vào mồm. Anh ta giữ nguyên vị trí của cái túi, rượu đổ thành một dòng mỏng manh, theo hình cung vào mồm, và anh ta tiếp tục tu một cách thuần thục và dễ dàng.

“Này!” người chủ bình rượu kêu lên. “Rượu của ai đấy?”

Người uống lúc lắc ngón tay út với ông ta và mỉm cười với chúng tôi bằng mắt. Và rồi anh ta dốc ngược chiếc bình, uống vội vàng một ngụm trước khi trả lại nó về với chủ. Anh ta nháy mắt với chúng tôi. Người chủ buồn bã lắc cái bình rượu của mình.

Chúng tôi vượt qua thị trấn và

dừng lại trước một posada[^{posada}: (tiếng Tây Ban Nha) nhà nghỉ], và người lái xe chất lên xe rất nhiều gói hàng. Rồi chúng tôi lại tiếp tục hành trình, và bên ngoài thị trấn con đường bắt đầu dốc lên nơi những ngọn núi. Chúng tôi đi qua khu vực nông trang với những ngọn đồi đầy đá dốc xuống những cánh đồng. Cánh đồng lúa mạch kéo dài đến tận triền đồi. Giờ đây khi chúng tôi lên cao hơn gió cao nguyên thổi bạt cả những cây lúa mạch. Con đường trắng xóa và đầy bụi, và bụi cuộn lên dưới bánh xe và lơ lửng phía sau chúng tôi. Con đường bò lên ngọn đồi và bỏ lại cánh đồng phì nhiêu nằm bên dưới. Giờ chỉ còn lại những mảnh ruộng nhỏ bên triền đồi trọc và ở mỗi bên của con lạch. Chúng tôi ngoặt gấp bên đường để

tránh một hàng sáu con la, con này nối đuôi con kia, kéo một chiếc xe cao chất đầy hàng nặng trĩu. Chiếc xe và lũ la dính đầy bụi. Ngay phía sau là một đàn la và một chiếc xe khác. Chiếc này chở đầy gỗ xẻ, và arriero³⁵ kéo lũ la lại rồi kéo một cái hãm bằng gỗ để chúng tôi vượt lên trước. Lên đến đây đất đai khá cồn cỗi và các ngọn đồi đều đầy đá sỏi và đất sét cứng nứt nẻ.

Chúng tôi lượn một vòng mới đến được thị trấn, và cả hai bên bỗng nhiên mở ra một thung lũng xanh ngát. Một con suối chảy qua trung tâm thị trấn và các cánh đồng nho ôm lấy những ngôi nhà.

Xe dừng lại trước một posada và nhiều hành khách bước xuống,

³⁵ arriero: (tiếng Tây Ban Nha) người cưỡi lừa

và rất nhiều hành lý được dỡ xuống khỏi nóc xe từ bên dưới một tấm bạt lớn. Bill và tôi bước xuống và đi vào posada. Trong đó có một căn phòng thấp, tối tăm chất đầy yên và cương ngựa, và những cái chĩa được làm từ thứ gỗ có màu trắng, và hàng đồng đui lợn muối và những tảng thịt xông khói và tỏi trắng và những dây xúc xích dài được treo lủng lẳng trên trần nhà. Căn phòng mát lạnh và mờ tối, và chúng tôi đứng trước một quầy gỗ dài với hai người phụ nữ phục vụ đồ uống. Đằng sau họ là những cái kệ chứa đầy hàng hóa.

Mỗi chúng tôi gọi một aguardiente³⁶ và trả bốn mươi xentim³⁷ cho hai chén rượu. Tôi

³⁶ aguardiente: (tiếng Tây Ban Nha) rượu mạnh

³⁷ xentim: một phần trăm của một franc Pháp

đưa cho người phụ nữ năm mươi xentim cho tiền típ, và cô đưa lại tôi một đồng xu, nghĩ rằng tôi bị nhầm lẫn về giá cả.

Hai trong số những người bạn Basque của chúng tôi bước vào và nằng nặc mời chúng tôi một ly. Rồi họ mua rượu và rồi chúng tôi mời lại họ, và rồi họ vỗ lưng chúng tôi và mua mời chúng tôi ly nữa. Rồi chúng tôi lại mời, và rồi tất cả chúng tôi đều bước ra ngoài ánh mặt trời sáng chói và oi bức, và trèo trở lại nóc chiếc xe buýt. Giờ thì có rất nhiều chỗ cho tất cả mọi người ngồi trên ghế, và người đàn ông Basque mà nãy giờ nằm trên nóc xe quay ra ngồi giữa chúng tôi. Người phụ nữ bán rượu cho chúng tôi ban nãy bước ra và lấy tay phải

tạp dề của cô và nói chuyện với ai đó bên trong chiếc xe. Rồi người lái xe bước ra với hai túi thư bằng da dẹt vung vẩy trong tay và leo vào xe, và mọi người vẩy tay chào khi chúng tôi bắt đầu khởi hành.

Con đường bỏ lại thung lũng xanh ngay tức khắc, và chúng tôi lại tiếp tục leo đồi. Bill và người chủ bình rượu da người Basque nói chuyện với nhau. Một người đàn ông dựa vào đầu bên kia ghế ngồi và hỏi bằng tiếng Anh: “Các ông là người Mỹ?”

“Vâng.”

“Tôi đã đến đó,” ông ta nói.
“Bốn mươi năm trước.”

Đó là một ông già, da cũng nâu

như những người khác, với một bộ râu màu trắng mọc lởm chởm.

“Như thế nào ạ?”

“Anh bảo sao?”

“Nước Mỹ như thế nào ạ?”

“À, tôi tới California. Cũng được.”

“Sao ông lại đi?”

“Anh bảo gì?”

“Tại sao ông lại quay về đây?”

“À! Tôi về để cưới vợ. Tôi định quay lại đây nhưng bà vợ tôi không thích đi xa. Các cậu từ đâu đến?”

“Thành phố Kansas.”

“Tôi đến đây rồi,” ông nói. “Tôi

đã đến Chicago, St. Louis, Kansas, Denver, Los Angeles, Salt Lake.”

Ông cẩn thận kể ra từng cái tên.

“Ông ở đây bao lâu?”

“Mười lăm năm. Rồi tôi về đây và cưới vợ.”

“Ông làm một ngum nhé?”

“Được đó,” ông nói. “Các cậu không có mấy thứ này ở Mỹ, hử?”

“Có nhiều lắm nếu ông đủ tiền trả.”

“Mấy cậu đến đây làm gì?”

“Bon cháu đi dự lễ hội ở Pamplona.”

“Các cậu thích đấu bò à?”

“Vâng. Còn ông?”

“Ừ,” ông trả lời. “Chắc là có thích.”

Rồi sau một lúc:

“Giờ mấy cậu đi đâu?”

“Bọn cháu lên Burguete câu cá.”

“Ô,” ông nói, “chúc các cậu sát cá nhé.”

Ông bắt tay với chúng tôi và quay người lại. Những người Basque khác đều ấn tượng. Ông ngồi thoải mái và mỉm cười với chúng tôi khi tôi quay đầu lại ngắm cảnh. Nhưng nỗ lực nói tiếng Mỹ dường như làm ông phát mệt. Ông chẳng nói gì nữa cả trong suốt phần còn lại của chuyến đi.

Xe buýt chậm rãi leo lên con đường dốc. Đất đai cằn cỗi và đá sỏi lộ ra từ mặt đất sét. Hai bên đường không có lấy một bụi cỏ. Nhìn lại, chúng tôi có thể thấy miền quê trải ra phía bên dưới. Phía xa đằng sau những cánh đồng là những khoảng vuông màu xanh và nâu trên triền đồi. Nơi chân trời là màu nâu của núi. Chúng tạo thành những hình thù kì lạ. Khi chúng tôi lên càng cao thì đường chân trời cũng thay đổi. Vì xe buýt bò chậm chạp trên đường nên chúng tôi có thể nhìn thấy những ngọn núi hiện ra từ phía nam. Và rồi con đường lên tới đỉnh, bằng phẳng và đi vào một khu rừng. Đó là một rừng gỗ sồi được người dân ở đây khai thác sản xuất nút bần rượu, và ánh nắng xuyên qua những tán cây thành

từng dải sáng mỏng manh, và có những con gia súc đang nhón nhơ gặm cỏ sau những gốc cây. Chúng tôi đi qua rừng và con đường hiện ra và lượn vòng theo sự dâng cao của địa hình, và phía trước mặt chúng tôi là một đồng bằng màu xanh, với những ngọn núi tối màu đằng xa. Chúng không giống như những rặng núi nâu bị hun nóng mà chúng tôi vừa bỏ lại phía sau. Chúng có màu của gỗ và các cụm mây tràn xuống từ đó. Màu xanh của đồng bằng trải dài cho tới khi nó bị cắt ngang bởi những hàng rào của trại gia súc và màu trắng của con đường hiện ra qua những thân cây sòng đôi xuyên đồng bằng về phương bắc. Khi chúng tôi tiến tới rìa cao nguyên, chúng tôi nhìn thấy những mái ngói màu đỏ và

những ngôi nhà quét vôi màu trắng của vùng Burguete nhấp nhô dưới đồng bằng, và xa kia ở lưng chừng ngọn núi màu đen đầu tiên là mái ngói màu xám kim loại của tu viện xứ Roncesvalles.

“Đây là Roncevaux³⁸,” tôi chỉ cho Bill.

“Đâu?”

“Đằng kia nơi rặng núi bắt đầu.”

“Trên đây lạnh lắm,” Bill nói.

“Nó cao mà,” tôi trả lời. “Ít nhất cũng phải một ngàn hai trăm mét.”

38 Roncevaux: tên tiếng Pháp của Roncesvalles – một cửa khẩu qua Pyrenees, gần với biên giới Pháp ở tỉnh Navarra của Tây Ban Nha, thường được khách du lịch từ Paris sử dụng để tới Santiago de Compostela

“Thế thì lạnh kinh,” Bill khẳng định.

Xe buýt đi xuống một con đường bằng phẳng thẳng tiến đến Burguete. Chúng tôi qua một ngã tư và một cây cầu bắc ngang con suối. Những ngôi nhà ở Burguete trải dài hai bên đường. Không có đường cắt ngang. Chúng tôi đi qua nhà thờ và sân trường học, và xe dừng lại. Chúng tôi xuống xe và người lái xe giúp chúng tôi dỡ hành lý cùng cần câu xuống. Một người lính đeo súng cacbin với chiếc mũ đội hếch lên và một cái quai đeo chéo bằng da màu vàng tiếng tới.

“Trong này có gì?” ông ta chỉ vào hộp cần câu.

Tôi mở nó ra cho ông ta xem.

Ông ta yêu cầu kiểm tra giấy phép câu cá của chúng tôi và tôi trình nó ra. Ông ta kiểm tra ngày tháng và vẫy cho chúng tôi đi.

“Mọi chuyện ổn cả chứ?” tôi hỏi.

“Vâng. Dĩ nhiên.”

Chúng tôi đi lên phố, qua những ngôi nhà được xây bằng đá màu trắng mà giờ đã ngả màu, những gia đình ngồi bên khung cửa dõi theo chúng tôi, để tới nhà nghỉ.

Người đàn bà béo điều hành nhà nghỉ bước ra từ gian bếp và bắt tay chúng tôi. Bà ta lấy kính ra, chùi mắt kính, rồi lại đeo vào. Bên trong nhà nghỉ mát lạnh và gió bắt đầu nổi lên ở ngoài kia.

Người đàn bà sai một cô gái dẫn chúng tôi lên phòng ở trên lầu. Căn phòng có hai giường, một bồn rửa, một tủ quần áo, và một bức điêu khắc lớn có khung bằng thép của Nuestra Señora de Roncesvalles³⁹. Gió đang quạt vào cánh cửa chớp. Căn phòng nằm ở hướng bắc của ngôi nhà. Chúng tôi rửa ráy, mặc vào áo len, và đi xuống dưới nhà dùng bữa. Phòng ăn có nền bằng bằng đá, trần thấp, và lát gỗ sồi. Các cửa chớp đều được kéo lên và lạnh đến nỗi có thể nhìn thấy khói bốc ra từ hơi thở.

“Chúa tôi!” Bill nói. “Mai trời không thể lạnh thế này được. Tôi sẽ không trầm mình dưới suối trong thời tiết kiểu này đâu.”

³⁹ Nuestra Señora de Roncesvalles (Our Lady of Roncesvalles): tượng Đức mẹ Mary

Nơi góc phòng đằng sau những chiếc bàn gỗ có một chiếc dương cầm và Bill bước tới và bắt đầu chơi.

“Tớ phải giữ ấm thân nhiệt,” anh nói.

Tôi bước ra ngoài và tìm bà chủ và hỏi thăm về tiền phòng và giá cả các dịch vụ. Bà ta cất tay dưới tạp dề và tránh ánh nhìn của tôi.

“Mười hai peseta.”

“Sao, chúng tôi chỉ trả giá đấy ở Pamplona.”

Bà ta chẳng nói gì cả, chỉ tháo kính ra và chùi nó bằng cái tạp dề.

“Như thế thì nhiều quá,” tôi phản đối. “Ở khách sạn lớn chúng

tôi cũng chỉ phải trả có từng đấy.”

“Chúng tôi có phòng tắm.”

“Bà có phòng nào rẻ hơn không?”

“Mùa hè thì không. Giờ đang mùa cao điểm.”

Chúng tôi là những kẻ duy nhất ngụ trong cái nhà nghỉ này. Ôi, tôi nghĩ, cũng may là chỉ có vài ngày.

“Giá này có kèm rượu chứ?”

“Ồ, vâng.”

“À,” tôi nói. “Thế thì được.”

Tôi quay trở lại với Bill. Anh phà hơi về phía tôi để chứng minh trời đang lạnh đến thế nào, và tiếp tục chơi đàn. Tôi ngồi bên một chiếc

bàn và năm những bức hình treo trên tường. Có một bức vẽ hình những con thỏ, đã chết, một con gà lôi, cũng đã chết, và một bức vẽ những con vịt đã chết. Những bức tranh đều tối tăm và ám khói. Có một chiếc tủ ly bày đầy những chai rượu. Tôi cẩn thận ngắm nhìn chúng. Bill vẫn tiếp tục đánh đàn. “Một pân rượu⁴⁰ rum thì sao?” anh gợi ý. “Cái thứ này không làm tôi ốm ngay được.”

Tôi bước ra và hỏi bà chủ pân rượu rum nghĩ là gì và cách làm nó. Vài phút sau một cô gái mang đến một cái chậu bằng đá đựng nước, hơi bốc lên nghi ngút. Bill bước tới từ cây dương cầm và chúng tôi

⁴⁰ rượu pân: rượu mạnh pha nước nóng, đường, sữa, chanh

uống rượu pân nóng và lắng nghe tiếng gió.

“Trong này không có nhiều rum cho lắm.”

Tôi đi tới chỗ cái tủ ly và mang ra một chai rum và đổ một nửa số rượu trong chai vào chậu.

“Một hành động quyết đoán,” Bill khen ngợi. “Nó đánh bại nền pháp chế.”

Cô gái bước vào và dọn bữa tối.

“Ngoài kia gió thét điên cuồng,” Bill nói.

Cô gái mang vào một âu lớn súp rau nóng và rượu. Chúng tôi có cá hồi rán sau đó và một món hầm gì đó và một món hầm gì đó

và một âu lớn đầy dâu dại. Chúng tôi không mất tiền rượu, và cô gái tuy rụt rè nhưng cũng khá tử tế khi mang chúng ra. Người đàn bà kia ghé mắt nhìn vào một lần và lẩm nhẩm đếm số chai rỗng.

Sau bữa tối chúng tôi lên phòng và hút thuốc và đọc trên giường để giữ ấm người. Một lần trong đêm tôi thức giấc và nghe tiếng gió gào. Thật dễ chịu khi được nằm trong chăn ấm đệm êm ở tiết trời này.

Chương 12

Khi thức dậy vào buổi sáng tôi bước tới cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trời trong xanh và không một gợn mây nơi rặng núi. Bên ngoài kia dưới khung cửa sổ là mấy chiếc xe bò và một cái xe ngựa chở khách cũ, phần gỗ trên nóc đã vỡ và rơi xuống dưới sự tác động của thời tiết. Chúng hẳn bị bỏ lại từ thời trước khi xuất hiện ô tô chở khách. Một con dê nhảy lên

một chiếc xe bò rồi nhảy lên nóc của chiếc xe ngựa. Nó thúc đầu vào một con dê khác đứng bên dưới và nhảy xuống đất khi thấy tôi vẫy tay gọi.

Bill vẫn còn ngủ, nên tôi mặc quần áo, xỏ chân vào đôi giày để bên ngoài hành lang, rồi đi xuống dưới nhà. Dưới nhà không một bóng người, tôi mở cửa và bước ra ngoài. Sáng sớm mát dịu và mặt trời vẫn chưa hong khô hết những hạt sương còn đọng lại khi gió lộng xuống. Tôi lùng sục quanh nhà kho phía sau nhà nghỉ và kiếm được một cái quốc chim, và đi xuống dưới suối để đào giun làm mồi. Con suối rất trong và nông nhưng dường như không có nhiều cá hồi. Ở bên bờ mọc đầy cỏ ẩm ướt tôi bỏ

quốc chim xuống đất và moi ra một tảng đất mặt. Bên dưới có giun. Chúng lẩn thật nhanh khi tôi nhấc cò lên và tôi đào cẩn thận và bắt được khá khá. Đào phần rìa mặt đất ẩm tôi thu được hai bao thuốc lá đầy giun rồi rắc đất lên chúng. Lũ dê chăm chú quan sát tôi làm việc.

Khi tôi quay trở lại nhà nghỉ thì bà chủ đã xuống bếp, và tôi bảo bà ta mang cà phê ra cho chúng tôi, và rằng chúng tôi muốn bà chuẩn bị sẵn cả bữa trưa nữa. Bill đã thức dậy và đang ngồi bên mép giường.

“Tôi nhìn thấy cậu từ cửa sổ,” anh nói. “Không muốn làm cậu phân tâm. Cậu làm gì thế? Chôn tiền chẳng?”

“Cậu là đồ lười!”

“Cậu làm việc vì miếng cơm manh áo à? Quá là xuất sắc. Tôi mong cậu sáng nào cũng phát huy như thế nhé.”

“Nào,” tôi nói. “Dậy đi.”

“Cái gì? Dậy á? Tôi không bao giờ dậy cả.”

Anh nằm ườn ra và kéo chăn lên tận cằm.

“Cậu cố mà gọi tôi dậy xem nào.”

Tôi kiểm tra lại các trang thiết bị và cho tất cả vào túi đựng đồ.

“Cậu không gọi tôi dậy à?” Bill hỏi.

“Tôi xuống nhà ăn sáng đây.”

“Ăn á? Làm sao mà cậu không nói thế ngay từ đầu cơ chứ? Tôi cứ nghĩ là cậu chỉ muốn tôi ngồi đây cho vui thôi chứ. Ăn à? Được. Giờ thì cậu có lý rồi đấy. Cậu đi ra ngoài và đào thêm giun đi rồi tôi sẽ xuống ngay.”

“Ôi giờì, cậu biến đi!”

“Lao động vì lợi ích của tất cả mọi người.” Bill xỏ chân vào quần. “Cho thấy sự mỉa mai và thương hại.”

Tôi bắt đầu đi ra khỏi phòng cùng với túi đựng dây, lưới, và túi cần câu.

“Này! Quay lại đây!”

Tôi ló đầu vào cửa.

“Chẳng lẽ cậu không biết tỏ ra một chút mĩa mai và thương hại à?”

Tôi đưa ngón tay cái quệt mũi.

“Thế đâu phải là mĩa mai.”

Khi bước xuống dưới lầu tôi vẫn còn nghe thấy Bill hát, “Mĩa mai và Thương hại. Khi bạn cảm thấy... Ôi, Hãy cho chúng một ít Mĩa mai và Cho chúng Thương hại. Ôi, hãy Mĩa mai. Khi chúng cảm thấy... Chỉ một chút mĩa mai. Chỉ một chút thương hại...” Anh cứ hát thế mãi cho tới khi xuống dưới nhà. Tôi nhận ra giai điệu “The Bells are Ringing for Me and my Gal⁴¹.” Tờ nhật báo

⁴¹ The Bells are Ringing for Me and my Gal: thuộc bài hát For Me and my Gal, được sáng tác bởi George W. Meyer, Edgar Leslie và E. Ray Goetz. Năm 1942,

Tây Ban Nha tôi cầm trong tay đã một tuần tuổi.

“Tất cả mấy cái mĩa mai và thương hại là sao thế cậu?”

“Cái gì cơ? Không hiểu Mĩa mai và Thương hại nghĩa là gì à?”

“Không. Ai tạo ra nó thế?”

“Tất cả mọi người. Người ta đang phát điên lên vì nó ở New York đấy Giống như là chuyện về Fratellinis⁴² ấy mà.”

Cô gái đi vào với cà phê và bánh mì nướng bơ trong tay. Hay, đúng

bộ phim ca nhạc cùng tên được thực hiện do Judy Garland và Gene Kelly thủ vai chính.

⁴² Fratellinis: (tiếng Ý) anh chị em ruột. Ở đây chỉ gánh xiếc của ba anh em trai thường đóng vai các chú hề và lưu diễn khắp thế giới trong Thế chiến I, và rất được công chúng yêu thích.

hơn, là bánh mì nướng rồi phết bơ lên trên.

“Cậu hỏi xem cô ấy có mút không,” Bill nói. “Cậu phải thật chăm biếm với cô ấy đấy nhé.”

“Cô có mút không?”

“Như vậy là chưa đủ chăm biếm đâu. Ôi giá mà tôi nói được tiếng Tây Ban Nha.”

Cà phê rất ngon và chúng tôi uống hết cả một bình lớn. Cô gái mang ra mút dâu được bày trên một cái đĩa thủy tinh.

“Cảm ơn.”

“Này! Nói thế là không đúng đâu,” Bill kêu lên. “Cậu phải nói thứ gì chăm biếm ấy. Cậu thử một

câu đùa về Primo de Rivera⁴³ xem nào.”

“Tôi có thể hỏi cô ấy về loại mứt mà họ cho rằng họ đã mang vào Riff⁴⁴.”

“Thật nghèo nàn,” Bill nói. “Quá sức nghèo nàn. Cậu làm thế không được. Thế đấy. Tức là cậu chẳng hiểu gì về châm biếm cả. Cậu không có lòng thương hại gì

⁴³ Primo de Rivera: gia đình người Tây Ban Nha nổi tiếng về tài chính trị trong thế kỷ 19 và 20, bao gồm: Fernando Primo de Rivera, chính trị gia và nhà quân sự, 1831-1921; Miguel Primo Rivera (1870-1930), nhà độc tài TBN lãnh đạo đất nước trong giai đoạn 1923-1930; José Primo de Rivera (1903-1936), luật sư và là con trai của Miguel Primo de Rivera, người sáng lập ra đảng cánh tả cực đoan (ủng hộ chủ nghĩa phát xít) Falange; Pilar Primo de Rivera (1907-1991), con gái của Miguel và em gái của José Antonio, người sáng lập ra Hội phụ nữ trong đảng Falange.

⁴⁴ Riff: tên một dãy núi nằm dọc bờ biển phía đông bắc Maroc, kéo dài từ eo biển Gibraltar tới biên giới Algérie

cả. Cậu nó ra cái gì đó bằng lòng thương hại xem nào.”

“Robert Cohn.”

“Cũng không tệ. Có tiến bộ đấy. Cơ mà sao Cohn lại đáng thương? Châm biếm thử xem.”

Anh hợp một ngụm lớn cà phê.

“A, quý ạ!” tôi nói. “Vẫn còn quá sớm vào buổi sáng.”

“Được rồi đấy. Và cậu than rằng cậu cũng muốn trở thành một nhà văn nữa. Cậu chỉ là một anh viết báo thôi. Một anh viết báo biệt xứ. Cậu phải châm biếm ngay từ cái giây phút mà cậu bước chân xuống giường ấy. Cậu phải thức giấc với cái mồm đầy rẫy lòng thương hại cơ.”

“Tiếp đi,” tôi nói. “Cậu kiếm mấy thứ đây ở đâu thế?”

“Mọi người. Chả lẽ cậu không đọc bao giờ? Chả lẽ cậu không gặp mặt ai bao giờ? Cậu biết cậu là gì không? Cậu là một kẻ biệt xứ. Sao cậu không sống ở New York cơ chứ? Như thế cậu mới hiểu mấy chuyện này. Cậu muốn tôi làm gì nào? Năm nào cũng phải tới đây mà kể cậu nghe chắc?”

“Cậu uống cà phê nữa đi,” tôi nói.

“Tốt. Cà phê tốt cho cậu. Trong đây có chứa caffeine đấy. Caffeine, chúng tôi tới đây⁴⁵. Caffeine đưa

⁴⁵ Nguyên văn: “Caffeine, we are here,” lời nói đùa này của Bill được nhại lại theo câu nói nổi tiếng của Charles E. Stanton – phụ tá của tướng John J. Pershing: “Lafayette, we are here”, mà vẫn bị hiểu lầm là do tướng John J. Pershing nói. Charles E. Stanton là

một người đàn ông lên ngựa của cô ta và đưa một người đàn bà và năm mồ của anh ta⁴⁶. Cậu có biết cậu gặp vấn đề gì không? Cậu là một gã biệt xứ. Một trong những đại tá quân đội Hoa Kỳ trong Thế chiến I. Vào ngày 4//7/1917 ông viếng thăm mộ của vị anh hùng của cuộc Cách mạng Pháp và Cách mạng Hoa Kỳ, Marquis de La Fayette ở Paris.

Nguyên văn bài phát biểu của Stanton: “Mỹ đã gia nhập lực lượng với các nước đồng minh, và những gì chúng ta có được ngày nay là nhờ vào những cống hiến nơi ông. Bởi vậy cùng với niềm hãnh diện và tôn kính này chúng ta cùng tưởng nhớ đến người công dân này của đất nước cộng hòa vĩ đại. Và lúc này và ở đây, trước sự chứng kiến của người đã chết được vinh danh, chúng ta nguyện cống hiến trái tim và danh dự của mình cho thành công của cuộc chiến. Lafayette, chúng tôi tới đây!”

46 Một lời nói đùa khác của Bill mà bóng gió về niềm tin phổ biến vào thời ấy rằng caffeine có tác dụng bổ thận tráng dương. Bill cho rằng dù caffeine có lợi ích trợ giúp đàn ông nói chung về khả năng sinh lý nhưng nó không thể giải quyết được thương tật của Jake. Nhưng ẩn ý đằng sau nửa của câu nói đùa này Bill lại khá thẳng thắn và cay nghiệt: thông qua lối chơi chữ (hoán đổi giới tính ‘cô ta’ với ‘anh ta’ và ngược lại), Bill tuyên bố rằng việc Jake mất đi vật/khả năng nam tính củ mình đã biến đổi anh từ một người đàn ông thành một người đàn bà.

loại tệ hại nhất. Cậu chưa nghe thấy thế bao giờ à? Không ai có thể viết được thứ gì đáng giá khi xa rời tổ quốc đâu cậu. Ngay cả khi viết báo cũng vậy.”

Anh tiếp tục uống cà phê.

“Cậu là một kẻ xa quê. Cậu không có được mối liên hệ với đất mẹ. Rồi cậu trở nên giả tạo. Những tiêu chuẩn châu Âu giả tạo đã hủy hoại cậu. Cậu cứ nốc rượu đến chết. Và cậu trở nên ám ảnh với tình dục. Cậu dành hết thời gian để ngồi lê đôi mách, mà không làm gì cả. Cậu là kẻ tha hương, thấy không? Cậu cứ la cà ở mấy cái quán café suốt.”

“Nó nghe ra cũng là một đời tươi đẹp,” tôi nói. “Thế tôi làm việc vào lúc nào?”

“Cậu không làm việc. Một nhóm mấy bà sẽ tuyên bố bao dưỡng cậu. Một nhóm khác thì than rằng cậu liệt dương.”

“Không,” tôi nói. “Tôi chỉ bị một tai nạn nhỏ thôi mà.”

“Ý tôi không phải vậy,” Bill nói. “Những chuyện như vậy không thể nói ra được. Đó là những thứ mà cậu phải đưa vào vòng bí mật. Như là chiếc xe đạp của Henry⁴⁷ vậy.”

47 “chiếc xe đạp của Henry” thể hiện quan điểm của Hemingway đối với tính dục của Henry James cho dù các nhà văn viết tiểu sử về ông không có được sự thống nhất đối với vấn đề này. Khi Hemingway đọc được điều này qua bức thư của Brooks kể rằng James bị “ngăn trở bởi một tai nạn khi tham gia vào cuộc nội chiến,” ngay lập tức nó đã được thêm vào cuốn tiểu thuyết sắp hoàn thiện, *Mặt Trời Vẫn Mọc*. Khi Bill Gorton nói: “.... Giống như chiếc xe đạp của Henry” thì Barnes trả lời rằng đó không phải là xe đạp, “lúc ấy ông ta đang cưỡi trên lưng ngựa.” (James có kể về một tai nạn ‘ác nghiệt’ nhưng ‘đau đớn bí mật.’ Ông bị chấn thương lưng khi cố gắng dập tắt ngọn lửa trong lúc phục vụ quân đội như

Anh trở nên phần khích, nhưng anh ngừng lại. Tôi lo là anh nghĩ rằng anh đang làm tổn thương tôi với câu đùa về chứng bất lực. Tôi muốn anh nói tiếp.

“Không phải là xe đạp,” tôi nói. “Lúc ấy ông ta đang cưỡi trên lưng ngựa.”

“Tôi nghe nói đó là cái xe đạp ba bánh.”

“Ồ,” tôi nói. “Một cái máy bay thì trông cũng gần giống cái xe đạp ba bánh mà. Cái cần điều khiển cũng hoạt động theo kiểu đó.”

một lính cứu hỏa tình nguyện.) Ban đầu Hemingway đã đưa tên James vào trong truyện, nhưng nhà biên tập của Scribner, Maxwell Perkins, đã gạt bỏ ý định này. Hemingway tỏ ra kiên quyết. Và cuối cùng họ đi đến thỏa hiệp rằng sẽ chỉ để riêng chữ “Henry.”

“Nhưng cậu đâu có đập máy bay.”

“Không,” tôi nói, “tôi nghĩ là cậu không đập máy bay.”

“Mình phải dừng cái chủ đề này lại thôi,” Bill nói.

“Tôi thấy ông ấy cũng là một nhà văn hay,” Bill nói. “Còn cậu thì là một gã tốt bụng. Có ai nói cho cậu biết rằng cậu sở hữu một tấm lòng nhân hậu chưa?”

“Tôi không tốt đâu.”

“Nghe này. Cậu là một kẻ lương thiện, và tôi thích cậu hơn bất kỳ ai trên đời này. Ở New York thì tôi chẳng thể nói thế với cậu. Vì nói thế nghĩa là tôi là thằng đồng tính. Đó là toàn bộ ý nghĩa của cuộc Nội

chiến. Abraham Lincoln⁴⁸ cũng là một thẳng cha đồng tính cơ mà. Ông ta mê đắm Tướng Grant⁴⁹.

48 Abraham Lincoln (12/2/1809 – 15/4/1865) là Tổng thứ 16 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, từ tháng 3 năm 1861 tới khi ông bị ám sát vào tháng 4 năm 1865. Ông lãnh đạo thành công đất nước mình vượt qua cơn khủng hoảng của cuộc Nội chiến – thiết lập đất nước thống nhất và kết thúc chế độ nô lệ, cũng như phát triển kinh tế và hiện đại hóa nền tài chính. Sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó ở biên giới phía bắc, Lincoln là một thiên tài tự học. Ông trở thành luật sư, nhà lập pháp bang Illinois vào năm 1830, và chủ tịch Hạ nghị viện Mỹ vào năm 1840.

Vấn đề xu hướng tình dục của Abraham Lincoln là một chủ đề gây nhiều tranh cãi giữa những học giả. Trên thực tế ông kết hôn với Mary Todd vào 4/11/1842, cho tới ngày ông mất vào 15/4/1865, và có với bà bốn mặt con. Nhà tâm thần học C. A. Tripp đã cho rằng những vấn đề về sự xa lánh trong mối quan hệ của Lincoln với phụ nữ là hoàn toàn trái ngược với mối quan hệ thân mật hơn nhiều giữa ông với một số người đàn ông xuất hiện trong cuộc đời mình và hai trong số đó có thể là quan hệ đồng tính.

49 Ulysses Simpson Grant (1822-1885); Tổng thống thứ 18 của Mỹ (1869-1877); tổng tư lệnh của lực lượng quân đội Chính phủ liên bang trong cuộc nội chiến.

Cả Jefferson Davis⁵⁰ nữa chứ. Còn Lincoln thì chỉ trả tự do cho nô lệ qua một cuộc đánh cược. Trường hợp của Dred Scott⁵¹ đã được đóng

50 Jefferson Finis Davis (3/6/1808 – 6/12/1889) là chính khách Hoa Kỳ với cương vị Tổng thống của chính phủ Liên minh miền Nam trong thời kỳ Nội chiến (1861-1865). Trong suốt thời gian tại nhiệm, ông không tìm ra được giải pháp chính trị hoặc quân sự để chống lại lực lượng hùng hậu của Liên bang miền Bắc. Mặc dù ông biết không thể chống chọi, Davis vẫn cố chấp tiếp tục đòi tự trị cho 11 tiểu bang miền Nam và kéo dài cuộc nội chiến, tàn phá xứ sở suốt năm năm. Đối với dân miền Nam thời bấy giờ, tướng Robert E. Lee được nêu tên và tôn sùng nhiều hơn hẳn Jefferson Davis.

51 Vụ án của Dred Scott là một vụ án gây nhiều tranh cãi khi Tòa án tối cao Hoa Kỳ đưa ra phán quyết (vào năm 1857) bác bỏ đơn đòi quyền tự do của một nô lệ da đen gốc Phi cùng vợ và con gái tên Dred Scott. Đơn kiện của ông dựa trên yếu tố rằng dù ông và vợ là Harriet Scott đều là nô lệ, nhưng ông sống với ông chủ là Bác sĩ John Emerson ở bang và vùng lãnh thổ nơi việc sử dụng nô lệ là bất hợp pháp theo cả luật của bang và của Chính phủ miền bắc, bao gồm Illinois và Minnesota. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đưa ra biểu quyết chống lại Scott theo tỷ lệ 7-2, vì cho rằng Scott hay bất kỳ người gốc Phi nào đều không thể tuyên bố quyền công dân trên đất Mỹ, và do đó Scott không thể mang vụ kiện tới Tòa án liên bang dựa

định bởi Anti-Saloon League⁵². Tình dục giải thích tất cả những điều ấy. Vợ ông đại tá và Judy O’Grady⁵³ là đồng tính nữ về mặt bản chất.

Anh ngừng lại.

“Muốn nghe tiếp không?”

“Cậu cứ nói đi,” tôi trả lời.

“Tôi chỉ biết có từng đây thôi. Đến bữa trưa tôi sẽ kể tiếp.”

trên Luật dân sự.

52 Anti-Saloon League: tổ chức hàng đầu của Mỹ cho việc vận động hành lang (lobby) các lệnh cấm vào đầu thế kỷ 20. Tổ chức này là yếu tố quan trọng trong Kỷ nguyên tiến bộ (thời kỳ mà các hoạt động xã hội và chính trị bùng nổ tại Mỹ nhằm thay đổi bộ mặt đất nước trong giai đoạn 1890-1920), nhất là ở miền nam và nông thôn miền bắc của nước Mỹ.

53 Vợ ông đại tá và Judy O’Grady: xuất phát từ câu thơ trong bài The Ladies của nhà thơ người Anh Rudyard Kipling (1865-1936): ‘The Colonel’s lady and Judy O’Grady/ are sisters under the skin’ – có nghĩa người vợ của đại tá và Judy O’Grady về mặt bản chất đều như nhau. Judy O’Grady là một gái điếm bị treo cổ trong doanh trại quân đội Anh ở Ấn Độ.

“Đúng là Bill già,” tôi nói.

“Còn cậu là đồ vô công rồi nghề!”

Chúng tôi gói bữa trưa và hai chai rượu vào một cái ba lô, và Bill phụ trách nó. Tôi vác túi cần câu và lưới trên lưng. Chúng tôi lên đường và vượt qua một cánh đồng và tìm thấy một con đường đi qua cánh đồng và đi vào rừng ở dưới dốc của ngọn đồi đầu tiên. Chúng tôi vượt qua cán đồng trên con đường đầy cát. Cánh đồng dâng lên cuồn cuộn và đầy cỏ và cỏ trụi lủi dưới sự cần mẫn của lũ cừu. Đám gia súc ở trên đồi. Chúng tôi nghe thấy tiếng chuông cổ của chúng vang lên từ trong rừng.

Con đường vắt ngang một dòng

suối trên khúc gỗ tròn. Mặt của khúc gỗ hướng xuống, và có một cái cây non được uốn cong dọc theo chiều khúc gỗ để làm tay vịn. Trong cái ao nhỏ bên dòng suối con nòng nọc bung mình khỏi bờ cát. Chúng tôi đi lên phía bờ dốc và qua cánh đồng. Nhìn lại chúng tôi có thể thấy được Burguete, những ngôi nhà màu trắng có mái ngói đỏ, và con đường màu trắng với một chiếc xe tải đang đi qua và bụi cuốn lên.

Đằng sau cánh đồng mà chúng tôi đi qua là một dòng suối chảy xiết hơn. Một con đường đất dẫn xuống một đoạn suối cạn có thể lội qua và xa hơn vào rừng. Con đường bắc qua ngọn suối ở một thân cây khác nằm dưới khúc cạn,

và nhập vào con đường, và chúng tôi đi vào rừng.

Đó là một rừng sồi và những cái cây đều đã già. Rễ của chúng chiếm một diện tích lớn trên mặt đất và những cành cây thì xoắn vào nhau. Chúng tôi đi trên đường giữa những cây sồi già và ánh mặt trời xuyên qua những chiếc lá tạo thành những đốm nắng trên mặt cỏ. Các cây đều lớn, và tán lá dày nhưng không khiến cho khu rừng tăm tối. Không có bụi cây tầm thấp, chỉ có lớp cỏ mượt mà, rất xanh và rất tươi, và những thân cây lớn màu xám mọc lên trật tự như được trồng trong công viên vậy.

“Đây là miền quê đây,” Bill thốt lên.

Con đường dốc lên một ngọn đồi và chúng tôi đi vào rừng rậm, và con đường cứ tiếp tục dốc lên. Đôi khi nó đi xuống nhưng rồi lại dốc thẳng lên. Chúng tôi luôn nghe thấy tiếng đàn gia súc từ trong rừng. Cuối cùng, con đường đi ra khỏi đỉnh của ngọn đồi. Chúng tôi ở trên đỉnh cao nhất của vùng đất thuộc phần cao nhất của những triền đồi mà chúng tôi nhìn thấy từ Burguete. Dâu dại mọc ở phía có nắng của dãy đồi bên phần ít cây hơn.

Phía trước, con đường đi ra khỏi rừng và đi dọc theo tầm ngang của dãy đồi. Những ngọn đồi phía trước không có rừng cây, và ở đó là những cánh đồng rộng lớn toàn cây kim tước vàng. Xa hơn nữa

chúng tôi nhìn thấy những con dốc dựng đứng, được phủ bóng bởi cây cối và lô nhô đá xám, nó đánh dấu hướng đi của con sông Irati.

“Chúng ta phải theo đường này tới dãy đồi, vượt qua những ngọn đồi này, đi qua rừng ở phía xa kia, và đi xuống thung lũng Irati,” tôi chỉ cho Bill thấy.

“Ôi đúng là một cuộc leo trèo cật lực.”

“Khoảng cách quá xa để có thể đi và câu và trở về trong ngày, một cách thoải mái.”

“Thoải mái. Đây là một từ hay. Bọn mình sẽ phải đi như điên để tới đó và quay về mà không kịp câu gì cả.”

Đó là một chuyến đi bộ dài và đồng quê thật dễ chịu, nhưng chúng tôi mệt mỏi rã rời khi đi xuống con đường dốc dẫn ra khỏi khu rừng đồi và đi vào thung lũng Rio de la Fabrica.

Con đường đi ra khỏi bóng râm của rừng cây vào trong mặt trời nóng bỏng. Ngay phía trước là thung lũng và dòng sông. Phía sau dòng sông là một ngọn đồi có dạng hình chóp. Có một cánh đồng kiều mạch tại đó. Chúng tôi nhìn thấy một ngôi nhà màu trắng dưới mấy cái cây bên triền đồi. Trời rất nóng và chúng tôi dừng lại dưới mấy cái cây bên cạnh một cái đập ngăn nước trên sông.

Bill đặt ba lô xuống một gốc cây

và chúng tôi lắp cần câu, lắp ống cuộn vào, buộc dây ngọn, và đã sẵn sàng câu cá.

“Cậu chắc là cái thứ này có cá hồi chứ?” Bill hỏi.

“Đầy ra ấy chứ.”

“Tôi sẽ câu bằng ruồi giả. Cậu có của McGintys không?”

“Có một ít đây.”

“Cậu câu mỗi à?”

“Ừ. Tôi sẽ câu ở trên đập này.”

“Ừ, thế thì tôi sẽ lấy hộp ruồi.” Anh buộc một con ruồi vào. “Tôi nên ra đâu? Lên hay xuống?”

“Xuống là tốt nhất. Phía trên cũng có nhiều cá lắm.”

Bil đi xuống dưới dòng.

“Cậu mang theo một hộp giun này.”

“Không, tôi không cần đâu. Nếu chúng không thích ruồi thì tôi sẽ lắc cần câu.”

Bill đi xuống bên dưới để xem dòng suối.

“Này,” tiếng anh át tiếng ồn từ bên dưới con đập. “Đổ rượu vào con suối phía trên đường thì sao?”

“Được đây,” tôi hét lại. Bill vẫy tay và bắt đầu đi xuống dưới dòng. Tôi tìm thấy hai chai rượu trong ba lô, và mang chúng ra đường nơi nước của dòng suối chảy ra từ một cái ống nước bằng sắt. Có một cái ván phía trên dòng suối và tôi nâng

nó lên và, ấn nút bần thật chặt vào cái chai, hạ chúng xuống nước. Nước rất lạnh khiến bàn tay tôi tê cóng. Tôi đặt lại tấm gỗ, và hi vọng không có ai tìm ra chai rượu.

Tôi cầm lấy cần câu đang được đặt cạnh cái cây, mang theo hộp mồi và lưới, và đi ra cái đập. Nó được xây dựng nhằm tạo ra áp suất bằng sức nước để di chuyển các khúc gỗ đốn. Cửa đập được nâng lên, và tôi ngồi trên một súc gỗ vuông và nhìn xuống dưới bức tường ngăn nước xối trồn bóng trước khi dòng sông đổ xuống thành con thác. Trong làn nước trắng chân đập hiện ra sâu hun hút. Khi tôi thả cho mồi trôi, một con cá hồi nhảy lên từ làn nước trắng xóa vào thác nước và đớp gọn mồi. Ngay trước khi

tôi vừa kịp thả hết mồi, một con cá khác lại nhảy lên từ thác nước, cũng tạo nên một hình cung đẹp mắt như vậy và biến mất vào dòng nước đang chảy âm âm bên dưới. Tôi đặt vào một cái chì lưới vừa phải và thả xuống lòng nước trắng xóa gần với rìa của khúc gỗ trên con đập.

Tôi không cảm thấy sự kéo căng của dây trong lần đầu tiên. Khi tôi bắt đầu kéo dây tôi cảm thấy một con cá đã cắn câu và kéo nó lên, đấu lại và ghì gấp đôi sức vào cái cần câu, ra khỏi mặt nước sủi bọt ở chân thác nước, và lôi nó lên và kéo về phía con đập. Nó là một con cá hồi khỏe, và tôi đập đầu nó vào khúc gỗ để nó đuối thẳng ra, và rồi nhét nó vào trong túi câu.

Trong khi tôi xử lý con cá, hàng loạt những con cá hồi khác đang nhảy ra từ con thác. Ngay khi tôi móc mồi vào và thả cần câu xuống dòng nước tôi lại câu được một con khác và xử lý nó như lúc trước. Trong một thời gian ngắn tôi câu được sáu con cá tất cả. Chúng có cùng một kích cỡ như nhau. Tôi lôi chúng ra khỏi túi, xếp kề bên nhau, đầu của chúng cùng quay về một hướng, và tôi ngấm chúng. Chúng có màu rất đẹp và rắn chắc và cứng cáp bởi nước lạnh. Đó là một ngày nóng, nên tôi mổ chúng ra và moi hết phần bên trong ra, mang cá và tất cả những thứ khác, và vớt những thứ đó xuống dòng sông. Tôi mang cá lên bờ, rửa chúng trong nước lạnh, nước chảy xiết và êm phía trên con đập, và rồi tôi

hái vài cành dương xỉ và gói chúng lại vào trong túi, ba con cá hồi vào một hàng cùng với dương xỉ, rồi một lớp dương xỉ khác, rồi thêm ba con cá hồi nữa, rồi nhét dương xỉ lên trên cùng. Nhìn chúng thật đẹp mắt giữa đám dương xỉ và giờ thì cái túi căng phồng, và tôi đặt nó dưới bóng râm của cây.

Trên con đập rất nóng, nên tôi đặt hộp giun dưới bóng râm cùng với cái túi, và lấy một quyển sách ra khỏi ba lô và ngồi xuống một gốc cây để đọc cho tới khi Bill quay lại cùng ăn trưa.

Hơi quá trưa một chút và không có nhiều bóng râm lắm, nhưng tôi ngồi giữa gốc của hai cái cây mọc cùng nhau, và đọc. Cuốn sách là

một cái gì đó của tác giả A. E. W. Manson⁵⁴, và tôi đọc một chuyện tuyệt vời về một người đàn ông bị đóng băng trên dãy Alps và rồi rơi xuống dòng sông băng và biến mất, và cô dâu của anh ta đợi chờ trong hai mươi tư năm cho tới khi thân thể anh ta hiện ra trên băng tích, và tình đích thực của cô cũng đợi chờ, và họ vẫn cứ đợi chờ cho tới khi Bill quay lại.

“Câu câu được con nào không?” anh hỏi. Anh vằm cần và túi và lưới trên cùng một tay, và cả người anh ướt đầm mồ hôi. Tôi không nghe thấy tiếng chân anh, bởi tiếng ồn nơi con đập.

⁵⁴ Alfred Edwad Woodley Manson (7/5/1865 – 22/11/1948) nhà văn và chính trị gia người Anh. Ông được biết đến nhiều nhất với cuốn tiểu thuyết mang tên *The Four Feathers* được viết vào năm 1902.

“Sáu. Còn cậu?”

Bill ngồi xuống, mở túi ra, đặt một con cá hồi lớn xuống mặt cỏ. Anh lấy ra thêm ba con nữa, mỗi lần đều lớn hơn con trước đó, và đặt chúng cạnh nhau dưới bóng râm. Gương mặt anh đắm mồi hồi và hạnh phúc.

“Của cậu thì sao?”

“Nhỏ hơn thế này.”

“Cho tôi xem nào.”

“Tôi gói chúng lại rồi.”

“Chúng to ra sao cậu?”

“Chúng chỉ bằng kích cỡ của con nhỏ nhất mà cậu câu được thôi.”

“Cậu không nhường tôi đấy

chứ?”

“Tôi cũng ước thế.”

“Cậu thả hết giun à?”

“Ừ.”

“Cậu đúng là đồ lười!”

Bill nhét lại cá vào túi và bắt đầu đi ra sông, dung đưa cái túi mở. Anh ướt hết cả thân dưới và tôi biết anh hẳn đã phải lội xuống dưới dòng.

Tôi đi lên đường và mang hai chai rượu về. Chúng lạnh cóng. Hơi nước chảy dài trên vỏ chai khi tôi quay trở lại chỗ những cái cây. Tôi dọn bữa trưa ra trên một tờ báo, và mở một chai rượu và đặt chai còn lại dựa vào gốc cây. Bill đi lên

và lau tay, cái túi của anh chất đầy dương xỉ.

“Nhìn cái chai này xem,” anh nói. Anh kéo cái nút bần ra, và dốc ngược cái chai mà tu. “Ôi! Mắt tôi hoa hết cả lên.”

“Ném thử xem.”

Rượu lạnh như đá và hơi có vị ôi.

“Cũng không hẳn là rượu hỏng,” Bill nói.

“Nước lạnh gỡ lại đây,” tôi nói.

Tôi mở gói bọc đồ ăn trưa ra.

“Thịt gà.”

“Cả mấy quả trứng luộc kỹ

nữa.”

“Có muối không?”

“Đầu tiên là trứng,” Bill nói.
“Rồi là thịt gà. Ngay cả Bryan⁵⁵
cũng biết.”

“Ông ta chết rồi. Tôi vừa đọc
báo ngày hôm qua.”

“Ôi. Không phải chứ?”

“Ừ. Bryan chết rồi.”

Bill đặt xuống quả trứng anh
đang bóc dở.

“Thưa quý ông,” anh nói, và gỡ
cái đùi gà ra khỏi miếng giấy báo.
“Tôi xin đảo lại trật tự. Vì Bryan.
Như một sự tưởng niệm tới Công

55 Bryan William Jennings (1860-1925) nhà hùng
biện và chính trị gia người Mỹ.

Dân Xuất Sắc⁵⁶. Đầu tiên là gà; sau đó là trứng.”

“Cậu có biết Chúa tạo ra gà từ khi nào không?”

“Ôi,” Bill nói, mút cái đùi gà, “làm sao mà ta biết được? Chúng ta không nên đặt ra những câu hỏi. Sự tồn tại của chúng ta trên cõi đời này vốn dĩ không được lâu dài. Nên chúng ta hãy vui vẻ và tin tưởng và biết ơn.”

“Và ăn một quả trứng.”

Bill làm điệu bộ với cái đùi gà trong một tay và chai rượu trong tay còn lại.

“Chúng ta hãy tận hưởng phước lành mà ta được ban tặng. Ta hãy

⁵⁶ Công Dân Xuất Sắc (Great Commoner): biệt danh của Bryan William Jennings.

tận hưởng lũ chim của trời. Ta hãy tận hưởng tinh hoa của những trái nho. Anh có muốn làm một chút không, người anh em?”

“Ngay sau anh, người anh em.”

Bill hớp một ngụm dài.

“Hãy dùng một chút, người anh em,” anh đưa cho tôi chai rượu. “Chúng ta không nên nghi ngờ, người anh em. Ta không nên soi mói vào bí mật thần thánh về cái lồng nhốt gà với những ngón tay của loài khỉ. Ta hãy chấp nhận cuộc đời bằng đức tin và chỉ đơn giản nói rằng – tôi muốn cậu cùng nói với tôi – Chúng ta sẽ nói gì, người anh em?” Anh chỉ cái đùi gà vào tôi và tiếp tục. “Để tôi nói với anh. Chúng ta sẽ nói rằng, và

tôi tự hào tuyên bố – và tôi muốn anh cùng nói với tôi điều này, khi anh quỳ gối, người anh em. Chẳng có người nào phải tủi hổ khi quỳ gối ở nơi đây giữa thiên nhiên vĩ đại này. Hãy nhớ rằng rừng cây là thánh đường đầu tiên của Đức Chúa trời. Vì vậy ta hãy cùng quỳ gối và nói rằng: ‘Đừng ăn nó, Quý cô – đấy là Mencken.’

“Đây,” tôi nói. “Hãy tận hưởng một chút cái này.”

Chúng tôi mở nút chai rượu kia.

“Sao thế?” tôi hỏi. “Cậu không thích Bryan à?”

“Tôi yêu Bryan ấy chứ,” Bill nói. “Chúng tôi thân thiết như anh em

vậy.”

“Cậu gặp ông ta ở đâu?”

“Ông ta với Mencken và tôi đều tới Holy Cross⁵⁷ với nhau.”

“Và Frankie Fritsch⁵⁸.”

“Nói dối đấy. Frankie Fritsch tới Fordham⁵⁹.”

“Ồ,” tôi nói, “tôi thì đi Loyola⁶⁰

57 Holy Cross: trường đại học ở Worcester, Massachusetts. Cũng có ý kiến cho rằng Holy Cross ở đây là một sự ám chỉ về tôn giáo, nó có thể mang nghĩa về thiên đường, hạnh phúc, bình an, v.v

58 Frankie Fritsch: ngôi sao bóng bầu dục trường đại học vào những năm 1920 được biết đến với tên gọi “the Fordham Flash”

59 Fordham: một trường đại học thuộc phái tu dòng Tên ở Bronx, New York

60 Loyola: thuộc nhóm trường cao đẳng và đại học được đặt tên theo Thánh Ignatius de Loyola, người sáng lập ra Society of Jesus, thường được gọi là phái tu dòng Tên.

với Giáo sĩ Manning⁶¹.”

“Nói dối,” Bill nói. “Có mà tôi đi Loyola với Giáo sĩ Manning ấy.”

“Cậu đúng là đồ mắt lác,” tôi nói.

“Về rượu á?”

“Sao lại không?”

“Đây là bởi vì trời oi quá,” Bill nói. “Họ phải mang cái thời tiết oi bức khốn kiếp này đi thôi.”

“Làm thêm một ngụm nữa nào.”

“Mình chỉ có từng này thôi à?”

“Mình chỉ mang hai chai đi thôi.”

⁶¹ Giáo sĩ Manning – William T. Manning (1866-1949), giáo sĩ Tân giáo ở New York; là người phản đối Mỹ tham gia Thế chiến I.

“Cậu có biết cậu là cái gì không?”
Bill nhìn cái chai đầy trầu mền.

“Không,” tôi nói.

“Cậu đúng là đồ ăn lương của
Anti-Saloon League⁶².”

“Tôi đến Nhà thờ Đức bà⁶³ với
Wayne B. Wheeler⁶⁴.”

“Đúng là đồi dối trá,” Bill nói.

⁶² Anti-Saloon League: đã giải thích ở trên. Một trong những cuộc vận động hành lang nổi tiếng nhất của tổ chức này là phát động lệnh cấm sản xuất và tiêu thụ rượu.

⁶³ Nhà thờ Đức bà Paris (tiếng Pháp: Cathédrale Notre-Dame de Paris) một nhà thờ Công giáo tiêu biểu cho phong cách kiến trúc gothic trên đảo Île de la Cité (nằm giữa dòng sông Seine) của Paris. Đây cũng là nhà thờ chính tòa của Tổng giáo phận Paris. Được biết đến nhiều bởi cuốn tiểu thuyết “Thăng gù Nhà thờ Đức bà” của đại văn hào Victor Hugo.

⁶⁴ Wayne Bidwell Wheeler (1869-1927): luật sư người Mỹ và là người ủng hộ lệnh cấm rượu. Nhờ sử dụng sức ép chính trị khéo léo, ông đã gây ảnh hưởng tới nhiều chính phủ, trong đó có Chính phủ Mỹ, để ban hành lệnh cấm rượu.

“Tôi đến trường Kinh doanh Austin với Wayne B. Wheeler mới đúng. Ông ấy là trưởng lớp.”

“Ô,” tôi nói, “đáng lẽ ra saloon⁶⁵ phải bị dẹp hết.”

“Cậu đúng đó, bạn cùng lớp,” Bill nói. “Quán rượu phải bị dẹp, và tôi sẽ mang chúng đi cùng với tôi.”

“Cậu là đồ mắt lác.”

“Về rượu á?”

“Về rượu.”

“Ờ, cũng có thể.”

“Có muốn nghỉ trưa không?”

“Được đấy.”

⁶⁵ saloon (tiếng Anh – Mỹ): quán rượu. Ở đây Jake chơi chữ, anh dùng từ ‘saloon’ để chỉ quán rượu.

Chúng tôi nằm xuống đầu quay về bóng râm và nhìn lên đám cây.

“Cậu ngủ chưa?”

“Chưa,” Bill trả lời. “Tôi đang nghĩ.”

Tôi nhắm mắt lại. Cảm giác thật dễ chịu khi đặt lưng xuống mặt cỏ.

“Tôi hỏi này,” Bill nói, “chuyện về Brett là sao?”

“Sao là sao?”

“Cậu yêu cô ấy không?”

“Có.”

“Đã lâu chưa?”

“Có và không suốt một thời gian dài.”

“Ôi, chết tiệt!” Bill nói. “Tôi xin lỗi nhé, người anh em.”

“Không sao,” tôi nói. “Tôi không bận tâm nữa.”

“Thật không?”

“Thật. Chỉ là tôi chẳng thà không nói về nó thì hơn.”

“Cậu không khó chịu nếu tôi hỏi chứ?”

“Việc quái gì mà phải vậy?”

“Tôi ngủ đây,” Bill nói. Anh che tờ báo lên mặt.

“Nghe này, Jake,” anh nói, “cậu thật sự có phải là người Công giáo không?”

“Theo lý thuyết là thế.”

“Thế nghĩa là gì?”

“Tôi không biết.”

“Được rồi, giờ thì tôi ngủ thật đây,” anh nói. “Cậu đừng đánh thức tôi vì nói nhiều quá đấy nhé.”

Tôi cũng ngủ thiếp đi. Khi tôi thức dậy Bill đang cất đồ vào ba lô. Lúc này đã là chiều muộn và bóng cây đổ dài tới tận đập nước. Tôi nhức hết cả người vì nằm ngủ trên mặt đất.

“Cậu đang làm gì thế? Dậy chưa?” Bill hỏi. “Buổi đêm cậu làm cái quái gì thế?” Tôi đuổi người và dụi mắt.

“Tôi có một giấc mơ dễ thương lắm,” Bill nói. “Tôi không nhớ ra, nhưng nó dễ thương lắm.”

“Tôi không nghĩ là tôi mơ.”

“Cậu phải mơ đi,” Bill nói. “Tất cả những doanh nhân vĩ đại nhất của chúng ta đều là kẻ mộng mơ cả đấy. Cứ nhìn Ford⁶⁶ mà xem. Cả tấm gương của ngài Tổng thống Coolidge⁶⁷ nữa chứ. Hay là Rockefeller⁶⁸. Rồi thì Jo Davidson⁶⁹.

⁶⁶ Henry Ford (1863-1947); nhà công nghiệp người Mỹ, sáng lập ra hãng Ford Motor Company. Ông là người ủng hộ cho quan điểm sản xuất hàng loạt nhằm giảm thiểu chi phí với chiếc ô tô đầu tiên mang tên Model T.

⁶⁷ Tổng thống John Calvin Coolidge (1872-1933) là Tổng thống thứ 30 của Mỹ (1923-1929). Ông là một luật sư trước khi trở thành Tổng thống, là thành viên của Đảng Cộng hòa, và có biệt danh là “Silent Cal.”

⁶⁸ John Davison Rockefeller (8/7/1839-23/5/1937); nhà công nghiệp và từ thiện người Mỹ. Ông sáng lập ra Standard Oil Company, mà thống trị nền công nghiệp dầu lửa nước Mỹ và cũng là tập đoàn lớn đầu tiên của Mỹ. Ông được xem là người giàu có nhất nước Mỹ nếu tính tới giá trị đồng tiền theo thời gian.

⁶⁹ Jo Davidson (30/3/1883-2/1/1952); nhà điêu khắc người Mỹ

Tôi tháo rời cần câu của mình và Bill đặt chúng vào bao đựng cần câu. Tôi cho dây rọ vào túi đựng. Bill cất đồ vào ba lô và chúng tôi đặt vào đó một túi cá hồi. Tôi xách túi còn lại.

“Nào,” Bill nói, “xong xuôi cả chưa?”

“Còn giun nữa.”

“Giun của cậu. Cho chúng vào đây.”

Anh vác ba lô lên vai và tôi đặt hộp giun vào một trong những cái túi ở ngoài cùng.

“Cậu mang hết đồ đi chưa?”

Tôi nhìn quanh bãi cỏ dưới gốc cây du.

“Rồi.”

Chúng tôi bắt đầu đi lên con đường dẫn vào rừng. Quả là một cuộc đi dài để trở về Burguete, và trời tối khi chúng tôi đi qua những cánh đồng xuống con đường, và dọc con đường giữa những ngôi nhà trong thị trấn, và những cửa sổ đã sáng đèn, để trở về nhà nghỉ.

Chúng tôi ở lại Burguete năm ngày và câu được nhiều cá. Đêm thì lạnh và ngày thì nóng, đôi lúc trong ngày có gió thổi qua. Trời đủ nóng để mà cảm thấy thật tươi mát khi lội xuống dòng suối lạnh, và mặt trời hong khô anh khi anh bước lên và ngồi xuống bên bờ. Chúng tôi tìm thấy một dòng suối với một cái ao đủ sâu để có thể bơi

ở đó. Vào buổi tối chúng tôi chơi bài tay ba với một tay người Anh tên Harris, người đi bộ suốt từ Saint Jean Pied de Port⁷⁰ tới đây và dừng lại ở nhà nghỉ này để câu cá. Anh ta rất dễ chịu và đi câu với chúng tôi hai lần ở sông Irati. Không có tin tức gì từ Robert Cohn hoặc từ Brett và Mike.

⁷⁰ Saint Jean Pied de Port (có nghĩa “Thánh John dưới chân núi”) là khu dân cư ở vùng Pyrénées-Atlantiques nằm ở phía tây nam của nước Pháp gần với Ostabat ở chân núi Pyrenean.

Chương 13.1

Một buổi sáng tôi xuống ăn sáng và tay người Anh, Harris, đã có mặt bên bàn. Anh ta đang đọc báo bằng cái kính lúp. Anh ta ngược lên và mỉm cười với tôi.

“Chào buổi sáng,” anh ta nói. “Anh có thư đấy. Tôi vừa ghé qua bưu điện và họ đưa nó cho tôi cùng với mấy bức thư của tôi nữa.”

Thư đặt ở chỗ của tôi ở bên bàn ăn, được dựng vào một tách cà phê. Harris quay lại đọc báo. Tôi mở thư. Nó được chuyển đi từ Pamplona. Ngày trên thư đề San Sebastian, Chủ nhật:

Jake mến,

Bọn này tới đây vào thứ Sáu, Brett xỉu ở trên tàu, nên bọn tôi phải nghỉ lại đây 3 ngày cùng với một vài người bạn. Chúng tôi tới khách sạn Montoya Pamplona ngày thứ Ba, tôi không nhớ là lúc mấy giờ. Cậu có thể gửi cho chúng tôi bức điện hướng dẫn chúng tôi cách tham gia với cậu vào thứ Tư không. Cho bọn tôi xin lỗi vì đã lỡ hẹn nhé, nhưng Brett đang hồi phục và sẽ khỏe lại vào thứ Ba. Tôi rất hiểu cô

ấy và đang cố gắng chăm nom cô ấy nhưng chẳng dễ tí nào cả. Thương tất cả các cậu.

Michael.

“Hôm nay là thứ mấy ấy nhỉ?”
tôi hỏi Harris.

“Thứ Tư, tôi nghĩ thế. Vâng, đúng vậy. Thứ Tư. Thật tuyệt diệu khi mà ta mất đi khái niệm về ngày tháng ở miền núi non này.”

“Vâng. Chúng tôi ở đây gần một tuần rồi đấy.”

“Tôi hi vọng là các bạn không tính tới chuyện rời đi chứ?”

“Vâng. Chúng tôi sẽ đi chuyển xe buýt chiều nay, tôi e là vậy.”

“Thật là tiếc. Tôi cứ mong là

mình sẽ cùng đi một chuyến nữa xuống dưới sông Irati.”

“Chúng tôi phải tới Pamplona. Chúng tôi đã hẹn bạn ở đó.”

“Tôi thật là xui quá. Chúng mình đã rất vui ở Burguete này.”

“Hãy đi Pamplona với chúng tôi. Mình có thể chơi bài ở đó, và ở đây sắp có lễ hội vui lắm.”

“Tôi cũng muốn thế. Anh thật tử tế khi mời tôi. Nhưng tôi ở lại đây thôi. Tôi không còn nhiều thời gian để câu cá nữa.”

“Anh muốn câu mấy con cá lớn ở sông Irati phỏng.”

“Đúng thế, anh biết đấy. Ở đây nhiều cá hồi lắm.”

“Tôi cũng muốn được thử thêm một lần nữa.”

“Hãy cứ làm thế đi. Các bạn ở đây thêm một ngày nữa. Hãy là một người anh em tốt đi nào.”

“Chúng tôi thực sự phải đi thôi,” tôi nói.

“Thật tiếc quá.”

Sau bữa sáng Bill và tôi ngồi dưới ánh nắng ấm áp trên một chiếc ghế dài ngay trước cửa nhà nghỉ và bàn bạc. Tôi nhìn thấy một cô gái đi tới từ con đường nơi trung tâm thị trấn. Cô dừng lại trước mặt tôi và lấy một bức điện tín ra khỏi cái túi da đeo bên hông.

“Por ustedes[Por ustedes: (tiếng Tây Ban Nha) Của ông à?]?”

Tôi nhìn bức điện. Địa chỉ đề:
“Barnes, Burguete.”

“Vâng. Nó là của tôi.”

Cô lấy ra một quyển sổ và yêu cầu tôi ký tên vào đó, và tôi đưa cô vài đồng xu. Bức điện viết bằng tiếng Tây Ban Nha: “Vengo Jueves Cohn.”

Tôi đưa nó cho Bill.

“Cohn viết gì thế?” anh hỏi.

“Đúng là một bức điện tồi!” tôi nói. “Hắn có thể gửi đi mười từ với cùng một mức giá cơ mà. ‘Tôi đến ngày thứ Năm.’ Nó mang nhiều thông tin quá, nhỉ?”

“Nó đưa ra tất cả những thông tin mà Cohn quan tâm.”

“Dù sao thì tôi cũng về đây,” tôi nói. “Không cần thiết để đưa Brett với Mike đến đây và quay lại trước lễ hội. Mình có nên trả lời hần không?”

“Nên chứ,” Bill nói. “Bọn mình đâu cần phải học đòi.”

Chúng tôi đi bộ đến bưu điện và hỏi xin một tờ điện tín.

“Ta sẽ nói sao?” Bill hỏi.

“ ‘Tối nay tới nơi.’ Thế là đủ.”

Chúng tôi trả tiền cho bức điện và quay trở lại nhà nghỉ. Harris ngồi đó và ba chúng tôi đi bộ lên Roncesvalles. Chúng tôi đi vào tu viện.

“Đây quả là một nơi đáng nhớ,”

Harris nói, khi chúng tôi đi ra. “Nhưng các anh biết đấy tôi không phải là loại người dành cho nơi như thế này.”

“Tôi cũng vậy,” Bill nói.

“Dù thế, thì đây cũng là nơi đáng nhớ,” Harris nói. “Tôi đã không trông thấy nó. Ngày nào tôi cũng sẽ tới đây.”

“Dù vậy, nó không giống như đi câu, đúng không?” Bill hỏi. Anh thích Harris.

“Tôi sẽ nói là không.”

Chúng tôi đứng trước căn nhà nguyện cũ kỹ của tu viện.

“Có phải ở đằng kia có một quán bar không nhỉ?” Harris hỏi. “Hay

là mắt tôi lại đánh lừa tôi đây?”

“Nó trông giống quán bar lắm,”
Bill nói.

“Vớ với tôi thì rất giống,” tôi đồng
tình.

“Tôi bảo này,” Harris nói, “ta
hãy tận dụng dịp này đi.” Anh ta
nhiệm từ này từ Bill.

Chúng tôi gọi mỗi người một
chai rượu. Harris không cho chúng
tôi trả tiền.

Anh ta nói tiếng Tây Ban Nha
khá tốt, và người chủ nhà nghỉ sẽ
không lấy tiền của chúng tôi.

“Nghe này. Các anh không biết
việc các anh ở đây có ý nghĩa như
thế nào với tôi đâu.”

“Chúng ta đã có một quãng thời gian tuyệt vời, Harris ạ.”

Harris hơi tây tây.

“Tôi nói là. Thực sự các anh không biết nó có ý nghĩa chừng nào đâu. Tôi chưa từng vui như thế kể từ cuộc chiến.”

“Mình sẽ cùng đi câu với nhau nữa mà. Đừng quên đấy nhé, Harris.”

“Phải thế chứ. Mình có kỳ nghỉ vui quá.”

“Làm một chai nữa nhé?”

“Ý hay quá,” Harris nói.

“Lần này là của tôi đấy,” Bill nói. “Nếu không là không uống gì hết.”

“Ước sao anh để tôi trả chầu này. Nó là vinh hạnh của tôi mà, anh biết đấy.”

“Nó mới làm tôi vinh hạnh chứ,” Bill nói.

Người chủ quán mang ra chai rượu thứ tư. Chúng tôi không thay cốc. Harris nâng ly.

“Tôi nói này. Anh biết là dịp này rất đáng để uống mừng.”

Bill vỗ vào lưng anh ta.

“Bạn già Harris.”

“Tôi bảo này. Anh biết tên thật của tôi không phải là Harris. Là Wilson Harris. Đây là toàn bộ cái tên. Với một dấu gạch ngang, anh biết đấy.”

“Bạn già Wilson-Harris,” Bill nói. “Chúng tôi gọi bạn là Harris bởi vì chúng tôi rất quý bạn.”

“Tôi bảo này, Barnes. Anh không biết điều này có ý nghĩa như thế nào với tôi đâu.”

“Thôi nào mình hãy mừng thêm một ly nữa,” tôi nói.

“Barnes. Thật đấy, Barnes, anh không biết đâu. Thế đó.”

“Uống đi, Harris.”

Chúng tôi quay trở lại con đường từ Roncesvalles với Harris đi giữa hai chúng tôi. Chúng tôi dừng bữa trưa tại nhà nghỉ và Harris đưa chúng tôi ra xe. Anh đưa cho chúng tôi danh thiếp của anh, có địa chỉ ở London và cả câu lạc bộ

và địa chỉ văn phòng, và khi chúng tôi ngồi vào chỗ anh đưa chúng tôi mỗi người một chiếc phong bì. Tôi mở hong bì của tôi ra và thấy một tá mồi trong đó. Harris tự tay tết chúng. Anh tự tết toàn bộ số ruồi của anh.

“Nghe tôi nói này, Harris –” tôi bắt đầu.

“Không, không!” anh nói. Anh bước vội xuống xe. “Đấy không phải là ruồi hạng nhất đâu. Tôi chỉ nghĩ rằng nếu anh dùng chúng để câu đôi lúc sẽ nhắc anh nhớ về những kỷ niệm đẹp của chúng ta thôi.”

Xe bắt đầu lăn bánh. Harris đứng trước cửa bưu điện. Anh vẫy tay chào. Khi chúng tôi đi đến cuối

đường anh quay lại và trở về nhà nghỉ.

“Nói này, Harris không tử tế sao?” Bill nói.

“Tôi nghĩ anh ta thực sự đã rất vui.”

“Harris? Cậu cho là thế.”

“Tôi ước gì anh ấy đến Pamplona với bọn mình.”

“Anh ấy chỉ muốn câu cá thôi.”

“Ừ. Cậu không thể nói làm cách nào mà một người Anh có thể hòa hợp cùng với những người khác.”

“Tôi cho là không.”

Chúng tôi về Pamplona vào buổi chiều muộn và xe buýt dừng lại

ở trước cửa Khách sạn Montoya. Bên ngoài tòa nhà plaza họ đang treo đèn dây để nó được thắp sáng trong mấy ngày lễ hội. Mấy đứa trẻ tiến tới khi xe dừng lại, và một cảnh sát viên ở thị trấn yêu cầu mọi người xuống xe mở túi hành lý ra để kiểm tra ngay trên phần đường dành cho người đi bộ. Chúng tôi bước vào khách sạn và tôi gặp Montoya ngay nơi cầu thang. Ông bắt tay chúng tôi, mỉm cười bối rối theo kiểu của ông.

“Các bạn ông đang ở đây,” ông nói.

“Ông Campbell à?”

“Vâng. Ông Cohn và ông Campbell và Phu nhân Ashley.”

Ông cười như thể tôi đã biết về việc này rồi.

“Họ tới đây khi nào?”

“Ngày hôm qua. Tôi để dành cho ông căn phòng lần trước.”

“Tốt quá. Ông có cho ông Campbell căn phòng ở plaza không?”

“Vâng. Tất cả các phòng đều được chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng.”

“Hiện giờ các bạn tôi ở đâu?”

“Tôi nghĩ là họ đang chơi pelota.”

“Thế còn lũ bò thì sao?”

Montoya mỉm cười. “Tối nay,” ông nói. “Tối nay vào lúc bảy giờ họ

sẽ đưa tới lũ bò Villar, và ngày mai là Miura. Tất cả các ông có xuống xem không?”

“Ồ, vâng. Họ chưa bao giờ chứng kiến *desencajonada*⁷¹ cả.”

Montoya đặt tay lên vai tôi.

“Gặp lại ông ở đó nhé.”

Ông lại mỉm cười. Ông luôn cười như thể đấu bò là một bí mật cực kỳ đặc biệt giữa hai chúng tôi; một bí mật gây sốc nhưng sâu kín mà chỉ mình chúng tôi được biết. Ông luôn cười như thể trong bí mật này có ẩn chứa đôi điều thâm dặt đối với người ngoài, nhưng lại là những điều mà chúng tôi có thể biết rõ. Nó không được khơi ra với những kẻ không hiểu được nó.

⁷¹ *desencajonada*: (tiếng TBN) lễ thả bò

“Bạn của ông, ông ấy có phải là aficionado không vậy?” Montoya mỉm cười với Bill.

“Vâng. Ông ấy đến từ New York để tham dự San Fermin đấy.”

“Vâng?” Montoya tỏ ra không tin một cách lịch sự. “Nhưng ông ấy không phải là aficionado giống như ông.”

Ông bối rối đặt tay lên vai tôi.

“Vâng,” tôi nói. “Anh ấy là một aficionado thực sự.”

“Nhưng mà không giống ông đâu.”

Aficion có nghĩa là đam mê. Một aficionado là một người đam mê môn đấu bò. Tất cả những đấu

sĩ có hạng đều ngụ tại khách sạn của Montoya; vì thế, những người có aficion cũng sẽ ở lại đây. Các đấu sĩ chạy theo thương mại cũng từng ở đây, có thể là vậy, nhưng họ không hề quay trở lại. Những tay cừ thì quay lại mỗi năm. Trong phòng của Montoya treo đầy ảnh họ. Những bức ảnh được đề tặng riêng cho Juanito Montoya hoặc chị gái ông. Ảnh của những đấu sĩ mà Montoya tin tưởng thì được lồng khung. Ảnh của những đấu sĩ mà thiếu aficion thì Montoya cất vào ngăn kéo. Chúng thường có những lời đề tặng hoa mỹ nhất. Nhưng chúng chẳng có ý nghĩa gì cả. Một ngày nọ Montoya lôi hết chúng ra và vứt vào sọt rác. Ông không muốn có chúng ở bên.

Chúng tôi vẫn thường nói về bò và các trận đấu bò. Tôi đã ở lại chỗ của Montoya trong nhiều năm. Chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện lâu mỗi lần chạm mặt. Nó chỉ đơn giản là sự hài lòng khi phát hiện ra những gì mà mỗi chúng tôi cảm nhận. Nhiều người đến từ những vùng miền xa xôi và trước khi rời Pamplona họ ghé lại và trao đổi vài phút với Montoya về lũ bò. Những người đó là những aficionado. Những tay aficionado luôn có thể có được một phòng cho dù khách sạn đã chật kín. Montoya giới thiệu tôi với vài người trong số họ. Lúc ban đầu họ luôn rất lịch sự, và việc tôi là một người Mỹ khiến cho họ cảm thấy khôì hài. Dù sao thì người ta cũng quan niệm rằng người Mỹ không thể có aficion. Anh ta có thể

giả vờ với thứ đó hoặc nhằm lẫn nó với niềm hưng phấn, nhưng anh ta không thể thực sự có được nó. Khi họ thấy rằng tôi có *aficion*, và không có ẩn ý nào trong đó cả, không có câu hỏi cụ thể nào có thể làm cho rõ, thay vì thế nó như là một loại kiểm nghiệm tinh thần bằng ngôn từ với những câu hỏi luôn mang một chút thận trọng và không bao giờ rõ ràng, cũng là sự ngại ngùng như vậy khi đặt bàn tay lên một bờ vai, hoặc là một lời cảm thán “*Buen hombre* [*Buen hombre*: (tiếng TBN) Anh chàng cừ].” Nhưng gần như luôn là một sự động chạm thật sự. Cứ như thế họ muốn chạm vào anh để biết chắc rằng điều đó là sự thật.

Montoya có thể tha thứ bất cứ điều gì cho những đấu sĩ có *aficion*.

Ông có thể tha thứ cho những cuộc tấn công của trạng thái kích động, hay hốt hoảng, và cả những hành vi xấu không thể giải thích nổi, cũng như mọi lỗi trụy lạc. Đối với những kẻ có aficion ông có thể tha thứ bất cứ điều gì. Ngay lập tức ông tha thứ cho tôi về những người bạn của mình. Ông không bao giờ nói ra một lời nào cả, chúng chỉ đơn giản là những xấu hổ nho nhỏ giữa chúng tôi, như là miệng vết thương mở của con ngựa trong một trận đấu bò.

Bill đã đi lên lầu và khi tôi bước vào, tôi thấy anh đang tắm và thay đồ trong phòng.

“Ồ,” anh nói, “cậu nói nhiều tiếng Tây Ban Nha không?”

“Ông ấy bảo lũ bò sẽ được chở tới đây vào buổi tối.”

“Mình đi xuống tìm đồng bọn thôi.”

“Được rồi. Có thể họ đang ở quán café.”

“Cậu mua vé chưa?”

“Rồi. Tôi có tất cả rồi đây.”

“Nó như thế nào?” Anh đang sờ má mình trong gương, nhìn kỹ để kiểm tra xem còn có phần rau nào chưa cạo nơi dưới hàm không.

“Khá hay,” tôi nói. “Họ thả bò ra khỏi chuồng cùng một lúc, và họ có trâu đực non trong bãi quây để đón và giữ cho chúng khỏi tấn công lẫn nhau, và lũ bò lao vào bọn trâu

non và đám trâu non chạy quanh như mấy cô hầu gái trong khi cố gắng làm chúng yên.”

“Chúng có bao giờ húc mấy con trâu non không?”

“Có chứ. Đôi khi chúng làm ngay và giết mấy con trâu.”

“Bọn trâu không làm gì hết à?”

“Không. Chúng cố gắng đánh bạn với lũ bò.”

“Họ cần chúng vào làm gì?”

“Để làm yên lũ bò và ngăn chúng khỏi làm gãy sừng khi húc vào tường đá, hoặc là vì húc vào nhau.”

“Làm một con trâu đực non chắc là thú lắm.”

Chúng tôi bước xuống lầu và ra khỏi cửa và đi qua quảng trường tới quán café Iruna. Chỉ có hai phòng bán vé cô độc được dựng lên nơi quảng trường. Ở trên các ô cửa, có viết SOL, SOL Y SOMBRA và SOMBRA⁷², đều đóng lại. Chúng sẽ không được mở cho tới ngày trước lễ hội.

72 SOL, SOL Y SOMBRA và SOMBRA: (tiếng TBN) MẶT TRỜI, MẶT TRỜI VÀ BÓNG RÂM và BÓNG RÂM. Các chỗ ngồi xem đấu bò có giá vé khác nhau dựa trên vị trí của chúng ở giữa nắng, trong bóng râm hoặc cả hai. Rẻ nhất là chỗ ngồi dưới nắng, và chỗ ngồi trong bóng râm (có mái che) là đắt nhất.

Chương 13.2

Bên kia quảng trường là những chiếc bàn và ghế liễu gai màu trắng của quán Iruna tràn ra ngoài hiên bên lề đường. Tôi nhìn quanh tìm Brett và Mike nơi mấy chiếc bàn. Họ đang ngồi đó. Brett và Mike và Robert Cohn. Brett đội một chiếc mũ bê-rê Basque. Mike cũng vậy. Robert Cohn thì đầu trần và đeo kính. Brett thấy chúng tôi đi tới và vẫy tay. Mắt nàng nheo lại

khi chúng tôi bước tới.

“Xin chào, các chàng trai!” nàng gọi.

Brett trông hạnh phúc. Mike có khả năng trong việc đưa cảm xúc mãnh liệt vào những cái bắt tay. Robert Cohn bắt tay bởi vì chúng tôi đã quay trở lại.

“Máy người ở đâu đấy?” tôi hỏi.

“Tôi mang họ tới đây đấy,” Cohn trả lời.

“Điều chứ,” Brett nói. “Chúng tôi đã tới đây sớm hơn nếu như anh không tới đó.”

“Máy người sẽ chẳng bao giờ đến được đây.”

“Điều chứ! Máy anh trông nâu

quá. Nhìn Bill này!”

“Các cậu câu được cá không?” Mike hỏi. “Chúng tôi muốn tham gia quá.”

“Cũng không tệ. Bọn này nhớ anh lắm.”

“Tôi cũng muốn tới,” Cohn nói, “nhưng tôi nghĩ tôi phải đi đón họ.”

“Anh đón chúng tôi. Điều chứ.”

“Câu cá tốt không?” Mike hỏi. “Các cậu câu được nhiều không?”

“Có ngày chúng tôi câu được cả tá. Ở đó có một tay người Anh nữa.”

“Tên Harris,” Bill nói. “Anh biết anh ta không Mike? Anh ta cũng tham gia cuộc chiến đấy.”

“Anh chàng may mắn,” Mike nói. “Quả là một thời đại khó quên. Làm sao mà tôi lại ước được quay lại thời đó quá.”

“Đừng ngu thế.”

“Anh có tham chiến không, Mike?” Cohn hỏi.

“Không hề.”

“Anh ta là một tay lính đáng khinh,” Brett nói. “Anh kể họ nghe chuyện con ngựa của anh lồng lên ở Piccadilly⁷³ đi.”

“Không đâu. Anh kể chuyện đấy bốn lần rồi.”

“Anh chưa từng nói tôi nghe,”
Robert Cohn nói.

⁷³ Piccadilly: một con phố ở London, nước Anh; trung tâm cũ với các cửa hàng thời trang, vũ trường, và khách sạn.

“Tôi không kể chuyện đấy đâu. Nó hạ thấp nhân phẩm nơi tôi.”

“Thế nói họ nghe về mấy cái huân chương của anh vậy.”

“Không được. Chuyện đấy hạ thấp nhân phẩm lớn nơi anh.”

“Chuyện đấy là sao thế?”

“Brett sẽ kể cho cậu nghe. Cô ấy toàn kể mấy chuyện nhằm hạ thấp tôi thôi.”

“Tới đi. Kể đi, Brett.”

“Có nên không nhỉ?”

“Thôi để tôi tự kể vậy.”

“Anh giành huân chương gì thế, Mike?”

“Tôi chẳng có cái nào cả.”

“Anh hẳn phải có vài cái chứ.”

“Tôi cho là tôi có mấy cái huân chương bình thường thôi. Nhưng tôi chưa bao giờ được nhận nó. Một lần nọ có một bữa tiệc trọng đại và Hoàng tử xứ Wales⁷⁴ cũng tham dự, và thiệp mời thông báo người tham dự phải đeo huân chương. Dĩ nhiên tôi làm gì có cái nào, và tôi bước vào tiệm may và ông chủ tiệm may rất ấn tượng với cái thiệp mời trong tay tôi, và tôi nghĩ đây là một vụ làm ăn tốt, và tôi bảo ông ta: ‘Ông phải tu sửa tôi với một vài cái huân chương.’ Ông ta bảo: ‘Huân chương gì, thưa ngài?’ Thế là tôi bảo: ‘Ồi dào, cái

⁷⁴ Hoàng tử xứ Wales (1894-1972); con trai của George V; Công tước xứ Windsor; sau này là vua của nước Anh, được biết đến với tên gọi Edward VIII. Về sau ông thoái vị.

nào mà chẳng được. Ông chỉ cần đưa tôi vài cái thôi.’ Rồi ông ta hỏi: ‘Ngài có cái huân chương nào không, thư ngài?’ Và tôi trả lời: ‘Làm sao mà tôi biết được?’ Chẳng lẽ ông ta cho rằng tôi dành toàn bộ thời gian của mình để đọc cái công báo quái quỷ đấy à? ‘Hãy đưa cho tôi một cái còn tốt. Ông cứ tùy chọn.’ Nên ông ta đưa tôi vài cái huân chương, mấy người biết đấy, những chiếc huân chương nhỏ, và trao cho tôi luôn cả cái hộp, và tôi cất vào trong túi rồi quên bém mất. Ôi, rồi thì tôi đi dự tiệc, và đó là đêm mà họ bắn Henry Wilson⁷⁵,

75 Sir Henry Hughes Wilson (5/51864-22/6/1922) là một thống chế quân sự người Scotland và nhà chính trị theo chủ nghĩa Hợp nhất giữa Anh – Bắc Ireland.

Ông là một trong những vị sĩ quan hàng đầu của Quân đội Hoàng gia Anh trong Thế chiến I và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng quan hệ giữa

nên Hoàng tử không tới dự và nhà Vua cũng chẳng tới nốt, và chẳng có ai đeo huân chương cả, và tôi thì cất mấy cái của mình ở trong túi.”

Anh ngừng lại để chúng tôi cười.

“Chỉ thế thôi à?”

“Thế thôi. Có lẽ tôi kể chưa đúng kiểu.”

“Đúng thế,” Brett nói. “Nhưng cũng chẳng sao.”

Tất cả chúng tôi đều cười.

“À, đúng rồi,” Mike nói. “Tôi biết

quân đội Anh và quân đội Pháp trong suốt thời kỳ phục binh. Sau khi trở thành thành viên Quốc hội Anh, Wilson bị ám sát bởi hai tay súng IRA vào năm 1922 khi đang trên đường trở về nhà từ một buổi tưởng niệm chiến tranh ở trạm Liverpool Street.

rồi. Đây là một bữa tối ngu ngốc khốn kiếp, và tôi không tài nào chịu được, nên tôi bỏ về. Sau đó cũng trong buổi tối tôi tìm thấy cái hộp trong túi tôi. Cái gì đây? Tôi tự hỏi. Huân chương à? Những chiếc huân chương quân đội đẫm máu? Rồi tôi cắt hết phía sau chúng – các bạn biết đấy, cái phần mà có thể cài vào áo ấy mà – và phân phát đi. Cho mỗi cô một cái. Một kiểu quà lưu niệm ấy. Họ cứ nghĩ tôi là một vị anh hùng nào đó. Thường thì tôi phát huân chương ở hộp đêm. Nhân danh các đồng đội.”

“Kể nốt đi,” Brett bảo.

“Các cậu có thấy buồn cười không?” Mike hỏi. Tất cả chúng tôi đều cười phá lên. “Có đấy. Tôi thề.

Bằng bất kỳ giá nào, gã thợ may của tôi viết cho tôi một bức thư và đòi lại mấy cái huân chương. Ông ta còn cử cả người đến chỗ tôi. Ông ta tiếp tục viết trong nhiều tháng. Hình như có ai đó gửi chúng đến để lau chùi. Một thằng cha có máu mặt nào đó trong quân đội. Một mình hắn sở hữu cả cái đồng đấy.” Mike ngừng lại. “Gã thợ may bất hạnh,” anh tiếp.

“Anh không có ý đẩy đẩy chứ,” Bill nói. “Tôi nghĩ đấy là một vinh dự lớn cho ông thợ may.”

“Ông thợ may tốt bụng đáng thương. Chẳng thể tin vào điều đó khi nhìn tôi lúc này,” Mike nói. “Tôi đã từng trả ông ta một trăm bảng mỗi năm để bịt miệng ông ta. Để

ông ta không gửi trát đòi tiền tôi. Ông ta phát điên lên khi tôi phá sản. Ngay sau vụ huân chương. Khiến cho mấy lá thư của ông ta toàn giọng điệu cay đắng.”

“Làm thế nào mà anh lại phá sản?” Bill hỏi.

“Hai cách,” Mike trả lời. “Từ từ và bất ngờ.”

“Điều gì gây ra thế?”

“Bạn bè,” Mike trả lời. “Tôi có nhiều bạn lắm. Những người bạn không tốt. Rồi tôi có nhiều cả những chủ nợ nữa. Có thể là nhiều chủ nợ nhất nước Anh cũng nên.”

“Anh kể họ nghe về phiên tòa ấy,” Brett nói.

“Anh không nhớ,” Mike nói.
“Hồi ấy anh hơi say một tí.”

“Say!” Brett ca thán. “Anh mù quáng thì có!”

“Chuyện rắc rối lắm,” Mike nói.
“Có một hôm tôi gặp lại đối tác cũ.
Hắn ta đề nghị mời tôi một ly.”

“Kể cho họ nghe về lời khuyên
thông thái của anh đi,” Brett gạ.

“Không thể,” Mike nói. “Lời
khuyên thông thái của anh cũng
mù quáng nốt. Nào, tôi thấy đây là
một chủ đề u ám quá. Chúng ta có
đi xem lũ bò được đưa vào hay là
không nào?”

“Ta đi thôi.”

Chúng tôi gọi người phục vụ, trả

tiền, và bắt đầu đi qua trung tâm. Ban đầu tôi đi cùng Brett nhưng Robert Cohn vượt lên và đi bên cạnh nàng. Ba chúng tôi cùng bước đi, qua Ayuntamiento với tám biểu ngữ treo trên ban công, đi qua chợ và qua con đường dốc dẫn tới cây cầu bắc qua sông Arga⁷⁶. Rất nhiều người cũng đang trên đường tới xem đàn bò, và hững chiếc xe ngựa đang chạy xuống từ ngọn đồi và đi qua cầu, người lái xe, lũ ngựa, và tiếng vụt roi nổi bật lên phía trên đoàn người đang bước trên đường. Qua cầu chúng tôi rẽ sang một con

76 Arga: con sông chảy qua vùng Navarre, Tây Ban Nha và là một trong những nhánh phụ của sông Ebro. Nằm ở đông bắc Tây Ban Nha, con sông này dài 145km. Thượng nguồn của con sông nằm ở phía đông bắc của làng Esteribar, gần với biên giới nước Pháp, và phần cuối đổ vào sông Aragón gần Funes. Con sông bị ngăn đập ở hồ chứa Eugui gần Esteribar, nhằm phục vụ cho khu đô thị ở Pamplona, là thành phố lớn nhất bên sông Arga.

phố dẫn tới bãi quây gia súc. Chúng tôi đi qua một cửa hàng rượu với tấm bảng treo nơi cửa sổ: Rượu Ngon 30 Xentim Một Lít.

“Đó là nơi ta tới khi tiền hết,” Brett nói.

Người phụ nữ đứng bên cửa nhìn chúng tôi khi chúng tôi đi qua. Cô ta gọi một ai đó ở trong nhà và ba cô con gái ló ra từ khung cửa sổ mà nhìn. Bọn họ đang nhìn Brett.

Ở cổng bãi quây có hai người đàn ông soát vé của những người vào xem. Chúng tôi bước qua cổng. Bên trong có nhiều cây và một ngôi nhà thấp bằng đá. Ở phía cuối là bức tường đá của bãi quây, với những lỗ hỏ trên mặt đá như là những lỗ châu mai chạy dọc theo

bề mặt của mỗi chuồng quây. Có một chiếc thang dẫn lên trên nóc tường, và người ta trèo lên thang và tản ra để đứng trên bờ tường chia đôi bãi quây. Khi chúng tôi leo lên thang, đi dọc theo đám cỏ bên dưới hàng cây, chúng tôi lướt qua một cái chuồng lớn sơn màu xám đang nhốt mấy con bò. Trong mỗi thùng hàng là một con bò. Chúng được chở tới đây từ trại nuôi ở Castile⁷⁷ bằng tàu hỏa, và được đưa từ nhà ga lên đây bằng xe tải mà vẫn giữ nguyên đai nguyên kiện. Mỗi cái chuồng đều có tên và ký hiệu của trại nuôi bò giống trên đó.

Chúng tôi trèo lên và tìm thấy

⁷⁷ Castile: khu vực và quốc gia trước đây ở miền bắc và trung Tây Ban Nha, dành tự trị trong mười thế kỷ và sáp nhập cùng Leon, và sau này với Aragon (Thế kỷ mười lăm), trở thành trung tâm của nên chế độ quân chủ Tây Ban Nha.

chỗ trống trên bức tường nhìn được ngay xuống bãi quây. Đá của bức tường bạc trắng, rơm vương vãi đầy mặt đất và những thùng gỗ đựng thức ăn và máng nước được đặt bên tường.

“Nhìn đằng kia kìa,” tôi chỉ.

Thung lũng của thị trấn hiện lên phía sau con sông. Dọc những thành lũy và những bức tường cũ kỹ đứng đầy người. Ba hàng công sự được tạo bởi ba hàng người đen kịt. Bên trên bức tường là những cái đầu nhô ra từ cửa sổ của các ngôi nhà. Ở títt đầu kia của thung lũng là những thằng nhóc đang cố trèo lên một cành cây.

“Họ hẳn phải nghĩ rằng có

chuyện gì đó sắp sửa diễn ra,” Brett choáng nhận xét.

“Họ muốn xem lũ bò ấy mà.”

Mike và Bill đứng trên bức tường khác bắc ngang cái hố của vòng quay. Họ vẫy tay với chúng tôi. Những người tới muộn đứng đằng sau chúng tôi, xô đẩy chúng tôi khi những người khác xô vào họ.

“Sao họ chưa bắt đầu đi?”
Robert Cohn hỏi.

Một con la bị lôi tới trước một trong những cái chuồng và kéo cái chuồng tới cánh cổng nơi bức tường của bãi quay. Người đàn ông đẩy mạnh cánh cổng và nâng nó lên bằng một cái xà beng. Những

người đứng trên bờ tường đã sẵn sàng để kéo cánh cổng của bãi quây lên và tiếp theo là cái cửa chuồng. Cuối vòng quây một cánh cổng khác được mở ra và hai con trâu đực non tiến vào, lúc lắc cái đầu và bắt đầu chạy nước kiệu, cánh sườn mảnh khảnh của chúng phập phồng. Chúng đứng cùng nhau ở cuối vòng quây, đầu chúng hướng về cánh cổng mà từ đó đàn bò sẽ ủa vào.

“Chúng không có vẻ gì vui tươi cả,” Brett nói.

Người đàn ông trên nóc bức tường lùi lại và nâng chiếc cửa của bãi quây lên. Rồi họ nâng cái cửa chuồng lên.

Tôi tì vào tường và cố gắng nhìn

vào trong cái chuồng ấy. Bên trong tối om. Có ai đó gõ vào cái chuồng bằng một cái que sắt. Bên trong có thứ gì đó như muốn nổ tung. Con bò tót, húc vào chuồng gỗ từ bên này sang bên kia bằng cặp sừng của nó, tạo ra những tiếng động lớn. Rồi tôi thấy một cái mồm đen và cái bóng của cặp sừng, và rồi, với một tiếng lách cách cạ vào mặt gỗ trong một cái hộp rỗng, con bò đâm vào và tiến ra vòng quay, trượt tới với hai chân trước trên đồng rơm khi nó dừng lại, đầu nó ngẩng lên, những đường gân nơi cổ căng lên, các thớ cơ trên cơ thể rung rung khi nó ngược nhìn đám đông trên bức tường đá. Hai con trâu lùi lại sát bờ tường, đầu chúng rũ xuống, con mắt nhìn đăm đăm vào kẻ mới vừa xuất hiện.

Con bò nhìn thấy chúng và lao tới. Một người đàn ông hét lên từ phải sau một chiếc thùng và đập mũ của mình vào tấm ván, và con bò, trước khi chạm tới lũ trâu đực non, quay lại, chuẩn bị tư thế và lao vào nơi người đàn ông vừa đứng, cố gắng tiếp cận ông ta từ đằng sau tấm ván với một cú đâm nhanh và mạnh mẽ bằng sừng bên phải.

“Trời ơi, nó không đẹp ư?” Brett thốt lên. Chúng tôi đang nhìn thẳng xuống nó.

“Nhìn như thế nó biết cách sử dụng cặp sừng của mình vậy,” tôi nói. “Nó sử dụng sừng trái và sừng phải như một tay đấm bốc.”

“Thật chứ?”

“Em cứ nhìn mà xem.”

“Nhanh quá.”

“Đợi đã. Sẽ có một con nữa trong vòng vài phút tới.”

Họ đã mang một cái chuồng nữa tới lối vào. Ở góc xa một người đàn ông, từ đằng sau một chỗ ẩn nấp bằng ván, thu hút con bò, và trong khi con bò quay mặt đi cửa chuồng lại được nâng lên và con bò thứ hai tiến vào vòng vây.

Con này xông thẳng vào lũ trâu đực non và hai người đàn ông vừa chạy đằng sau tấm ván vừa la hét, để làm nó quay đầu lại. Nó không hề đổi hướng và những người đàn ông hét lên: “Hah! Hah! Toro⁷⁸!”

78 “Hah! Hah! Toro”: (tiếng TBN) “Này! Này! Con bò tốt kia!”

vã vẫy cánh tay của họ; và hai con trâu đực quay đầu theo tiếng hô, và ngay lúc ấy con bò đâm thẳng vào một con trâu.

“Đừng nhìn,” tôi bảo Brett. Nàng vẫn nhìn, hoàn toàn bị mê hoặc.

“Tốt thôi,” tôi nói. “Nếu em không sợ.”

“Em thấy rồi,” nàng nói. “Em thấy nó chuyển từ sừng trái sang sừng phải.”

“Khá đấy!”

Con trâu non gục xuống, cổ nó toác ra, đầu nó vặn vẹo, nó nằm nguyên như khi ngã xuống. Bỗng nhiên con bò buông nó ra và chuyển sang con trâu còn lại đang đứng ở

tít đằng xa, đầu nó lắc lư, chứng kiến tất cả những gì vừa diễn ra. Con trâu luống cuống bỏ chạy và con bò bắt được nó, húc nhẹ vào sườn, và rồi quay đi và nhìn lên đám đông đang đứng trên tường, các múi cơ trên người nó căng lên. Con trâu non tiến tới chỗ nó và làm chỉ như muốn dụi mõm vào nhau và lần này con bò đâm một cách hời hợt. Lần tiếp theo con bò lại cào mõm vào con trâu non rồi cả hai chạy chậm lại về phía con bò còn lại.

Khi con bò tiếp theo tiến vào, cả ba, hai con bò và một con trâu, đứng bên nhau, đầu chúng kề bên nhau, sừng chúng hướng về kẻ mới đến. Trong vài phút con trâu làm quen với con bò mới, kiểm chế nó,

và đưa nó vào bầy. Khi hai con bò tốt cuối cùng được đưa vào thì cả bọn đã thành một hội kết đoàn.

Con trâu non bị đâm khi nãy đã đứng dậy được và tựa vào bờ tường đá. Không có con bò nào tiến tới gần nó, và, nó cũng chẳng cố gắng gia nhập bầy.

Chúng tôi trèo xuống khỏi bờ tường cùng đám đông, và nhìn lũ bò lần cuối qua những lỗ châu mai của bức tường bãi quây. Giờ thì chúng đang im lặng, đầu cúi xuống. Chúng tôi gọi một chiếc xe ngựa ở bên ngoài và quay lại quán café. Mike và Bill xuất hiện nửa giờ sau đó. Họ đã nghỉ lại nhiều chỗ trên đường và làm nhiều ly.

Chúng tôi ngồi trong quán café.

“Đúng là một vụ lạ thường,” Brett nhận xét.

“Những trận cuối có hay như trận đầu không?” Robert Cohn hỏi. “Chúng có vẻ yên nhanh quá.”

“Chúng biết nhau cả rồi,” tôi nói. “Chúng chỉ nguy hiểm khi ở riêng thôi, hoặc là hai hay ba con ở cùng một chỗ.”

“Ý cậu là sao, nguy hiểm á?” Bill hỏi. “Với tôi thì con nào cũng nguy hiểm cả.”

“Chúng chỉ muốn giết chóc khi ở một mình. Đương nhiên, nếu như cậu bước vào và cậu có thể tách một con ra khỏi bầy, thì nó sẽ trở nên nguy hiểm.”

“Cầu kỳ quá,” Bill nói. “Anh

đừng có bao giờ tách tôi ra khỏi bầy đây, Mike nhé.”

“Tôi bảo này,” Mike nói, “chúng đều tốt cả, đúng không? Các vị có thấy cặp sừng không?”

“Em không,” Brett trả lời. “Em chẳng biết nó ra sao cả.”

“Em có thấy con bò húc vào con trâu không?” Mike hỏi. “Thật là phi thường.”

“Làm một con trâu non là xong đời,” Robert Cohn cảm thán.

“Cậu đừng nghĩ thế chứ?” Mike nói. “Tôi thì cứ nghĩ cậu muốn làm một con trâu non đấy, Robert ạ.”

“Ý anh là sao, Mike?”

“Chúng có cuộc đời yên ả quá.

Chúng chẳng bao giờ nói gì cả và chúng cứ treo ở trạng thái đấy mãi thôi.”

Chúng tôi bối rối. Bill cười phá lên. Robert Cohn thì giận dữ. Còn Mike thì cứ tiếp tục.

“Tôi nên nghĩ là cậu thích thế. Cậu sẽ không bao giờ phải nói gì. Thôi nào, Robert. Cậu nói gì đi. Đừng có ngồi đó không thôi.”

“Tôi đã nói vài điều, Mike ạ. Anh không nhớ à? Về những con trâu.”

“Ôi, nói gì hơn thế ấy. Nói cái gì hài hước ấy. Cậu không thấy là chúng ta đang vui vẻ à?”

“Thôi nào, Michael. Anh say rồi đấy,” Brett can thiệp.

“Anh không say. Anh nghiêm túc đấy. Mọi người nói xem có phải là Robert Cohn theo đuôi Brett suốt ngày như một con trâu đực non không?”

“Im đi, Michael. Cố gắng và tỏ ra có giáo dục xem nào.”

“Giáo cái mẹ gì. Ai mà cần dạy ngoài mấy con bò chứ? Bọn bò kia không đáng yêu à? Cậu thích chúng không, Bill? Sao không nói gì thế, Robert? Đừng có ngồi đó và đưa cái bộ mặt đưa đám ấy ra nữa. Brett ngủ với cậu thì đã làm sao? Cô ta ngủ với hàng tá người tốt đẹp hơn cậu nhiều.”

“Im ngay,” Cohn nói. Gã đứng dậy. “Câm đi, Mike.”

“Ôi, đừng có mà đứng dậy và hành động như thể cậu sẽ tấn tôi một trận vậy. Với tôi thì chẳng nước non gì đâu. Nói tôi nghe coi, Robert. Sao cậu cứ lon ton chạy theo Brett như con trâu non tội nghiệp thế hả? Tôi thì tôi biết khi nào mình không được mong chứ. Sao cậu lại không biết điều thế? Cậu xuống San Sebastian nơi mà không ai mong cậu cả, rồi theo đuôi Brett như một con trâu non chết tiệt ấy. Cậu tự nghĩ xem như thế có được không?”

“Im đi. Anh say rồi.”

“Có thể là tôi say. Thế làm sao cậu lại không say? Sao cậu không bao giờ say thế, Robert? Cậu biết là cậu không vui vẻ gì ở

San Sebastian bởi vì không một ai trong đám bạn của chúng tôi mời cậu tiệc tùng cả. Cậu không trách họ được. Đúng không? Tôi đã xin xỏ họ đấy chứ. Nhưng họ lại không thèm mời. Cậu không trách được. Đúng không? Nào, trả lời tôi. Cậu có trách họ không?”

“Cút đi, Mike.”

“Tôi không trách họ được. Cậu có trách được không? Sao cậu cứ theo Brett mãi thế? Cậu không biết cư xử à? Cậu nghĩ là nó khiến tôi cảm thấy thế nào hả?”

“Anh thật cao quý khi nói về lối cư xử,” Brett nói. “Anh xử sự đáng yêu lắm.”

“Đi nào, Robert,” Bill nói.

“Cậu đi theo cô ấy làm gì?”

Bill đứng lên và giữ Cohn.

“Đừng đi,” Mike nói. “Robert Cohn sẽ đi mua rượu.”

Bill rời đi cùng Cohn. Mặt Cohn tái lại. Mike vẫn tiếp tục lảm nhảm. Tôi ngồi lại và nghe một lúc. Brett nhìn anh chán ghét.

“Em bảo nhé, Michael, anh đúng là không thể nào chịu đựng nổi,” nàng ngừng lại. “Em không bảo là anh ta đúng, anh cũng biết thế.” Nàng quay sang tôi.

Cảm xúc thoát ra khỏi giọng nói của Mike. Lúc này, chúng tôi chỉ là những người bạn.

“Anh không say thế đâu,” anh giải thích.

“Em cũng biết thế,” Brett nói.

“Chẳng có ai trong chúng mình say cả,” tôi nói.

“Tôi không nói những điều mà tôi không muốn.”

“Nhưng anh làm thế thì tệ quá,” Brett cười.

“Nhưng gã đó khó chịu quá. Hắn tới San Sebastian mà chẳng ai mong hắn tới cả. Hắn cứ bám lấy Brett và chỉ nhìn cô ấy. Làm tôi phát ốm.”

“Anh ta cư xử tệ lắm,” Brett nói.

“Câu này em nói đấy nhé. Brett từng có chuyện này chuyện kia với người khác trước đây. Cô ấy kể tôi nghe hết. Cô ấy cho tôi đọc thư của

tay Cohn này. Tôi cố đọc mà đọc không nổi.”

“Anh quả là cao thượng.”

“Không, nghe này, Jake. Brett có đi với giai. Nhưng chẳng thằng nào là Do Thái cả, và họ không có quần chân sau đó.”

“Những kẻ biết điều chết tiệt,” Brett nói. “Nói về mấy chuyện này mãi thật tởm quá. Michael và em thấu hiểu nhau lắm.”

“Cô ấy đưa thư của Robert Cohn cho tôi. Tôi không buồn đọc.”

“Anh có bao giờ đọc thư đâu, anh yêu. Anh có thèm đọc thư em viết đâu.”

“Anh không đọc được thư,” Mike nói. “Hài nhỉ?”

“Anh chẳng đọc được cái gì cả.”

“Không. Thế thì em sai rồi. Anh có đọc đấy chứ. Anh đọc lúc ở nhà ấy.”

“Rồi thì anh sẽ viết,” Brett nói. “Thôi nào, Michael. Hăng hái lên. Anh phải bỏ qua chuyện này đi. Anh ta đang ở đây. Anh đừng có mà làm hỏng lễ hội đấy.”

“Ờ, thế thì hẳn cũng phải cư xử cho đúng mực mới phải chứ.”

“Anh ta sẽ đúng mực. Em sẽ bảo anh ta.”

“Cậu nói với hẳn nữa, Jake. Bảo là hoặc hẳn cư xử cho phải phép

vào hoặc là hẳn cứ việc biến đi.”

“Ừ,” tôi nói, “để tôi nói với hẳn là ổn nhất.”

“Thấy chưa, Brett. Em kể cho Jake nghe xem Robert gọi em là gì. Cái gì mà hoàn hảo ấy.”

“Ôi, không. Em không thể.”

“Thôi nào. Bọn mình đều là bạn bè cả mà. Mình có phải là bạn không, Jake?”

“Em không nói được đâu. Lố lẫm.”

“Thế thì để anh nói.”

“Đừng nói, Michael. Đừng có quá đáng.”

“Hắn gọi cô ấy là Cicre⁷⁹,” Mike nói. “Hắn buộc tội cô ấy biến đàn ông trở thành lũ lợn. Khá chuẩn. Tôi ước gì tôi cũng có tài văn chương thiên phú.”

“Anh ta sẽ nổi tiếng, anh biết đấy,” Brett nói. “Anh ta viết thư hay lắm.”

“Anh biết chứ,” tôi nói. “Hắn viết thư cho anh từ San Sebastian.”

“Thế chẳng là gì cả,” Brett nói. “Anh này viết thư hài hước lắm.”

“Cô ta bắt tôi viết đấy. Cô ta dự đoán mình sẽ ốm.”

“Thì đúng thế còn gì.”

⁷⁹ Cicre: nhân vật trong tác phẩm *Odyssey* của Homer, một nữ phù thủy có thể biến đàn ông thành lợn.

“Thôi nào,” tôi nói, “mình cần phải ăn cái đã.”

“Tôi nên đối diện Cohn thế nào?” Mike hỏi.

“Cứ làm như chẳng có chuyện gì cả.”

“Vớ với tôi thì chẳng sao,” Mike nói. “Tôi không ngại đâu.”

“Nếu hần nói gì, cứ bảo là vì anh say.”

“Cũng đúng. Và điều thú vị là tôi nghĩ rằng tôi cũng say thật.”

“Đi thôi,” Brett nói. “Mấy thứ độc hại này đã thanh toán chưa ấy nhỉ? Em phải đi tắm trước bữa tối đã.”

Chúng tôi đi qua quảng trường. Trời tối và xung quanh quảng trường đã sáng ánh đèn từ những quán café dưới mái vòm. Chúng tôi đi trên những con đường rải sỏi bên dưới hàng cây dẫn về khách sạn.

Họ lên lầu và tôi dừng lại để nói chuyện với Montoya.

“Ồ, ông có thích lũ bò không?” ông hỏi.

“Cũng tốt. Mấy con đó được lắm.”

“Chúng cũng tạm tạm” – Montoya lắc đầu – “nhưng không phải là quá hay.”

“Sao ông lại không thích chúng?”

“Tôi không biết. Chúng chỉ khiến tôi có cảm giác là chúng không được hay lắm.”

“Tôi hiểu ý của ông.”

“Chúng cũng ổn.”

“Vâng. Chúng ổn.”

“Các bạn ông thích chúng không?”

“Cũng được.”

“Tốt rồi,” Montoya nói.

Tôi bước lên lầu. Bill đang ở trong phòng, đứng bên ban công nhìn xuống quảng trường. Tôi bước tới cạnh anh.

“Cohn đâu?”

“Ở phòng hán trên lầu.”

“Hắn thế nào rồi?”

“Tệ lắm. Mike khiếp quá. Anh ta thật tệ khi say.”

“Anh ấy không say thế đâu.”

“Anh ta không say cái đêch. Tôi biết chúng tôi uống bao nhiêu trước khi tới quán café chứ.”

“Sau cùng anh ta cũng tỉnh.”

“Ừ. Anh ta tệ quá. Tôi không ưa Cohn, Chúa biết mà, và tôi nghĩ hắn thật ngớ ngẩn khi xuống tận San Sebastian, nhưng không có ai được quyền nói năng như Mike cả.”

“Cậu thấy lũ bò ra sao?”

“Tuyệt. Cái cách mà họ đưa chúng ra hay lắm.”

“Ngày mai là lũ bò Miura⁸⁰.”

“Khi nào thì fiesta bắt đầu?”

“Ngày kế tiếp.”

“Mình phải giữ cho Mike không được say quá. Chứ mấy cái chuyện này chán quá.”

“Mình nên tắm rửa trước khi ăn tối.”

“Ừ. Sẽ là một bữa ăn tuyệt vời.”

“Không phải thế sao?”

Thực vậy, bữa tối là một bữa ăn dễ chịu. Brett diện chiếc váy

⁸⁰ bò Miura: loại bò tốt được gây giống từ Trại gia súc Miura Cattle Ranch (TBN: Ganadería Miura), thuộc tỉnh Seville, TNB. Trại gia súc này ban đầu thuộc về Don Eduardo Miura Fernández, và được biết đến vì đã tạo ra giống bò tốt lớn và thiện chiến. Con bò Miura đầu tiên xuất hiện trong trận đấu là vào ngày 30/4/1849 ở Madrid.

đen, không tay cho buổi tối. Nàng thật đẹp. Mike hành động như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Tôi phải lên lầu và gọi Robert Cohn xuống. Gã dè dặt và khách sáo, và mặt gã vẫn còn căng thẳng và xám ngoét, nhưng cuối cùng thì gã cũng vui vẻ trở lại. Gã không thể ngừng nhìn Brett. Điều đó dường như làm gã hạnh phúc. Như thể gã cảm thấy hài lòng khi thấy được dáng vẻ yêu kiều nơi nàng, và biết rằng gã đã từng cùng với nàng và tất cả mọi người đều biết chuyện. Họ không thể cướp đi điều đó khỏi gã. Bill rất hài hước. Michael cũng vậy. Họ đối xử tử tế với nhau.

Nó giống như một bữa tối thời chiến tranh mà tôi còn nhớ được. Có nhiều rượu, và cả cái không khí

phót lò, với linh cảm về những điều sẽ xảy ra mà ta không tài nào ngăn lại được. Dưới sức mạnh của rượu tôi mất đi cảm giác chán ghét và trở nên hạnh phúc. Cứ như thế tất cả bọn họ đều là những kẻ dễ thương.

Chương 14

Tôi không nhớ mình lên giường vào lúc nào. Tôi nhớ là tôi có cởi quần áo, mặc vào áo khoác tắm, và đứng bên lan can. Tôi biết là tôi khá say, và hi bước vào trong phòng, tôi bật đèn nơi đầu giường và bắt đầu đọc. Tôi đọc một cuốn sách của Turgenieff⁸¹.

⁸¹ Ivan Sergeyevich Turgenev (9/11/1818 – 3/9/1883) là một nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Nga thế kỉ 19. Tác phẩm chính đầu tiên của ông, là tuyển tập truyện ngắn có tên A Sportsman's Sketches (Bút Ký Người Đi Săn), là một bước đột phá trong trường

Có thể là tôi đọc đi đọc lại hai trang sách nhiều lần. Đó là một câu truyện trong “A Sportsman’s Sketches.” Tôi đã từng đọc nó trước đây, nhưng lúc ấy câu chuyện cứ như là mới. Miền quê trở nên rất rõ ràng và cảm giác về sức ép trong đầu tôi giảm xuống. Tôi say khướt và tôi không muốn nhắm mắt lại bởi vì khi ấy căn phòng sẽ bắt đầu quay mòng mòng. Nếu tôi tiếp tục đọc thì cảm giác này mới biến mất.

Tôi nghe thấy Brett và Robert Cohn bước lên lầu. Cohn chúc nàng ngủ ngon bên ngoài cửa và bước vào phòng của gã. Tôi nghe thấy tiếng bước chân của Brett đi vào căn phòng kế bên. Mike đã đi ngủ từ

phái chủ nghĩa hiện thực ở Nga thời bấy giờ, và cuốn tiểu thuyết Cha và con của ông được coi là một trong những tác phẩm lớn nhất thế kỉ 19.

trước. Anh lên phòng từ một tiếng trước cùng tôi. Anh thức giấc khi nàng bước vào, và họ nói chuyện với nhau. Tôi nghe thấy tiếng họ cười. Tôi tắt đèn và cố ngủ. Không cần thiết phải đọc thêm nữa. Tôi có thể nhắm mắt mà không phải chịu cảm giác quay vòng. Nhưng tôi không ngủ nổi. Không có lý do tại sao bởi vì trong bóng đêm anh nên nhìn nhận sự việc khác hẳn với khi ở giữa ánh sáng. Nếu không thì đúng là địa ngục!

Khi tôi nhận ra điều này, trong suốt sáu tháng trời tôi không khi nào ngủ mà thiếu ánh đèn điện. Quả là một ý tưởng sáng suốt. Dù sao thì cũng nên quên hết đàn bà đi. Quên luôn cả em nữa, Brett Ashley.

Đàn bà làm nên những tình bạn tuyệt vời. Tuyệt vời kinh khủng. Đầu tiên, anh phải rơi vào cạm bẫy tình yêu của một người đàn bà để có được thứ tình bạn cơ bản. Tôi đã có được Brett như một người bạn. Tôi đã không suy nghĩ về điều này từ phía nàng. Tôi đã lao vào một chuyện mà chẳng để làm gì cả. Nó chỉ đơn giản là sự trì hoãn của việc thanh toán hóa đơn. Hóa đơn thì luôn được gửi đi. Đó là một trong những điều tuyệt vời mà anh có thể biết chắc.

Tôi cho rằng tôi đã trả giá cho tất cả mọi thứ. Không giống như khi người đàn bà trả và trả và trả. Không có ý tưởng về sự báo thù hay trừng phạt. Chỉ là sự trao đổi về mặt giá trị. Anh từ bỏ một điều

gì đó và anh thu về một điều khác. Hoặc là anh phấn đấu vì một điều gì đó. Ta bao giờ mà chẳng phải trả giá cho những điều tốt đẹp theo một cách nào đó. Tôi trả giá theo cách của mình cho những điều mà tôi thích, do đó tôi có được những khoảng thời gian tốt đẹp. Hoặc là anh trả giá bằng việc học hỏi từ chúng, hoặc bằng những kinh nghiệm trước đó, hoặc bằng các cơ hội, hoặc bằng tiền bạc. Tận hưởng cuộc sống có nghĩa là học cách để biến đồng tiền của anh trở nên có ý nghĩa và biết rõ khi nào anh có được nó. Anh có thể khiến cho đồng tiền của mình trở nên có giá trị. Thế giới này một nơi khả dĩ để tiêu pha. Nó xem ra là một thứ lý thuyết hợp lý. Trong năm năm, tôi nghĩ, nó cũng sẽ ngớ ngẩn như

bất kỳ một triết lý nào mà tôi đã từng ngộ ra trước đó.

Dù vậy, có thể là điều này cũng không đúng nốt. Có thể là khi anh tiếp bước trên đường đời rồi anh sẽ học được một điều gì đó. Tôi không bận tâm tất cả những thứ đó có nghĩa là gì. Những gì mà tôi muốn biết là làm sao để sống được trong cõi đời này. Có thể là nếu anh tìm ra cách để sống trong đời thì anh sẽ hiểu được cuộc đời có nghĩa là gì.

Dù sao, tôi ước gì Mike đừng đối xử quá tệ với Cohn. Mike là gã say rượu tồi. Brett là người say rượu tốt. Bill là người say rượu tốt. Cohn thì chẳng bao giờ say. Mike trở nên khó chịu khi anh ta

vượt quá một cái mốc nhất định. Tôi thích xem anh làm tổn thương Cohn. Nhưng tôi ước gì anh không làm thế, bởi vì sau cùng nó khiến tôi thấy chán ghét chính mình. Đó là một đạo lý; có những điều rồi sẽ khiến anh thấy kinh tởm mãi về sau này. Không, đó hẳn phải là sự phi đạo đức. Một lời tuyên bố hùng hồn. Quả là một câu chuyện rác rưởi mà tôi có thể nghĩ ra trong đêm tối. Điều khiếp, tôi có thể nghe thấy lời Brett nói. Quá tệ! Khi anh đánh bạn với người Anh thì rất cuộc anh cũng sẽ nhiễm cái thói quen diễn đạt suy nghĩ của mình theo cái lối của người Anh. Ngôn ngữ nói của người Anh – thứ ngôn ngữ của bề trên, dù sao – cũng có ít từ vựng hơn người Eskimo⁸². Dĩ

82 Eskimo (hay Esquimaux) hoặc Inuit-Yupik là dân

nhiên là tôi chẳng biết gì về người Eskimo. Có thể tiếng Eskimo là thứ ngôn ngữ hay. Chẳng hạn như Cherokee⁸³. Tôi cũng chẳng biết gì về tiếng Cherokee cả. Người Anh giao tiếp bằng những cụm từ chứa nhiều biến tố. Một cụm từ luôn luôn hàm chứa nhiều ý nghĩa. Dù sao, tôi cũng thích thế. Tôi thích cái cách nói năng của họ. Như Harris vậy. Cho dù Harris vẫn chưa phải là người của tầng lớp thượng lưu.

tộc bản địa sống trên vùng băng giá phân bố từ Đông Siberia (Nga), qua Alaska (Mỹ), Canada và Greenland. Hiện nay, người Eskimo có khoảng hai đến ba triệu người, phân thành các nhóm như Eskimo Labrador, Eskimo Bắc Cực, Eskimo Alaska, Eskimo Seberia...

83 Cherokee là người bản xứ châu Mỹ ở đông nam Hoa Kỳ (sống chủ yếu ở Georgia, Carolina và Đông Tennessee). Về mặt ngôn ngữ, họ là một phần của hệ ngôn ngữ Iroquoia. Trong thế kỷ 19, các sử gia và nhà dân tộc học đã ghi lại truyền thống truyền miệng của họ cho thấy bộ lạc đã di cư về phía nam trong thời cổ đại từ khu vực Ngũ Đại Hồ, nơi mà các dân tộc nói tiếng Iroquoian khác sinh sống.

Tôi bật đèn lên và đọc lại. Tôi đọc Turgenieff. Giờ thì tôi biết rồi, đọc nó trong cơn mẩn cảm cao độ của tinh thần sau khi nốc quá nhiều brandy, tôi đã có thể nhớ được nó ở đâu đó, và sau cùng nó có vẻ như thể cũng xảy ra với tôi. Tôi sẽ luôn có nó. Đó là một thứ tốt đẹp khác mà anh trả giá và rồi sở hữu nó. Khi trời gần sáng thì tôi ngủ thiếp đi.

Hai ngày tiếp theo ở Pamplona diễn ra yên bình, và không có bất kỳ một vụ lộn xộn nào cả. Cả thị trấn đã sẵn sàng cho lễ hội. Những người lao công dựng lên những cột cổng để ngăn lại những con phố nhỏ khi đàn bò được thả ra từ bãi quây và sẽ chạy qua đó vào buổi sáng để tiến vào đấu trường. Các công nhân

đào các hố và chôn xuống những thanh gỗ, mỗi thanh gỗ đều được đánh số thứ tự. Bên ngoài thung lũng ở phía sau thị trấn những người làm công của đấu trường có làn da nâu bóng đang luyện tập cho những con ngựa của các kỵ mã đam giáo, hướng chúng phi nước kiệu và gõ những cái móng chắc nịch xuống nền đất cứng, nơi cánh đồng đằng sau đấu trường. Cánh cửa lớn của đấu trường được mở ra, và bên trong khán đài đã được dọn dẹp sạch sẽ. Tám tấm trong vòng đấu được cuộn lại và người ta vẩy nước lên đó, và những người thợ mộc thay thế những tấm ván bị yếu hoặc bị gãy nơi ba re. Đứng bên rìa của bãi cát mình tròn ta có thể nhìn thấy những chỗ ngồi trống và còn có thể nhìn thấy một

người phụ nữ già đang hì hụi cạo rửa những chiếc thùng.

Bên ngoài đấu trường, hàng rào kéo dài từ con phố cuối cùng của thị trấn tới cánh cổng đấu trường đã được dựng lên; đám đông sẽ chạy qua con đường này ngay phía trước đàn bò vào buổi sáng ngày đầu tiên diễn ra trận đấu. Phía bên kia đồng bằng, nơi đang diễn ra hội chợ ngựa và gia súc, dân du mục đang dựng trại dưới những tán cây. Nhưng người bán rượu aguardiente⁸⁴ đang dựng lên quầy hàng của họ. Một quầy hàng có treo biển quảng cáo ANIS DEL TORO⁸⁵. Tấm bạt đề tên biển hiệu

⁸⁴ aguardiente: (tiếng TBN) rượu mạnh có màu trong

⁸⁵ Anis del Toro: một loại rượu mùi có vị hồi của Pháp hoặc Tây Ban Nha. Theo tiếng Tây Ban Nha, Anis del Toro có nghĩa là rượu hoa hồi hiệu con bò

được phủ trên một tấm ván dưới cái nắng bỏng người. Ở quảng trường lớn nơi trung tâm thị trấn vẫn chưa có gì thay đổi. Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế liễu gai màu trắng bên hiên quán café và nhìn những chiếc xe ca đi tới và chở hàng tá những người nông dân tới phiên chợ từ các miền quê lân cận, và chúng tôi ngắm những chiếc xe buýt chật ních với những người nông dân ngồi trên túi hành lý chứa đầy những món đồ mà họ vừa mua ở thị trấn bắt đầu lăn bánh. Chiếc xe ca cao lêu nghêu và xám xịt là sự sống duy nhất nơi quảng trường ngoài mấy con chim bồ câu và một người đàn ông đang cầm vòi tưới nước xuống mặt sân

tốt vì trên nhãn của chai rượu này có in hình bò tốt.

quảng trường và những gốc cây.

Vào buổi tối diễn ra nghi lễ các đấu sĩ bò tót bước vào trường đấu. Một tiếng sau bữa tối tất cả mọi người, những cô nàng xinh xắn, những sĩ quan từ doanh trại quân đội, những con người thời thượng trong thị trấn, đi dọc con đường bên quảng trường nơi những chiếc bàn trong quán café chật kín người sau bữa cơm chiều.

Trong suốt cả buổi sáng tôi thường ngồi ở quán café và đọc báo Madrid và rồi đi bộ vào thị trấn hoặc ra ngoài ngoại ô. Thỉnh thoảng có Bill đi cùng tôi. Đôi khi anh ngồi lại trong phòng viết lách. Robert Cohn dành cả buổi sáng để học tiếng Tây Ban Nha hoặc cố

gắng xếp hàng để được cạo râu nơi tiệm cắt tóc. Brett và Mike không bao giờ thức dậy trước bữa trưa. Tất cả chúng tôi đều làm một ly vermouth ở quán café. Đó là một cuộc sống yên bình và chẳng có lấy một ai say khướt. Tôi đến nhà thờ một vài lúc, một lần với Brett. Nàng nói nàng muốn nghe tôi xưng tội, nhưng tôi bảo với nàng rằng điều đó không những là không tương mà còn là vô vị nữa, và, ngoài ra, nó còn được nói bằng thứ ngôn ngữ mà nàng không thể hiểu. Chúng tôi trông thấy Cohn khi bước ra khỏi nhà thờ, và dù cho hiển nhiên là hắn đi theo chúng tôi, thì hắn vẫn rất dễ chịu và tử tế, và cả ba chúng tôi đi dạo tới khu cắm trại của dân du mục, và nghe bói về tương lai.

Đó là một sáng đẹp trời, những đám mây trắng lững lờ trôi qua đỉnh núi. Đêm qua trời đổ mưa một lúc và cả thung lũng tràn ngập không khí mát mẻ và trong lành, và quang cảnh hiện lên thật đẹp. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy phấn khởi và tất cả chúng tôi đều cảm thấy khỏe khoắn, và tôi cảm thấy khá thân thiết với Cohn. Anh chẳng thể bực bội về bất cứ điều gì trong một buổi sáng thế này.

Đó là ngày cuối cùng trước khi fiesta bắt đầu.

Chương 15.1

Vào trưa Chủ nhật, ngày 6 tháng 7, lễ hội bùng nổ. Không còn từ nào khác có thể diễn tả được nó. Người ta đổ bộ đến nơi này suốt cả ngày từ những vùng quê, nhưng họ giống hệt người dân trong thị trấn nên anh không thể nhận ra. Quảng trường yên ả dưới ánh mặt trời nóng bỏng như mọi ngày khác. Những người nông dân xếp thành hàng dài trước quán

rượu. Ở đó họ uống, sẵn sàng cho lễ hội. Họ mới vừa tới từ dưới đồng bằng và miền trung du và cần thiết rằng họ thực hiện việc chuyển đổi các giá trị thật từ từ. Họ không thể ngay lập tức bắt đầu tiêu tiền với mức giá của các quán café. Họ phải làm cho mấy đồng tiền của mình thật có ý nghĩa nơi mấy quán rượu. Tiền bạc vẫn còn mang một giá trị nhất định sau những giờ lao động cực nhọc và những gia ngũ cốc bán ra. Về sau trong lễ hội thì họ tiêu tiền vào cái gì, hay là họ mua chúng ở đâu sẽ không còn là một vấn đề nữa.

Giờ đây trong cái ngày mà lễ hội San Fermin được bắt đầu thì họ đang ngồi trong cửa hàng rượu ở một con phố nhỏ của thị trấn từ

lúc sáng sớm. Đi xuống phố trong buổi sáng theo dòng người vào thánh đường, tôi nghe thấy tiếng họ hát từ cái cửa để mở của quán rượu. Họ đang khởi động. Có rất nhiều người trong đám diễu hành lúc mười một giờ. San Fermin còn là một lễ hội tôn giáo.

Tôi đi xuống đồi từ thánh đường và lên phố tới quán café bên quảng trường. Còn cách một quãng là tới buổi trưa. Robert Cohn và Bill đang ngồi bên một trong những chiếc bàn. Những chiếc bàn có mặt đá cẩm thạch và những chiếc ghế liễu gai đã biến đi đâu mất. Họ thay thế chúng bằng những chiếc bàn sắt và những chiếc ghế gấp. Quán café giống như một trận địa trong những dịp thế này. Ngày hôm nay

anh bồi không để cho anh được yên ổn đọc sách cả buổi sáng mà không hỏi thăm rằng liệu anh có muốn gọi đồ uống hay không. Ngay khi tôi vừa ngồi xuống một anh bồi tiến đến.

“Các cậu uống gì?” tôi hỏi Bill và Robert.

“Sherry⁸⁶,” Cohn trả lời.

“Jerez⁸⁷,” tôi nói với anh bồi.

Trước khi người bồi bàn mang ra rượu sherry, loạt pháo hiệu tuyên bố mở màn lễ hội được phóng lên từ phía quảng trường. Nó nổ vang và một vòng khói lớn bay lên trên

⁸⁶ sherry: loại rượu có màu vàng hoặc màu nâu được pha cho nặng thêm, có nguồn gốc từ Tây Ban Nha

⁸⁷ jerez: (tiếng TBN) rượu sherry

Nhà hát Gayarre⁸⁸, từ phía bên kia của plaza. Cúm khói lơ lửng trên bầu trời như một mảnh bom nổ, và khi tôi nhìn nó, một quả pháo khác lại được phóng lên cao hơn, từ từ tụ khói trong ánh mặt trời sáng chói. Tôi nhìn thấy ánh chớp chói lòa khi nó nổ tung và một cụm mây khói nhỏ khác xuất hiện. Vào lúc quả pháo thứ hai nổ có rất nhiều người dưới mái hiên quảng trường, mà trước đó một phút vẫn hoàn toàn vắng vẻ, khiến người bồi bàn, phải nâng chai rượu lên quá đầu anh ta, chật vật lắm mới đến được chỗ chúng tôi. Người ta đổ về quảng trường từ mọi phía, và

⁸⁸ Theatre Gayarre (Teatro Gayarre): ban đầu nhà hát có tên là ‘Teatro Principal de Pamplona’ (Nhà hát kịch Pamplona) nhưng được đổi tên vào năm 1903 để tôn vinh ca sĩ có giọng nam cao người vùng Roncal tên Julián Gayarre.

bên dưới con phố chúng tôi nghe thấy tiếng sáo và tiếng tiêu và tiếng trống nổi lên. Họ đang chơi điệu riau-riau⁸⁹, tiếng sáo chói tai và trống giã đều đều, và theo sau là những người đàn ông và những cậu trai đang nhảy múa. Khi tiếng tiêu ngừng lại tất cả bọn họ đều ẩn nấp đầu đó dưới phố, và tiếng sáo và tiếng tiêu rít lên, và khi tiếng trống buồn tẻ, khô khốc, rỗng không lại đánh nhịp, tất cả bọn họ đứng vụt dậy và nhảy múa. Trong

⁸⁹ Riau-Riau: là một sự kiện truyền thống mà những thành viên hội đồng thành phố cũng tham gia diễu hành từ tòa Thị chính tới nhà thờ San Fermin, đó là một chặng đường dài 500m. Đây là một sự kiện chính thức kể từ năm 1914 cho tới năm 1991. Vào năm 1997, nó lại được khôi phục cho dù không còn thuộc chương trình chính thức nữa. Nhạc điệu của cuộc diễu hành rất chậm bởi vì có quá nhiều người tham gia và đám đông di chuyển rất chậm chạp theo tiếng nhạc – bản “Riau Riau” của nhà soạn nhạc người Áo Waltz. Nghe bài Riau – riau tại đây: Vals de Astráin.

đám đông anh chỉ nhìn thấy được phần đầu và bờ vai nhô lên rồi hạ xuống của các vũ công.

Trên quảng trường một người đàn ông, cúi xuống, đang chơi sáo trúc, và lũ trẻ con theo sau ông ta, hò hét, giật giật quần áo ông. Ông ta ra khỏi quảng trường, bọn trẻ vẫn bám theo, và kéo nhau đi qua quán café và xuống con đường kế bên. Chúng tôi nhìn thấy khuôn mặt đỏ vô hồn của ông ta khi ông ta đi qua chỗ chúng tôi, thổi sáo, bọn trẻ con đi sát phía sau hò hét và kéo quần kéo áo của người đàn ông.

“Ông ta hẳn phải là gã ngốc ở làng,” Bill nói. “Trời ạ! Nhìn kìa!”

Các vũ công bắt đầu tiến tới từ dưới phố. Con đường bị họ làm cho chật ních, tất cả đều là đàn ông. Họ nhảy múa theo đúng nhạc ngay phía sau các nhạc công. Họ thuộc một câu lạc bộ nào đó, và tất cả đều mặc bộ quần áo lao động màu xanh ám khói, nơi cổ quàng khăn màu đỏ, và mang theo một tấm biểu ngữ lớn được gắn vào hai cây gậy. Tấm biểu ngữ nhấp nhô khi họ hòa vào đám đông.

“Hoan hô Rượu! Hoan hô Người nước ngoài!” là những gì được vẽ trên tấm biểu ngữ.

“Người ngoại quốc ở đâu ra nhỉ?” Robert Cohn thắc mắc.

“Thì chúng mình chứ ai,” Bill trả lời.

Trong suốt thời gian đó pháo hoa liên tục được bắn lên. Các bàn trong quán café chật cứng người. Quảng trường thì vắng tanh và đám đông tràn qua các quán café.

“Brett với Mike đâu ấy nhỉ?”
Bill hỏi.

“Để tôi đi tìm họ cho,” Cohn nói.

“Dẫn họ tới đây nhé.”

Fiesta đã chính thức bắt đầu. Nó sẽ tiếp diễn suốt bảy ngày bảy đêm. Những điệu vũ liên tục tiếp diễn, những cuộc chè chén triền miên, và tiếng ồn không bao giờ dứt. Những điều xảy ra chỉ có thể xảy ra trong suốt một lễ hội. Rồi cuối cùng mọi thứ trở thành hư ảo và dường như chẳng điều gì có thể

mang lại hậu quả. Cứ như thể việc nghĩ đến hậu quả trong suốt fiesta là vô cùng gàn dở. Trong suốt cả lễ hội anh sẽ có cảm giác rằng, ngay cả vào những lúc yên tĩnh, rằng anh phải hét lên thì người khác mới nghe thấy mình. Và anh cũng có cảm giác đó với bất kỳ hành động nào. Đó là một hội và nó diễn ra trong suốt bảy ngày.

Buổi chiều là lúc diễn ra một đám rước tôn giáo lớn. San Fermin được hộ tống từ nhà thờ này sang nhà thờ khác. Tham gia lễ rước toàn là những chức sắc của nhà thờ, những người quyền cao chức trọng trong cộng đồng và khu vực. Chúng tôi không thấy được họ bởi đám người quá đông. Phía trước đám rước trang nghiêm và cả phía

sau nữa là những vũ công nhảy điệu riau-riau. Cả một khối những chiếc áo màu vàng nhảy nhót trong đám đông. Tất cả những gì mà chúng tôi có thể nhìn thấy từ đám rước là đám đông bị dồn ép vào sát lề đường bởi những hình nộm khổng lồ nhân vật tù trưởng da đỏ mà ta vẫn thường trông thấy bên ngoài các cửa hàng bán xì gà, cao ba mươi foot⁹⁰, những người Maroc, một Nhà vua và Hoàng hậu quay tròn điệu van-xơ đầy uy nghi trong tiếng nhạc riau-riau.

Tất cả đều đứng bên ngoài nhà nguyện San Fermin nơi đám rước đi qua, bỏ lại những người lính hộ tống, những gã khổng lồ, cùng với những người nhảy múa nghỉ ngơi

90 foot: đơn vị đo chiều dài của Anh. 1 foot = 0,3048m

bên các hình nộm, và đám người lùn di chuyển với những quả bóng lớn của họ qua đám đông. Chúng tôi bước vào trong và có mùi nhang phảng phất và dòng người lại đổ vào nhà thờ, nhưng Brett dừng lại bên bậu cửa bởi nàng không mang theo mũ⁹¹, nên chúng tôi bước ra ngoài và đi dọc con đường dẫn về thị trấn từ nhà nguyện. Con phố chật kín những người ở hai bên đường đang giữ chỗ sau rào ngăn khi đám rước quay trở lại. Một vài vũ công vây tròn quanh Brett và bắt đầu nhảy múa. Họ quàng những vòng tời lớn nơi cổ. Họ kéo tay Bill và tôi và lôi chúng tôi vào vòng tròn của họ. Bill bắt đầu nhảy. Tất cả bọn họ đều hát nhịp. Brett

⁹¹ Thời đó quy định khi phụ nữ bước chân vào nhà thờ, thánh đường, v.v đều phải đội mũ hoặc không được để đầu trần.

cũng muốn nhảy nhưng họ không muốn nàng làm vậy. Họ muốn nàng trở thành một biểu tượng để họ có thể nhảy múa xung quanh. Khi bài hát kết thúc với tiếng hô riau-riau! thật lớn, họ kéo chúng tôi vào cửa hàng rượu.

Chúng tôi đứng bên quầy phục vụ. Họ để Brett ngồi trên một thùng rượu. Bên trong quán rượu mờ tối và đầy đàn ông đang hát hò, những tiếng hát ồm ồm. Đằng sau quầy họ rót rượu ra từ các thùng. Tôi đặt tiền mua rượu xuống quầy, nhưng một người nhặt nó lên và đút lại vào túi tôi.

“Tôi thêm một bình rượu bằng da quá,” Bill nói.

“Có một cửa hàng ở dưới phố,”
tôi nói. “Tôi sẽ đi mua vài bình.”

Các vũ công không muốn tôi bước ra. Ba người trong bọn họ ngồi trên một thùng rượu cao bên cạnh Brett, dạy nàng cách uống từ bình rượu da. Họ đeo một chiếc vòng tết bằng tỏi vào cổ nàng. Có ai đó đang cố mời nàng một ly. Một ai đó đang dạy Bill một ca khúc. Hát nó bên tai anh. Gõ nhịp vào lưng Bill.

Tôi giải thích với họ rằng tôi sẽ quay trở lại. Ra ngoài phố tôi đi xuống phố tìm kiếm một cửa hàng bán bình rượu da. Đám đông đen đặc lại trên phần đường dành cho người đi bộ và nhiều cửa hàng đều đóng cửa, và tôi không tìm ra được

nó. Tôi đi tới tận nhà thờ, nhìn sang hai bên phố. Rồi tôi hỏi một người đàn ông và ông ta cầm tay tôi dẫn đến trước cửa hàng. Cửa sập đã được kéo xuống nhưng cửa vẫn còn mở.

Bên trong cửa hàng có mùi da mới và nhựa nóng. Một người đàn ông đang đóng dấu những bao rượu thành phẩm. Chúng được treo lên mái nhà thành từng đống. Ông ta lấy xuống một chiếc bình, thổi nó căng phồng lên, vặn chặt miệng bình lại, và nhảy lên nó.

“Thấy không! Nó không hề rỉ nước.”

“Tôi cần thêm một cái nữa. Một cái to nhé.”

Ông ta lấy xuống một cái lớn có thể chứa ít nhất một gallon⁹² từ mái nhà. Ông ta thổi phồng nó lên, hai bầu má phồng ra ở hai bên bầu rượu, và đặt cái bota⁹³ dựa vào lưng ghế.

“Ông định làm gì? Bán chúng ở Bayonne à?”

“Không. Tôi dùng nó để uống rượu.”

Ông ta vỗ vào lưng tôi.

“Tuyệt vời. Tám peseta cho cả hai. Giá rẻ nhất đây.”

Người đàn ông đang đập khuôn những cái bình mới và ấn vào một cái nút để máy ngừng lại.

⁹² 1 gallon = 3,78l

⁹³ bình rượu

“Đúng đấy,” ông ta nói. “Tám peseta là rẻ đấy.”

Tôi trả tiền và bước ra ngoài phố và quay trở lại quán rượu. Bên trong đã tối hơn và chật ních. Tôi không thấy Brett và Bill, và có ai đó nói rằng họ đang ở phòng phía sau. Ở quầy phục vụ một cô gái đổ rượu vào hai cái bình da cho tôi. Một cái chứa được hai lít. Cái kia được năm lít. Đổ rượu vào cả hai bình có giá ba peseta và sáu mươi xu. Có ai đó bên quầy rượu, mà tôi chưa từng gặp bao giờ, đòi bằng được để trả tiền rượu, nhưng cuối cùng tôi cũng tự mình thanh toán được. Người đó cuối cùng mời tôi một ly. Anh ta nhất quyết không

chịu cho tôi được mời lại, nhưng nói rằng anh sẵn lòng làm một ngụm từ cái bình rượu mới. Anh nâng cái túi lớn chứa năm lít rượu lên và vặn nó để rượu dốc thẳng vào cổ họng mình.

“Được rồi,” anh ta nói, và trả lại cái bình cho tôi.

Ở phòng trong Brett và Bill đang ngồi trên những chiếc thùng gỗ và vây quanh họ là các nhạc công. Mọi người khoác vai nhau, và cùng ca hát. Mike ngồi bên một chiếc bàn với nhiều người đàn ông mặc áo dài tay, đang ăn món cá hồi trộn hành tây thái lát với dấm. Bọn họ đều uống rượu và vết sạch dầu với dấm bằng mấy mẫu bánh mì.

“Chào, Jake. Xin chào!” Mike gọi. “Tới đây. Tôi muốn cậu gặp các bạn tôi. Chúng tôi vừa dùng xong món tráng miệng.”

Tôi được giới thiệu với những người ngồi quanh bàn. Họ nói tên mình cho Mike và đưa tôi một cái nĩa.

“Đừng có ăn bữa tối của họ nữa, Michael,” Brett kêu lên từ phía mấy thùng rượu.

“Tôi không muốn ăn bữa tối của các vị,” tôi nói khi ai đó đưa nĩa cho tôi.

“Ăn đi mà,” ông ta nói. “Thế anh nghĩ nó ở đây làm chi?”

Tôi mở nắp bình rượu lớn và trao tay. Mỗi người tu một ngụm,

nâng cao cái bình rượu bằng da dài cả một cánh tay.

Bên ngoài, cao hơn cả tiếng hát, tôi có thể nghe thấy tiếng nhạc hành lễ đang phát ra.

“Đấy có phải là đám rước không?” Mike hỏi.

“Nada[Nada: (tiếng TBN) không phải đâu],” ai đó nói. “Không có gì đâu. Uống đi. Nâng chai nào.”

“Họ tìm thấy anh ở đâu?” tôi hỏi Mike.

“Có ai đó kéo tôi về đây,” Mike trả lời. “Họ bảo các cậu ở đây.”

“Còn Cohn đâu?”

“Anh ta gục rồi,” Brett nói với

lại. “Họ đưa anh ta đi chỗ nào rồi ấy.”

“Hắn đâu?”

“Tôi không biết.”

“Làm sao mà bọn tôi biết được,” Bill nói. “Tôi nghĩ hắn ngỏm rồi.”

“Hắn chưa toi đâu,” Mike nói. “Tôi biết là hắn chưa toi đâu. Chỉ mới bắt tỉnh nhân sự trên đồng Anis del Mono [Anis del Mono: một loại rượu mùi có vị hồi của Pháp hoặc Tây Ban Nha.] thôi.”

Khi anh nói Anis del Mono một người đàn ông ngồi bên bàn nhìn lên, lấy ra một chai rượu khỏi áo khoác ngoài, và đưa nó cho tôi.

“Không,” tôi nói. “Không, xin cảm ơn!”

“Có chứ. Có chứ. Arriba⁹⁴! Dốc cạn đi nào!”

Tôi làm một ngụm. Rượu có vị cam thảo và đi đến đâu là nóng đến đấy. Tôi thấy rượu cháy lên trong dạ dày mình.

“Cohn biết đi chỗ quái nào rồi?”

“Tôi không biết,” Mike nói. “Tôi sẽ thử hỏi xem. Người anh em say khướt của chúng tôi đâu?” anh hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Anh muốn thăm anh ta?”

“Vâng,” tôi trả lời.

“Không phải tôi,” Mike nói. “Là ông này.”

⁹⁴ Arriba: (tiếng TBN) nâng lên

Anh chàng Anis del Mono lau mồm và đứng lên.

“Theo tôi.”

Ở căn phòng phái trong Robert Cohn đang ngủ yên lành trên một vài thùng rượu. Căn phòng tối đến mức không thể nhìn rõ được mặt gã. Họ đắp cho gã một chiếc áo và chiếc áo khoác thì được kê dưới đầu. Quanh cổ gã và bên trên lồng ngực là một dây tời lớn.

“Cứ để cho anh ấy ngủ,” người đàn ông thì thầm. “Anh ta không sao đâu.”

Hai giờ sau đó Cohn xuất hiện. Gã bước ra căn phòng đằng trước với vòng tời vẫn còn quàng trên cổ. Những người Tây Ban Nha reo hò

khi thấy gã. Cohn dụi mắt và cười tươi.

“Tôi ngủ quên mất,” gã nói.

“Ồ, không đâu,” Brett nói.

“Cậu chỉ chết thôi,” Bill nói.

“Mình có đi ăn tối không?”
Cohn hỏi.

“Cậu muốn ăn à?”

“Ừ. Sao không? Tôi đói rồi.”

“Ăn đám tối đi, Robert,” Mike nói. “Tôi bảo này. Cậu ăn tối đi.”

Cohn đứng đó. Con gái ngủ khiến gã trông khá ổn.

“Ta đi ăn thôi,” Brett nói. “Em phải đi tắm cái đã.”

“Đi thôi,” Bill nói. “Ta hộ tống Brett về khách sạn nào.”

Chúng tôi chúc ngủ ngon rất nhiều người và bắt tay rất nhiều người và rời đi. Bên ngoài trời tối đen.

“Theo các cậu thì bây giờ là mấy giờ rồi?” Cohn hỏi.

“Bây giờ là hôm sau rồi,” Mike trả lời. “Cậu đã ngủ hai ngày liền.”

“Không,” Cohn phản đối, “mấy giờ rồi?”

“Mười giờ.”

“Mình uống nhiều quá.”

“Ý cậu là bọn tôi uống nhiều quá đấy phỏng. Chứ cậu thì chỉ ngủ.”

Đi xuống con đường tối om dẫn về khách sạn chúng tôi nhìn thấy pháo bông đang được bắn lên từ phía quảng trường. Trên con đường dẫn tới quảng trường chúng tôi nhìn thấy quảng trường chật ních người, đám người ở chính giữa đang nhảy múa.

Chúng tôi có một bữa thịnh soạn ở khách sạn. Đó là bữa đầu tiên mà giá cả tăng lên gấp đôi nhân dịp lễ hội, và có rất nhiều món mới. Sau bữa tối chúng tôi lại xuống phố. Tôi nhớ rằng tôi quyết tâm sẽ thức trắng đêm để xem đàn bò chạy qua vào lúc sáu giờ sáng, và buồn ngủ rũ ra nên tôi quay về phòng lúc bốn giờ. Những người con lại vẫn thức.

Phòng tôi bị khóa và tôi không tìm được chìa khóa, vì thế tôi lên lầu và ngủ trên một chiếc giường trong phòng Cohn. Lễ hội vẫn tiếp diễn bên ngoài kia suốt đêm, nhưng tôi buồn ngủ quá nên không thể thức được cùng nó. Khi tôi thức dậy thì tiếng pháo hiệu rít lên báo hiệu đàn bò đã được thả từ bãi quây ở bên rìa thị trấn. Chúng sẽ chạy qua phố và đi vào đấu trường. Tôi ngủ quá say và tôi thức dậy với cảm giác đã quá muộn. Tôi khoác áo của Cohn vào và bước ra ngoài ban công. Con phố hẹp phía bên dưới trống không. Tất cả các ban công đều đông nghịt người. Đột nhiên một đám đông ủa xuống phố. Họ đang chạy, bám sát nhau. Họ vượt qua con phố và rẽ sang một con phố khác dẫn tới đấu trường và

theo sát họ là những người chạy loạn hơn, và rồi một vài người tụt hậu đang cố chạy thật sự. Phía sau họ là một khoảng hẹp, và rồi lũ bò đang phi nước kiệu, chúc đầu lên và xuống. Mọi thứ vượt ra khỏi tầm mắt nơi khúc cua. Một người ngã xuống, lăn tới rãnh nước và nằm im. Nhưng lũ bò tiến ngay sát gần và không nhận ra anh ta. Chúng đang chạy cùng nhau.

Ngay khi họ ra khỏi tầm nhìn của tôi một tiếng vang lớn vọng ra từ phái đấu trường. Nó kéo dài. Rồi cuối cùng có pháo hiệu bắn lên cho biết lũ bò đã vượt qua đám người mà tiến vào đấu trường và bãi quây. Tôi quay lại phòng và nằm xuống giường. Tôi đã đứng trên ban công với chân trần. Tôi biết đám đông

đang ủa ra từ phái đấu trường.
Quay lại giường tôi tiếp tục ngủ.

Cohn đánh thức tôi dậy khi gã bước vào. Gã bắt đầu cởi quần áo và đi qua phòng và đóng cửa sổ lại vì mấy người đứng trên ban công của ngôi nhà đối diện phía bên kia đường đang nhòm gã.

“Cậu có xem không?” tôi hỏi.

“Có. Bọn tôi ở đấy cả.”

“Có ai bị thương không?”

“Một con bò xông vào đám đông trong đấu trường và lao vào sáu hay tám người gì đó.”

“Brett có thích không?”

“Nó xảy ra nhanh quá nên

chẳng đủ thời giờ để chú ý tới người khác.”

“Giá mà tôi ở đó.”

“Bọn tôi không biết cậu đi đâu. Bọn tôi tới phòng cậu nhưng thấy cửa khóa.”

“Các cậu ngồi ở đâu?”

“Bọn tôi đi nhảy ở một câu lạc bộ.”

“Tôi buồn ngủ quá,” tôi nói.

“Trời ơi! Giờ thì tôi đi ngủ đây,” Cohn nói. “Mấy thứ này có bao giờ dừng lại không nhỉ?”

“Trong một tuần thì không.”

Bill mở cửa và thò đầu vào.

“Cậu đi đâu thế, Jake?”

“Tôi xem trên ban công. Nó thế nào?”

“Tuyệt vời.”

“Cậu đi đâu đấy?”

“Ngủ.”

Không một ai lộ diện trước buổi trưa. Chúng tôi ăn ở chỗ mấy cái bàn được đặt dưới mái vòm. Thị trấn đầy những người. Chúng tôi phải chờ tới khi có bàn trống. Sau bữa trưa chúng tôi tới Iruna. Quán đông nghịt, và từ giờ cho tới lúc diễn ra trận đấu sẽ càng đông hơn, và các bàn được đặt sát sạt nhau. Sẽ có tiếng nói chuyện huyên náo từ đám đông phát ra mỗi ngày ngay trước trận đấu. Quán café không náo nhiệt đến vậy vào những thời

điểm khác trong ngày, dù cho có đông đúc thế nào đi nữa. Tiếng ồn phát ra liên hồi, và chúng tôi ở giữa chúng và là một phần của chúng.

Tôi đã mua sáu chỗ cho trận đấu. Ba ghế ở barrera⁹⁵, ngay hàng ghế đầu tiên, và ba chỗ còn lại là sobrepuestos, ghế ngồi có dựa lưng bằng gỗ, ở nửa phía trên của khán đài. Mike và Brett nên ngồi trên cao trong lần trải nghiệm đầu tiên, và Cohn muốn ngồi cùng với họ. Bill và tôi ngồi ở vị trí barrera, và tôi đưa chiếc vé thừa cho người bồi bàn đem bán. Bill nói gì đó với Cohn về việc nên làm gì và nên nhìn như thế nào thì sẽ không khiến gã phải buồn về mấy con ngựa. Bill đã từng trải qua một mùa đấu bò trước đó.

⁹⁵ barrera: (tiếng TBN) chỗ ngồi ngay sát hàng rào

“Tôi không lo lắng về việc tôi sẽ chịu đựng nó như thế nào. Tôi chỉ sợ là sẽ thấy chán thôi,” Cohn nói.

“Cậu nghĩ thế à?”

“Đừng nhìn lũ ngựa, sau khi mấy con bò đã húc chúng,” tôi dặn Brett. “Em hãy nhìn cuộc tấn công và xem cách người kị mã đam giáo cố gắng giữ cho con bò ở xa, nhưng đừng nhìn lại cho tới khi con ngựa đã chết nếu nó bị húc.”

“Em hơi hồi hộp về chuyện này,” Brett nói. “Không biết em có xem nổi cả trận đấu không.”

“Em sẽ ổn thôi. Chẳng có gì sẽ làm em khó chịu ngoài phần mấy con ngựa đầu, và với mỗi con bò chỉ diễn ra có vài phút thôi. Chỉ

cần không nhìn khi mọi chuyện trở nên xấu đi là được.”

“Cô ấy sẽ ổn thôi,” Mike nói.
“Tôi sẽ trông chừng.”

“Tôi không nghĩ là sẽ chán đâu,”
Bill an ủi.

“Tôi về khách sạn lấy ống nhòm và bình rượu đây,” tôi nói. “Gặp lại các cậu ở đó nhé. Đừng có lác mắt đấy.”

“Tôi đi với,” Bill nói. Brett cười với chúng tôi.

Chúng tôi đi dưới mái hiên để tránh cái nóng nơi quảng trường.

Chương 15.2

Cái thằng Cohn kia làm cho tôi phát điên,” Bill than. “Hắn có cái tính Do Thái thượng đẳng mạnh đến nỗi hắn nghĩ cảm xúc duy nhất mà hắn có được từ trận đấu là nhàm chán.”

“Mình sẽ soi hắn bằng ống nhòm,” tôi nói.

“Ôi, cứ để hắn cút mẹ xuống địa ngục đi!”

“Hắn sẽ dành nhiều thời gian ở đây.”

“Tôi cứ mong hắn ở đó mãi.”

Nơi cầu thang khách sạn chúng tôi gặp Montoya.

“Này,” Montoya nói. “Các ông có muốn gặp Pedro Romero không?”

“Được đây,” Bill nói. “Hãy tới gặp anh ấy.”

Chúng tôi theo chân Montoya lên lầu và đi dọc hành lang.

“Cậu ta ở phòng số tám,” Montoya giải thích. “Cậu ấy đang chuẩn bị cho trận đấu.”

Montoya gõ cửa và mở nó ra. Đó là một căn phòng tối với một chút ánh sáng rọi vào từ con phố nhỏ

qua ô cửa sổ. Có hai chiếc giường bị chia cách bởi một vách ngăn mà ta vẫn thường thấy trong các tu viện. Đèn điện đang được bật. Chàng trai đứng thật thẳng và nghiêm nghị trong bộ đồ đấu sĩ. Chiếc áo khoác được trên trên lưng ghế. Họ chỉ vừa mới quần xong dải khăn vào hông cậu. Mái tóc đen của cậu tỏa sáng dưới bóng đèn điện. Cậu mặc một chiếc áo sơ mi màu trắng và người giữ kiếm quần xong thắt lưng cho cậu rồi đứng lên và bước lùi lại. Pedro Romero gật đầu, có vẻ xa cách và cao quý khi chúng tôi bắt tay nhau. Montoya nói gì đó về việc chúng tôi là những aficionado lớn như thế nào, và rằng chúng tôi muốn chúc cậu ta may mắn. Romero lắng nghe rất nghiêm túc. Rồi cậu quay sang tôi. Cậu là anh

chàng đẹp mã nhất mà tôi từng gặp.

“Các ông tới xem đấu bò,” cậu nói bằng tiếng Anh.

“Cậu biết tiếng Anh à,” tôi hỏi, cảm giác mình như một gã ngốc.

“Không,” cậu trả lời, và mỉm cười.

Một trong ba người đàn ông đang ngồi trên giường tiến tới và hỏi liệu chúng tôi có biết tiếng Pháp không. “Các vị có muốn tôi dịch cho các vị không? Các vị có muốn hỏi gì Pedro Romero không?”

Chúng tôi cảm ơn anh ta. Anh muốn hỏi gì ư? Cậu bé chỉ mới mười chín tuổi, cô độc một mình ngoại trừ người giữ kiếm và ba kẻ

theo đóm ăn tàn, và trận đấu bò sẽ diễn ra trong vòng hai mươi phút nữa. Chúng tôi chúc cậu “Mucha suerte⁹⁶,” bắt tay, và bước ra ngoài. Cậu đứng đó, thẳng người và đẹp trai và tròn vẹn, cô độc trong căn phòng với những kẻ ăn theo khi chúng tôi khép cánh cửa lại.

“Cậu ta là một chàng trai tốt, các ông có nghĩ thế không?” Montoya hỏi.

“Cậu là một thằng nhóc đẹp trai,” tôi trả lời.

“Cậu ta giống như một torero⁹⁷ chân chính,” Montoya nói. “Cậu ấy có cái phẩm chất đấy.”

“Cậu ấy khá ổn.”

⁹⁶ Mucha suerte: (tiếng TBN) Thật nhiều may mắn

⁹⁷ torero: người đấu bò tốt

“Ta sẽ xem cậu ta xoay sở như thế nào trên trường đấu,” Montoya kết luận.

Chúng tôi tìm thấy bình rượu bằng da lớn đang dựa vào tường ở trong phòng tôi, tôi cầm nó lên cùng với mấy cái ống nhòm, khóa cửa, và đi ra cầu thang.

Đó là một trận đấu hay. Bill và tôi rất hào hứng với Pedro Romero. Montoya ngồi cách chúng tôi mười ghế. Sau khi Romero giết chết con bò đầu tiên Montoya bắt gặp ánh mắt của tôi và gật đầu. Đúng là một đấu sĩ thực thụ. Đã không có một ai như vậy trong suốt thời gian dài. Về hai đấu sĩ còn lại, một người thì rất khá còn người kia thì chỉ tầm tạm. Nhưng không ai có

thể sánh với Romero, dù cho mấy con bò của cậu ta cũng chẳng đáng kể gì cho lắm.

Nhiều lần trong suốt trận đấu tôi nhìn lên chỗ của Mike và Brett và Cohn, bằng ống nhòm. Họ có vẻ ổn. Brett không có vẻ gì là khó chịu. Cả ba đang chú ý người về cái rào chắn bê tông phía trước họ.

“Cho tôi mượn ống nhòm với,” Bill nói.

“Trông Cohn có chán không?” tôi hỏi.

“Đồ Do Thái!”

Bên ngoài đấu trường, sau khi trận đấu kết thúc, không thể nào di chuyển giữa đám đông. Chúng tôi không thể đi theo hướng mình

muốn mà buộc phải tuân theo sự chuyển dịch của đám đông, chậm rãi, như một sông băng, trở về thị trấn. Chúng tôi có cái cảm giác bối rối xúc động ấy sau mỗi trận đấu bò, và cảm giác phấn chấn sau một trận đấu hay. Fiesta vẫn tiếp diễn. Trống đánh nhịp và tiếng nhạc từ cây sáo vẫn vang lên chói lói, và ở mọi nơi cơn lũ đám đông bị phá vỡ bởi những đám người nhảy múa. Những vũ công lẫn vào đám đông, nên ta không thể thấy được sự chuyển động phức tạp nơi bàn chân của họ. Tất cả những gì hiện ra chỉ là cái đầu và bờ vai họ nhấp nhô, chuyển động lên xuống. Cuối cùng, chúng tôi cũng thoát khỏi đám đông và đến được quán café. Người bồi bàn giữ ghế cho những người khác, và mỗi chúng tôi gọi

một ly rượu absinthe và ngắm nhìn đám đông nơi quảng trường và những người nhảy múa.

“Cậu bảo họ đang nhảy điệu gì?” Bill hỏi.

“Một điệu jota⁹⁸.”

“Họ không nhảy giống nhau,” Bill nhận xét. “Họ nhảy khác nhau theo những nhịp điệu khác nhau.”

“Một cuộc khiêu vũ quyền rũ.”

Trước mặt chúng tôi ở một khoảng trống của con đường là một nhóm các chàng trai đang nhảy múa. Các bước nhảy rất phức tạp và gương mặt họ đầy chăm chú và tập trung. Họ đều nhìn xuống khi nhảy. Những đôi giày buộc dây

⁹⁸ jota: một loại nhạc đi kèm với vũ điệu phổ biến ở Tây Ban Nha, có xuất xứ từ vùng Aragon.

của họ gõ và miết lên mặt đường lát đá. Mũi chân chạm xuống. Gót chân chạm xuống. Hai gót giày chạm vào nhau. Rồi tiếng nhạc nổi lên rộn rã và các bước nhảy kết thúc và tất cả bọn họ nhảy múa lên phía trên con phố.

“Các nhà quý tộc đến rồi đây,” Bill nói.

Họ đi qua phố.

“Xin chào các bạn,” tôi nói.

“Xin chào các quý ông!” Brett chào. “Anh dành chỗ chon bọn này à? Tốt quá.”

“Tôi bảo này,” Mike nói, “cái cậu Romero gì đó được phết đấy. Tôi nó có đúng không?”

“Ôi, anh ta dễ thương thế còn gì,” Brett nói. “Cả cái quần xanh nữa chứ.”

“Brett không rời mắt khỏi chúng.”

“Em bảo, ngày mai đến phiên em mượn ống nhòm của anh đấy.”

“Trận đấu thế nào?”

“Tuyệt vời! Đơn giản là tuyệt. Em bảo, nó đúng là ngoạn mục!”

“Thế còn mấy con ngựa?”

“Em không thể không nhìn chúng.”

“Cô ấy cứ dán mắt vào chúng,” Mike nói. “Nàng quả là một người đàn bà kỳ lạ.”

“Vì có chuyện phi thường sắp xảy ra với chúng mà,” Brett nói. “Em không quay mặt đi được.”

“Em thấy ổn chứ?”

“Em có thấy tệ tí nào đâu.”

“Robert Cohn thì có,” Mike để vào. “Cậu xanh cả mặt, Robert nhỉ.”

“Con ngựa đầu tiên làm tôi hoảng,” Cohn thừa nhận.

“Cậu không thấy chán chứ?” Bill hỏi.

Cohn bật cười.

“Không. Tôi không chán. Tôi mong là cậu tha thứ cho tôi về vụ đó.”

“Được thôi,” Bill đồng ý, “cho

tới chừng nào cậu không thấy chán.”

“Cậu ta không chán tí nào,” Mike nói. “Tôi nghĩ cậu ta sẽ phát ốm.”

“Tôi không thấy tệ đến thế. Nó chỉ kéo dài khoảng một phút.”

“Tôi nghĩ là cậu ta sẽ bệnh mất. Cậu không chán chứ, Robert?”

“Bỏ qua chuyện này đi, Mike. Tôi đã nói là tôi xin lỗi vì đã nói thế rồi cơ mà.”

“Cậu ta có nói, các cậu biết đấy. Mặt cậu ta lúc ấy nom xanh lảm.”

“Ôi, thôi quên đi, Michael.”

“Không bao giờ được nhàm chán với trận đấu bò đầu tiên của

mình, Robert thân mến ạ,” Mike nói. “Nó sẽ lộn xộn lắm đấy.”

“Ôi, thôi đi, Michael,” Brett can.

“Hắn bảo Brett tàn bạo,” Mike tiếp. “Brett không phải là người tàn bạo. Cô ấy chỉ là một người đàn bà khỏe mạnh và đáng yêu thôi.”

“Em có tàn bạo không Brett?” tôi hỏi.

“Hi vọng là không.”

“Hắn bảo Brett tàn bạo chỉ bởi vì nàng có một cái dạ dày tốt và khỏe.”

“Không mạnh lâu nữa đâu.”

Bill lái Mike chuyển sang chủ đề khác ngoài Cohn. Người bồi bàn mang tới mấy ly rượu absinthe.

“Cậu có thực sự thích nó không?” Bill hỏi Cohn.

“Không, tôi không thể nói là thích được. Tôi nghĩ đó là một cuộc trình diễn tuyệt vời.”

“Trời ơi, đúng vậy! Đúng là một cảnh tuyệt vời!” Brett nói.

“Tôi ước gì họ không có phần mấy con ngựa,” Cohn nói.

“Chúng không quan trọng,” Bill nói. “Sau một thời gian cậu sẽ không thấy ghê nữa.”

“Lúc mới bắt đầu thì hơi quá sức một chút,” Brett an ủi. “Có lúc em cũng phát hoảng khi con bò bắt đầu tấn công con ngựa.”

“Mấy con bò thì không sao,” Cohn nói.

“Chúng rất tuyệt,” Mike nói.

“Lần tới em muốn ngồi ở dưới,”
Brett uống ly absinthe.

“Cô nàng muốn ngồi gần mấy
tay đấu sĩ,” Mike giải thích.

“Họ cừ lắm,” Brett nói. “Cái
anh chàng Romero đấy vẫn còn trẻ
quá.”

“Cậu ta đẹp trai lắm,” tôi nhận
xét. “Khi bọn anh vào phòng cậu ta
anh chưa từng gặp một thằng nhóc
nào đẹp trai như thế.”

“Theo anh thì cậu ta bao nhiêu
tuổi?”

“Mười chín đôi mươi gì đấy.”

“Cứ tưởng tượng mà xem.”

Trận đấu bò vào ngày thứ hai hay hơn nhiều so với ngày đầu tiên. Brett ngồi giữa Mike và tôi nơi hàng rào, và Bill cùng Cohn đi lên phía trên. Romero chiếm trọn buổi diễn. Tôi không nghĩ Brett còn để ý đến những đấu sĩ khác. Mọi người đều như thế cả, ngoại trừ những người hiểu rõ về môn đấu bò. Tất cả chỉ là về Romero. Còn có hai đấu sĩ khác nữa, nhưng họ không đáng kể gì. Tôi ngồi cạnh Brett và giảng giải cho Brett hiểu về mọi thứ. Tôi bảo nàng về việc nhìn con bò, chứ đừng nhìn con ngựa, khi con bò tấn công người kị mã đâm giáo, và bảo nàng nhìn theo đầu giáo của người kị sĩ do đó nàng có thể nắm được chuyện gì đang diễn ra, như thế sẽ có ý nghĩa hơn nhiều so với việc chỉ biết tới kết cục cuối cùng,

và ít bị ám ảnh hơn trước nỗi kinh hoàng không giải thích nổi. Tôi bảo nàng hãy xem cái cách mà Romero làm xao lãng con bò khỏi con ngựa bị ngã xuống với tấm vải điều của cậu như thế nào, và cái cách mà cậu ta giữ con bò với tấm vải và xoay người nó lại, thuần thục và tinh tế, không bao giờ lãng phí con bò. Nàng thấy cái cách mà Romero tránh những chuyển động sống sượng và để dành con bò của cậu ta đến cuối cùng khi cậu cần tới, không hết hơi và hoảng loạn mà từ từ kiệt sức. Nàng nhìn thấy Romero xáp lại gần con bò ra sao, và tôi chỉ cho nàng thấy cái mẹo mà những người đấu sĩ khác sử dụng cho có vẻ như họ tiến tới thật gần. Nàng thấy được vì sao nàng lại thích phong cách trình diễn của

Romero mà lại không thích những người khác.

Romero không bao giờ trình diễn một sự méo mó nào, luôn luôn là sự thẳng thắn và thuần khiết và tự nhiên. Những người khác vặn thân mình lại như cái xoắn ốc, khuỷu tay họ nâng lên cao, và tựa vào hông con bò sau khi cặp sừng của nó đã sượt qua, để tạo ra một thứ hình ảnh giả tạo về sự nguy hiểm. Sau đó, những thứ giả dối ấy trở nên thật xấu xí và gây ra cảm giác không vừa lòng. Trận đấu của Romero mang tới những cảm xúc rất thật, bởi vì cậu vẫn giữ được sự thuần khiết tuyệt đối tổng những chuyển động và luôn luôn yên lặng và điềm tĩnh để cho cặp sừng sượt qua cậu thật gần trong mỗi

cú đâm. Cậu không cần phải nhấn mạnh về cái khoảng cách gần khít đó. Brett nhìn thấy rõ những thứ tưởng như rất đẹp khi sự gần sát với con bò trở thành lỗ bịch nếu như chúng được thực hiện từ một khoảng cách không thật gần đến thế. Tôi bảo nàng vì sao mà kể từ sau cái chết của Joselito tất cả các đấu sĩ đều phát triển một kỹ thuật tạo vẻ nguy hiểm nhằm mang tới một thứ cảm giác giả tạo về mặt cảm xúc, trong khi các đấu sĩ thật ra đều rất an toàn. Romero vẫn giữ lại những điều cũ, sự thuần khiết của cậu được duy trì thông qua việc để lộ mình ở mức tối đa, trong khi cậu khắc chế con bò bằng cách khiến nó nhận ra rằng cậu không thể chạm tới được, là lúc cậu đã sẵn sàng để giết chết con vật.

“Anh sẽ chẳng bao giờ thấy cậu ấy làm điều gì gượng gạo cả,” Brett nhận xét.

“Dĩ nhiên là không cho tới khi cậu ta hoảng sợ,” tôi nói.

“Cậu ta sẽ không bao giờ sợ,” Mike nói. “Cậu ta biết nhiều quá.”

“Cậu ta biết mọi thứ kể từ khi bắt đầu. Những kẻ khác không thể học được những thứ mà cậu ta sở hữu từ lúc mới sinh.”

“Và Chúa ạ, cả cái vẻ bề ngoài kia nữa,” Brett nói.

“Tôi tin là, cậu biết đấy, cô nàng si mê gã đấu sĩ này mất rồi,” Mike kết luận.

“Tôi không hề ngạc nhiên về điều đó.”

“Hãy là một người bạn tốt, Jake ạ. Cậu đừng kể gì với cô ấy về anh chàng kia nữa. Hãy cho cô ấy nghe về việc họ hành hạ mấy bà mẹ già như thế nào đi.”

“Anh kể em nghe bọn họ bê tha rượu chè ra sao.”

“Ôi, đáng sợ lắm,” Mike nói. “Bọn họ uống rượu cả ngày trời và lúc nào cũng đánh đập mấy bà già tội nghiệp.”

“Cậu ấy nom có vẻ như vậy,” Brett nói.

“Không phải sao?” tôi hỏi.

Họ đẩy con la về phía con bò đã chết và rồi vung roi lên, những người đàn ông rời khỏi đó, và những con la, căng người về phía

trước, chân chúng ấn xuống, chuyển thành phi nước đại, và con bò, một sừng vênh lên, đầu nó nghiêng về bên đó, tạo thành một vết cỏ bị cắt gọn trên mặt cát và ra khỏi cái cổng màu đỏ.

“Tiếp theo là con cuối cùng.”

“Không hẳn thế,” Brett nói. Nàng chúí người về phía hàng rào, Romero ra hiệu cho những người kị mã đâm giáo của cậu vào vị trí, rồi đứng lên, tấm vải điều của cậu được đặt trên ngực, nhìn qua đấu trường nơi con bò sẽ tiến vào.

Sau khi trận đấu kết thúc chúng tôi bước ra ngoài và bị bao vây bởi đám đông.

“Mấy trận đấu bò này khiếp

quá,” Brett nói. “Em mềm nhũn như cái giẻ rách.”

“Ờ, em nên làm một ly,” Mike nói.

Ngày tiếp theo Pedro Romero không thi đấu. Đây là những con bò Miura, và là một trận đấu tồi. Ngày sau nữa không có trận đấu bò nào theo lịch. Nhưng lễ hội vẫn tiếp tục suốt đêm ngày.

Chương 16.1

Vào buổi sáng trời đổ mưa. Sương mù từ biển giăng kín dãy núi. Đỉnh núi chìm khuất giữa biển sương. Cả thung lũng buồn tẻ và ảm đạm, và hình dạng của cây cối và nhà cửa dường như cũng biến đổi ít nhiều. Tôi đi ra khỏi trung tâm thị trấn để quan sát thời tiết. Thời tiết xấu đang tiến qua những đỉnh núi từ ngoài biển.

Lá cờ trên quảng trường ướt sũng rũ xuống bên cây cột màu trắng và các tấm biểu ngữ cũng sũng nước và rũ xuống trước những hiên nhà, và giữa cơn mưa phùn nước âm ập trút xuống và đẩy lui mọi người về phía mái hiên và tạo ra những vũng nước lớn trên quảng trường, và mấy con đường ướt đầm và u tối và vắng lặng; fiesta cứ tiếp diễn. Nó vẫn diễn ra trong tiếng mưa rơi.

Các chỗ ngồi đẹp ở đầu trường đã đầy chật người yên vị dưới cơn mưa mà ngắm nhìn những vũ công và ca sĩ vùng Basque⁹⁹ và Navarra¹⁰⁰ nơi ngã tư đường,

⁹⁹ Basque: người sống ở miền tây Pyrenees thuộc Tây Ban Nha và Pháp

¹⁰⁰ Navarra: một tỉnh nằm ở đông bắc của Tây Ban Nha

và sau đó là những vũ công của Val Carlos¹⁰¹ trong bộ trang phục truyền thống nhảy múa trên phố trong màn mưa, tiếng trống vang lên trống rỗng và ảm đạm, và người đứng đầu ban nhạc di chuyển đằng trước con ngựa lớn đang cất những bước nặng nề, trang phục của họ ướt lướt thướt, tấm vải phủ lưng ngựa cũng bị nước mưa làm cho ướt đẫm. Đám đông đang ở trong quán café khi những vũ công bước vào, và ngồi xuống, những cái chân bó chặt thứ vải màu trắng duỗi ra dưới gầm bàn, vẩy cho ráo nước những chiếc mũ chuông, và hong những chiếc áo khoác màu đỏ và tím của họ lên ghế cho khô. Bên ngoài mưa tuôn tầm tã.

¹⁰¹ Luzaide/ Val Carlos: một thị trấn ở Navarra, chỉ cách biên giới nước Pháp một vài km

Tôi từ bỏ đám đông nơi quán café và quay về khách sạn và tắm rửa để chuẩn bị đi ăn tối. Tôi đang cạo râu thì có tiếng gõ cửa.

“Mời vào,” tôi nói.

Montoya bước vào.

“Ông khỏe không?” ông ta hỏi.

“Vâng,” tôi trả lời.

“Hôm nay chẳng có trận nào cả.”

“Không,” tôi nói, “chẳng có gì ngoài mưa cả.”

“Các bạn ông đâu rồi?”

“Họ đang ở Iruna.”

Montoya mỉm cười xấu hổ.

“Ông này,” ông ta nói. “Ông có biết ông đại sứ Mỹ không?”

“Có,” tôi nói. “Ai cũng biết ông ấy cả.”

“Giờ ông ấy đang ở đây.”

“Vâng,” tôi nói. “Ai cũng thấy họ cả.”

“Tôi cũng gặp họ rồi,” Montoya nói. Ông không nói gì nữa. Tôi tiếp tục cạo râu.

“Ông ngồi đi,” tôi mời. “Để tôi gọi rượu lên.”

“Thôi, tôi phải đi ngay đây.”

Tôi đã cạo râu xong và cúi đầu xuống bồn rửa và rửa mặt bằng nước lạnh. Montoya đứng đó nhìn tôi trông càng xấu hổ hơn.

“Ông ạ,” ông ta nói. “Tôi vừa nhận được lời nhắn của họ từ khách sạn Grand Hotel rằng họ muốn mời Pedro Romero và Marcial Lalanda¹⁰² tới uống nước sau bữa tối nay.”

“Ồ,” tôi nói, “điều này chẳng ảnh hưởng lắm đến Marcial.”

“Marcial ở San Sebastian cả ngày hôm nay. Anh ta đi xe với Marquez từ sáng. Tôi không nghĩ họ sẽ quay lại trong ngày.”

¹⁰² Marcial Lalanda del Pino (1903-1990) là một đấu sĩ bò tót người Tây Ban Nha. Ernest Hemingway đã viết về ông như sau: “Lalanda có thể đối phó với bất kỳ con bò nào và các trận đấu của ông ta đều rất thành thực và đẹp mắt. Là một trong những đấu sĩ tài hoa nhất Tây Ban Nha với sự trợn vện và khoa học trong lối chiến đấu, không còn nghi ngờ gì nữa, ông là bậc thầy của cuộc chiến mà anh có thể phải trả giá bằng chính sinh mạng của mình.”

Montoya đứng đó đầy ngại ngùng. Ông đợi tôi nói gì đó.

“Ông đừng nhả lại điều ấy với Romero,” tôi gợi ý.

“Ông nghĩ thế ư?”

“Hoàn toàn chắc chắn.”

Montoya rất hài lòng.

“Tôi muốn hỏi ý kiến ông vì ông là người Mỹ,” ông thanh minh.

“Ở địa vị ông tôi cũng sẽ làm như thế.”

“Nghe này,” Montoya nói. “Người ta sẽ làm hỏng một cậu bé như vậy. Họ không hiểu được giá trị của cậu ấy. Họ không hiểu được ý nghĩa của cậu ấy. Bất kỳ một người nước ngoài nào cũng có thể tâng

bốc cậu ta. Mấy cậu bé ấy bắt đầu lên như điều gập gió tại cái khách sạn Grand Hotel này, và trong một năm thế là xong.”

“Như Algabeno,” tôi nói.

“Vâng, giống như Algabeno¹⁰³.”

“Bọn họ đều thế cả,” tôi nói. “Dưới kia có một bà người Mỹ cũng bắt đầu nuôi sở thích sưu tầm các đấu sĩ.”

“Tôi biết. Họ chỉ muốn mấy anh trẻ tuổi.”

“Vâng,” tôi nói. “Những anh già đều béo cả.”

“Hoặc là điên giống Gallo¹⁰⁴.”

103 Algabeno: một đấu sĩ bò tốt

104 Rafael Gómez Ortega, (16/7/1882-25/5/1960) có biệt danh là El Gallo (“gà trống”), một đấu sĩ bò tốt nổi tiếng trong những năm đầu thế kỷ 20. Ông

“À,” tôi nói, “thế thì đơn giản thôi. Tất cả những gì ông cần là đừng chuyển lời mời cho cậu ta.”

“Cậu ta rất được,” Montoya nói. “Cậu ấy phải ở bên người của cậu ấy. Cậu ấy không nên dính vào những thứ vớ vẩn như thế.”

xuất thân từ một trong những gia đình đấu sĩ nổi tiếng, có cha là Fernando Gómez García và em trai José Gómez Ortega. Ông được nhớ đến với những kỹ thuật chiến đấu rất ‘quái chiêu’ như *espantada* (chạy loạn), mà đơn giản là việc ông bỏ chạy khi con bò được đưa ra đấu trường. Ngoài ra còn có cách đấu với bò từ trên một cái ghế. Ông cũng được nhớ đến với lời nói, “tất cả những nghệ sĩ chúng ta đều có những ngày không may.” Các trận đấu của ông được đánh giá là có tính giải trí cao đối với khán giả, và ông tuyên bố nghỉ hưu tới bay lần bởi “tinh thần thể thao” này. Trong trận đấu cuối cùng của ông vào tháng 10 năm 1918, ông nói rằng ông không đâm kiếm vào con bò vì nó “nháy mắt” với mình. Dĩ nhiên khán giả cho rằng lý do này rất dối khôi hài, nhưng người em của Ortega, José (biệt danh “Jose-lito El Gallo”), khi ấy khá lo lắng về danh dự của gia đình, đã nhảy vào vòng đấu và giết chết con bò.

“Thế ông không muốn uống thật à?” tôi hỏi.

“Thôi,” Montoya trả lời, “tôi phải đi thôi.” Rồi ông ra ngoài.

Tôi xuống nhà và đi ra cửa và rảo bước quanh quảng trường dưới những hàng hiên. Trời vẫn còn mưa. Tôi nhìn vào quán Iruna để tìm bọn họ nhưng không có ai ở đó, tôi lại đi vòng quanh quảng trường để trở về khách sạn. Họ đang ngồi ăn tối trong phòng ăn dưới lầu.

Họ đều bỏ xa tôi và chẳng ích gì khi cố bắt kịp họ. Bill gọi người vào đánh giày cho Mike. Những người đánh giày đứng giữ cánh cửa mở toang ra con phố và mỗi

người mà Bill gọi tới đều tận tụy phục vụ Mike.

“Đây là lần thứ mười một đôi ủng của tôi bị đem ra chùi,” Mike kể lể. “Tôi phải công nhận rằng Bill là một tên khốn.”

Những người đánh giày đã loan tin khắp cả con phố. Người này nới đuôi người kia tiến tới.

“Limpia botas¹⁰⁵?” anh ta nói với Bill.

“Không,” Bill trả lời. “Cho Señor¹⁰⁶ này.”

Người đánh giày quỳ xuống bên người đồng nghiệp và bắt đầu lau chiếc ủng kia của Mike giờ đang bóng loáng lên dưới ánh đèn.

105 Limpia botas: (tiếng TBN) Ông đánh giày ạ?

106 Señor: (tiếng TBN) quý ông

“Bill đúng là một tay hài hước,”
Mike thừa nhận.

Tôi uống rượu vang đỏ, và ngồi sau họ tôi cảm thấy có đôi chút không thoải mái về cái chuyện đánh giầy này. Tôi nhìn quanh căn phòng. Pedro Romero ngồi ở bàn bên cạnh. Cậu ta đứng dậy khi tôi gật đầu chào, và mời tôi sang ngồi cùng bàn và gặp một người bạn của cậu. Bàn cậu đặt ngay cạnh bàn tôi, gần như là chạm nhau. Tôi gặp người bạn, một nhà bình luận môn đấu bò đến từ Madrid, một người đàn ông nhỏ con với khuôn mặt buồn rầu. Tôi bảo với Romero là tôi rất thích cách đấu của cậu, và cậu tỏ ra rất hài lòng. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha và nhà bình luận kia biết một

ít tiếng Pháp. Tôi với sang bàn của chúng tôi để lấy chai rượu, nhưng nhà phê bình ngăn tôi lại. Romero bật cười.

“Ông hãy uống với chúng tôi đã nhé,” cậu ta nói bằng tiếng Anh.

Cậu rụt rè với vốn tiếng Anh của mình, nhưng cậu thực sự hài lòng về nó, và khi chúng tôi bàn luận cậu nói ra những từ mà cậu không chắc lắm, và hỏi tôi về ý nghĩa của chúng. Cậu rất băn khoăn về sự dịch nghĩa chính xác sang tiếng Anh của cụm từ *Corrida de toros*. Đấu bò là từ mà cậu nghĩ tới. Tôi giải thích rằng đấu bò trong tiếng Tây Ban Nha là ‘*lidia*’ của một ‘*toro*’. Từ Tây Ban Nha ‘*corrida*’ có nghĩa là cuộc chạy của con bò trong tiếng Anh –

dịch sang tiếng Pháp là ‘Course de taureaux.’ Nhà phê bình thêm vào. Trong tiếng Tây Ban Nha không có từ để chỉ việc đấu bò.

Pedro Romero kể rằng cậu học được một ít tiếng Anh ở Gibraltar¹⁰⁷. Cậu được sinh ra ở Ronda¹⁰⁸. Nơi ấy không xa Gibraltar cho lắm. Cậu bắt đầu sự nghiệp đấu bò Malaga¹⁰⁹ tại một trường huấn luyện. Cậu mới vào nghề được ba năm. Tay phê bình trêu cậu về tần suất vận dụng đến từ Malagueño¹¹⁰ của cậu. Cậu mới mười chín tuổi, cậu nói. Anh trai cậu đi cùng cậu như

107 Gibraltar: một bán đảo nhỏ ở cực nam của Tây Ban Nha, kéo vào vùng Địa Trung Hải

108 Ronda: một thị trấn thuộc tỉnh Andalusia, ở phía nam của Tây Ban Nha

109 Malaga: một cảng biển ở miền nam Tây Ban Nha, thuộc Địa Trung Hải

110 Malagueño: (tiếng TBN) loại rượu nho Malaga nguyên chất

một banderillero¹¹¹, nhưng anh ta không ở lại khách sạn này. Anh ta ở tại một khách sạn khác nhỏ hơn cùng với những người phụ tá khác của Romero. Cậu ta hỏi tôi rằng tôi đã thấy cậu trên đấu trường chưa. Tôi tả lời mới chỉ có ba lần. Thực ra là mới có hai, nhưng tôi không muốn giải thích sau khi phạm lỗi.

“Những lần khác ông xem tôi ở đâu? Ở Madrid à?”

“Vâng,” tôi nói dối. Tôi cũng đã đọc bài báo về hai lần xuất hiện của cậu ở Madrid trên tạp chí đấu bò, nên tôi xoay sở được.

“Lần đầu hay lần hai ạ?”

111 banderillero: (tiếng TBN) một nhân vật trong trận đấu bò tót mà hỗ trợ đấu sĩ bằng cách đâm lao, hoặc lao móc, vào con bò khi nó sắp chết

“Lần đầu.”

“Lần đấy tôi tệ lắm,” cậu thú nhận. “Lần thứ hai thì có khá hơn. Anh còn nhớ không?” Cậu quay sang tay phê bình.

Cậu không hề xấu hổ. Cậu nó về công việc của mình như thể nó không thuộc về cậu. Ở cậu ta không có gì là tự phụ hay khoe khoang cả.

“Tôi vui lắm vì ông thích cách đấu của tôi,” cậu nói. “Nhưng ông vẫn chưa thấy đâu. Ngày mai, nếu tôi có được một con bò tốt, tôi sẽ cố thể hiện cho ông thấy.”

Khi nói cậu mỉm cười, lo lắng không biets tay phê bình hoặc tôi có cho rằng cậu đang tự phụ hay không.

“Tôi rất mong chờ,” tay phê bình nói. “Tôi rất mong bị cậu thuyết phục.”

“Ông ấy không ưa phong độ của tôi lắm.” Romero quay sang tôi. Cậu rất nghiêm túc.

Tay phê bình giải thích rằng ông ta rất thích cậu, nhưng cho tới giờ thì vẫn còn nhiều chỗ cần hoàn thiện.”

“Anh cứ đợi đến ngày mai mà xem, nếu như tôi được một con bò tốt.”

“Ông đã nhìn thấy bò của ngày mai chưa?” tay phê bình hỏi tôi.

“Vâng. Tôi đã thấy chúng được đưa tới.”

Pedro Romero nghiêng người về phía trước.

“Ông nghĩ sao?”

“Rất tốt,” tôi nói. “Vào khoảng hai mươi sáu arroba[arroba: đơn vị đo lường cổ của Tây Ban Nha, 1 arroba = 11,34 kg]. Sừng rất ngắn. Cậu chưa thấy chúng à?”

“À, vâng,” Romero trả lời.

“Không phải là hai mươi sáu arroba đâu,” tay phê bình nhận định.

“Không,” Romero đồng ý.

“Chúng có cặp sừng bằng chuối,” tay phê bình tiếp tục.

“Anh gọi chúng là chuối ư?” Romero hỏi. Cậu quay sang tôi và

cười. “Ông không gọi đây là chuối chứ?”

“Không,” tôi nói. “Chúng là sừng mà.”

“Chúng ngắn quá,” Pedro Romero nói. “Rất, rất ngắn. Nhưng, chúng không phải là chuối đâu.”

“Jake nà,” Brett gọi từ bàn bên, “anh đang bỏ rơi chúng tôi đây à?”

“Đợi chút,” tôi nói. “Bọn này đang nói về lũ bò.”

“Anh xuất chúng quá.”

“Nói với cậu ta là bò không có dái,” Mike hét lên. Anh ta lại xỉn.

Romero nhìn tôi dò hỏi.

“Say ấy mà,” tôi nói. “Borracho! Mua borracho¹¹²!”

“Anh nên giới thiệu mấy người bạn đi,” Brett nói. Nàng không rời mắt khỏi Pedro Romero. Tôi mời họ dùng cà phê với chúng tôi. Họ đều đứng lên. Khuôn mặt của Romero r ám nắng. Cậu cư xử rất lịch thiệp.

Tôi giới thiệu mọi người với nhau và họ ngồi xuống, nhưng không có đủ chỗ, nên tất cả chúng tôi dời sang chiếc bàn lớn kê sát tường để uống cà phê. Mike gọi một chai Fundador¹¹³ và cốc cho tất

112 Borracho! Mua borracho! (tiếng TBN) Say! Rất say!

113 Fundador: theo tiếng TBN có nghĩa là ‘Suối nguồn.’ Trước đây loại rượu này có tên là ‘Brandy de Jerez’ khi được đưa ra thị trường vào năm 1874. Đến nay loại rượu này được tiêu thụ trên 30 quốc gia và được hàng triệu người yêu thích.

cả mọi người. Mấy cuộc đối thoại đượm hơi men.

“Bảo với cậu ta là tôi cho rằng viết lách là thứ đáng khinh,” Bill nói. “Nào, nói đi. Cậu bảo với cậu ta là tôi thấy rất nhục vì là nhà văn đi.”

Pedro Romero đang ngồi cạnh Brett và nghe nàng nói.

“Nào. Nói với cậu ta đi!” Bill giục.

Romero mỉm cười nhìn lên.

“Quý ông đây,” tôi nói, “là nhà văn.”

Romero tỏ ra ấn tượng. “Ông này nữa, cũng vậy,” tôi nói, chỉ vào Cohn.

“Ông ấy trông giống Villalta¹¹⁴,” Romero nói, nhìn vào Bill. “Rafael này, ông ấy nom như Villalta ấy nhỉ?”

“Tôi chẳng thấy giống gì cả,” tay phê bình trả lời.

“Thật đấy,” Romero nói bằng tiếng Tây Ban Nha. “Ông ấy giống Villalta lắm. Thế còn cái ông đang say kia thì làm gì ạ?”

“Chẳng làm gì cả.”

¹¹⁴ Có thể là Nicanor Villalta (1897-1980), đấu sĩ bò tốt được xem là xuất sắc nhất của TBN trong những năm 1920-1930. Khi nghỉ hưu vào năm 1935 ông đã tham gia đấu bò được 13 năm. Sau khi nội chiến kết thúc, ông tiếp tục tham gia thi đấu trong 4 năm nữa. Sau này ông làm giám đốc của một trường đấu ở Madrid và tham gia công tác đào tạo các đấu sĩ trẻ. Ông mất năm 82 tuổi. Cũng có ý kiến cho rằng Villalta ở đây chỉ là một nhân vật hư cấu vì đây cũng là tên một người con trai của Hemingway.

“Có phải vì thế mà ông ấy uống nhiều không?”

“Không. Ông ta đang chờ để cưới bà này.”

“Bảo với cậu ta là bò không có dái!” Mike hét lên, say lử khử, từ phía cuối bàn.

“Ông ấy nói gì vậy?”

“Ông ấy say ấy mà.”

“Jake,” Mike gọi. “Bảo với cậu ta là bò không có dái!”

“Cậu hiểu được không?” tôi hỏi.

“Có.”

Tôi đoán chắc là không, cho nên chẳng sao cả.

“Bảo với cậu ta là Brett muốn thấy cậu ta mặc cái quần xanh kia.”

“Bớt om sòm đi, Mike.”

“Bảo với cậu ta là Brett muốn biết làm thế nào cậu ta có thể chui vào cái quần đó.”

“Im đi.”

Trong suốt lúc ấy Romero gõ ngón tay và chiếc cốc và nói chuyện với Brett. Brett nói tiếng Pháp và cậu ta nói tiếng Tây Ban Nha và một ít tiếng Anh, và cười.

Bill rót đầy rượu vào cốc.

“Nói với cậu ta Brett muốn vào
—”

“Ôi, im đi, Mike, vì Chúa!”

Romero ngược lên mỉm cười.
“Im đi! Tôi biết câu này,” cậu nói.

Ngay lúc ấy Montoya bước vào. Ông mỉm cười với tôi, rồi khi nhìn thấy Pedro Romero với một ly cognac lớn trong tay, đang ngồi cười giữa tôi với một phụ nữ với bờ vai để trần, bên chiếc bàn đầy những gã say. Ông chẳng buồn gật đầu chào.

Montoya bước ngay ra khỏi phòng. Mike đứng lên, tay nâng ly rượu. “Tất cả hãy uống vì –” anh bắt đầu. “Pedro Romero,” tôi tiếp. Mọi người đứng cả dậy. Romero nhận lời chúc mừng một cách trang trọng, và chúng tôi cùng ly và uống cạn, tôi vội vàng một chút bởi vì Mike đang cố nói rõ rằng

đấy không phải là những gì mà anh muốn uống mừng. Nhưng mọi chuyện kết thúc êm xuôi, và Pedro Romero bắt tay với mọi người và cậu rời đi cùng với tay phê bình.

“Trời ơi! cậu ta dễ thương quá,” Brett nhận xét. “Và em muốn ngắm cậu ta diện mấy bộ đồ đấu sĩ ghê. Cậu ta chắc dùng đến bột đi giày.”

“Anh đã cố nói thế với cậu ta đấy chứ,” Mike bắt đầu. “Thế mà Jake cứ gàn anh mãi. Sao cậu lại ngăn tôi hử? Cậu tưởng là cậu nói tiếng Tây Ban Nha hay hơn tôi chẳng?”

“Ôi, im đi, Mie! Có ai tranh lời anh đâu.”

“Không, tôi muốn chuyện này phải đâu ra đấy mới được.” Anh

quay khỏi tôi. “Cậu có nghĩ cậu có giá trị lớn về mặt nào đó không, Cohn? Cậu có nghĩ là cậu thuộc về bọn tôi ở nơi này không? Những người chỉ muốn có một quãng thời gian vui vẻ? Vì Chúa, đừng làm âm ỉ lên thế, Coh!”

“Ôi, thôi đi, Mike,” Cohn nói.

“Cậu nghĩ là Brett muốn cậu ở đây đấy à? Cậu nghĩ là cậu cùng phe với bọn này à? Sao cậu không nói gì cả thế?”

“Tôi đã nói tất cả những gì mà tôi cần nói vào đêm kia rồi, Mike.”

“Tôi không phải là một kẻ trong đám văn sĩ các cậu.” Mike đứng đó run rẩy, dựa vào bàn. “Tôi không phải thằng thông minh. Nhưng

tôi biết khi nào mình không được chào đón. Sao cậu không thấy lúc nào thì mình không được chào đón thế, Cohn? Đi đi. Biến đi, vì Chúa. Cậu mang cái bộ mặt Do Thái buồn thiu ấy đi đi. Các người không thấy là tôi đúng à?”

Anh ta nhìn chúng tôi.

“Đúng rồi,” tôi nói. “Ta ra quán Iruna thôi.”

“Không. Cậu không nghĩ là tôi đúng à? Tôi yêu người phụ nữ này.”

“Ôi, đừng có lại bắt đầu thế nữa. Chuyện này xong rồi mà, Michael,” Brett nói.

“Cậu không nghĩ là tôi đúng à, Jake?”

Cohn vẫn ngồi ở bàn. Mặt gã có sắc tái, vàng ệch khi gã bị sỉ nhục, nhưng theo một cách nào đó thì gã đang thích thú. Cái sự non trẻ, dửng cảm khi say rượu. Đó là câu chuyện tình giữa gã với một người đàn bà có tước hiệu.

“Jake,” Mike gọi. Anh gần như khóc. “Cậu biết là tôi đúng mà. Nghe này, cậu!” Anh quay qua Cohn: “Cút đi! Cút đi ngay!”

“Nhưng tôi không đi đâu cả, Mike ạ,” gã Cohn trả lời.

“Thế thì tôi sẽ khiến cậu biến!” Mike bắt đầu đi quanh bàn tiến về phía gã. Cohn đứng dậy và đặt ly của gã xuống. Gã đứng đợi, mặt gã tái dại, bàn tay gã hạ xuống khá thấp, tự hào và rần rỗi, đợi chờ

cuộc tấn công, sẵn sàng chiến đấu vì người phụ nữ mà gã yêu.

Tôi ôm lấy Mike. “Nào, đi ra quán café thôi,” tôi nói. “Anh không được đánh hấn ở khách sạn này.”

“Tốt!” Mike nói. “Hay đấy!”

Chúng tôi rời đi. Tôi nhìn lại khi Mike vấp vào bậc cầu thang và thấy Cohn lại nâng ly lên. Bill ngồi bên bàn rót thêm rượu Fundador vào ly. Brett ngồi đó, dõi mắt vào hư vô.

Chương 16.2

Bên ngoài quảng trường trời đã tạnh mưa và mặt trăng đang cố lộ mình ra khỏi những tầng mây. Gió đang thổi. Ban nhạc của quân đội đang chơi một điệu nhạc nào đó và đám đông tụ tập lại phía bên kia quảng trường nơi người nghệ nhân pháo hoa và con trai ông ta đang cố đốt lên những chiếc đèn trời¹¹⁵. Một ngọn đèn

¹¹⁵ đèn trời: ở châu Á được biết đến với cái tên gọi

bùng lên lập lòe ánh lửa, nghiêng theo một góc lớn, và bị rách toạc bởi con gió và bị thổi bay về phía mấy ngôi nhà trên quảng trường. Một số rơi xuống đám đông. Ngọn lửa ma-giê bốc lên và thuốc phóng nổ tung và đuổi theo đám đông. Không có đám nhảy múa nào trên quảng trường khi ấy. Nền đá lát sỏi quá ướt và trơn.

Brett đi cùng Bill và nhập hội với chúng tôi. Chúng tôi đứng giữa đám đông và quan sát Don Mauel Orquito, ông vua pháo hoa, đứng trên một cái bệ nhỏ, thận trọng đốt đèn với những chiếc gậy, ngay trên đầu đám đông để thả đi những chiếc đèn trời theo hướng gió. Gió

là đèn Khổng Minh, là loại đèn lồng làm bằng giấy, dùng để thả cho bay lên trời sau khi đốt đèn. Trong Thế chiến II, quân đội Nhật từng dùng đèn trời như một thứ vũ khí tấn công.

kéo chúng xuống, và khuôn mặt của Don Manuel Orquito mướt mồ hôi dưới ánh sáng của những bông pháo hoa đầy kỳ công của ông ta đang rơi xuống đám đông và tấn công và rượt đuổi họ, cháy xèo xèo và vỡ vụn, dưới chân mọi người. Mọi người la lên mỗi khi có một khối giấy hình cầu sáng chói lao đảo, bốc cháy, và rơi xuống.

“Họ ắt hẳn đang nguyên rủa Don Manuel,” Bill nói.

“Làm sao anh biết ông ta là Don Manuel?” Brett thắc mắc.

“Tên ông ta có trên tờ bướm của chương trình. Don Manuel Ortiquo, tiết mục pirotecnico¹¹⁶ của esta ciudad¹¹⁷.”

116 pirotecnico: (tiếng TBN) pháo hoa

117 esta ciudad: (tiếng TBN) thị trấn này

“Globos iluminados¹¹⁸,” Mike nói. “Bộ sưu tập globos iluminados. Đây là thông tin trên tờ giấy.”

Gió đưa tiếng nhạc đi xa.

“Em bảo này, em ước gì có một cái bay lên thật,” Brett nói. “Cái thằng cha Don Manuel kia trông điên quá.”

“Ông ta chắc phải làm việc hàng tuần liền để cho chúng có thể bay lên, thành chữ ‘Chào mừng San Fermin,’” Bill nói.

“Globos iluminados,” Mike nói. “Một đám globos iluminados man dại.”

“Đi nào,” Brett giục. “Mình không nên đứng đây đâu.”

118 globos iluminados: (tiếng TBN) đèn trời

“Phần nữ tính trong nàng muốn làm một ly,” Mike chế nhạo.

“Làm sao mà anh biết được,” Brett phản công.

Bên trong, quán café đông đúc và âm ỉ. Không ai biết chúng tôi bước vào. Chúng tôi không tìm được một chiếc bàn trống. Cả quán café ồn ã như ong vỡ tổ.

“Đi thôi, ra khỏi đây vậy,” Bill nói.

Bên ngoài, các đấu sĩ đang bước đi dưới mái hiên với điệu bộ dõng dạc như khi họ bước vào trường đấu. Một vài người Anh và người Mỹ tới từ Biarritz trong bộ đồ thể thao ngồi rải rác bên những chiếc bàn. Vài người phụ nữ nhìn chăm

chấp vào những người đi đường bằng cái kính cặp mũi. Chúng tôi làm quen với nhau, và một lúc nào đấy, có cả một người bạn của Bill đến từ Biarritz. Cô ấy ở cùng với một cô khác ở Grand Hotel. Cô kia đau đầu và đã đi nằm từ sớm.

“Quán bar đây rồi,” Mike nói. Đó là Bar Milano, một quán bar nhỏ, chật hẹp nơi anh có thể gọi đồ ăn và nhẩy nhót ở căn phòng đằng sau. Tất cả chúng tôi cùng ngồi xuống một chiếc bàn và gọi một chai Fundador. Quán bar không đến mức đông nghịt người. Chẳng có gì diễn ra cả.

“Nơi quái gì thế này,” Bill căn nhắc.

“Còn sớm quá.”

“Mình cứ mang chai rượu đi và quay lại sau vậy,” Bill rủ. “Tôi không muốn ngồi đây trong một tối thế này đâu.”

“Thế thì đi gặp mấy bạn người Anh vậy,” Mike đề nghị. “Tôi muốn gặp bọn Anh quá.”

“Bọn họ tệ lắm,” Bill nói. “Bọn họ chui ra từ đâu thế?”

“Họ tới từ Biarritz,” Mike trả lời. “Họ tới đây để tham dự ngày cuối cùng của lễ hội nho nhỏ là lạ của đất nước Tây Ban Nha này.”

“Tôi sẽ chuốc say họ,” Bill nói.

“Bạn đúng là một cô gái xinh đẹp.” Mike quay sang người bạn của Bill. “Bạn đến đây khi nào?”

“Thôi đi, Michael.”

“Tôi bảo là, cô ấy là một cô gái đẹp. Bạn từ đâu đến? Làm sao mà tôi lại không nhận ra từ trước nhỉ? Bạn dễ thương quá. Mình đã gặp nhau chưa? Đi cùng tôi với Bill nhé. Bọn này đi mừng lễ hội với lũ người Anh đây.”

“Tôi sẽ chuốc say bọn chúng,” Bill nói. “Bọn chúng đang làm cái quái gì ở fiesta này chứ?”

“Đi nào,” Mike giục. “Chỉ ba chúng mình thôi. Chúng ta sẽ làm lễ cho bọn người Anh chết tiệt kia. Tôi hi vọng bạn không phải là người Anh chứ? Tôi là người Scotland. Tôi ghét bọn Anh lắm. Tôi sẽ đi làm lễ cho chúng. Đi nào, Bill.”

Chúng tôi nhìn họ qua cửa sổ, ba người tay trong tay, đi về quán café. Pháo bông đang được bắn lên trên quảng trường.

“Em sẽ ngồi lại đây,” Brett nói.

“Anh ở lại với em,” Cohn nói.

“Ôi, không cần đâu!” Brett nói. “Vì Chúa, anh hãy đi đâu đó đi. Anh không thấy là Jake và tôi muốn nói chuyện riêng à?”

“Anh không nhận thấy,” Cohn trả lời. “Anh nghĩ là anh sẽ ngồi đây bởi vì anh thấy hơi say.”

“Cái lý do quái quỷ gì để ngồi cùng người khác thế. Nếu say, thì anh về khách sạn mà ngủ đi. Lên giường mà nằm đi.”

“Em đã đủ bất lịch sự với anh ta chưa?” Brett hỏi. Cohn đã rời đi. “Chúa ơi! Em phát ốm lên được với hắn!”

“Hắn ta không đóng góp được nhiều lắm vào cuộc vui.”

“Hắn cũng làm em tuyệt vọng nữa.”

“Hắn cư xử rất tệ.”

“Siêu tệ. Hắn đã có được cơ hội để cư xử tuyệt vời.”

“Có thể hắn ta đang rình bọ mình ngay ngoài cửa lúc này.”

“Vâng. Có lẽ vậy. Anh biết đấy em cũng hiểu được hắn ta cảm thấy thế nào. Hắn không tin được là nó chẳng có nghĩa gì cả.”

“Anh biết.”

“Không có ai xử tệ thế cả. Ôi, em thấy chán lắm rồi. Cả Michael nữa. Michael mới dễ thương làm sao.”

“Chuyện đấy khó cho Mike quá.”

“Vâng. Nhưng anh ấy đâu cần phải biến mình thành một kẻ đáng ghét như thế.”

“Ai cũng xử tệ cả,” tôi nói. “Em cứ cho họ một cơ hội phù hợp.”

“Anh thì không như thế.” Brett nhìn tôi.

“Anh cũng khổ nạn như Cohn thôi,” tôi nói.

“Anh yêu, mình đừng nói về mấy chuyện tồi tệ này thêm nữa.”

“Được rồi. Thế nói về bất cứ điều gì em thích vậy.”

“Anh đừng khắt khe thế. Anh là người duy nhất còn lại bên em, và đêm nay em thấy rất tệ.”

“Em còn có Mike mà.”

“Vâng, Mike. Chả phải anh ấy hay ho lắm sao?”

“À,” tôi nói, “Mike đang vất vả lắm, khi Cohn cứ luẩn quẩn và phải thấy hấn ta bên em.”

“Em không biết thế ư, anh yêu? Xin anh đừng khiến em cảm thấy tồi tệ thêm nữa.”

Tôi chưa từng thấy Brett căng thẳng như thế bao giờ. Nàng tránh nhìn thẳng vào mắt tôi mà nhìn về phía bức tường.

“Có muốn đi dạo không?”

“Có. Mình đi thôi.”

Tôi đập nắp chai Fundador và gửi lại chỗ người pha chế rượu.

“Mình hãy uống thêm một ly cái thứ này nữa,” Brett nói. “Thần kinh của em đang căng lên như dây đàn.”

Mỗi chúng tôi uống một ly *amontillado*¹¹⁹ pha brandy êm dịu.

¹¹⁹ *amontillado*: loại rượu vị sherry có màu tối hơn loại rượu *fino* nhưng nhạt màu hơn rượu *oloroso*. Loại rượu này được đặt tên theo vùng Montilla của Tây Ban Nha, nơi lần đầu tiên phương pháp sản xuất ra nó xuất hiện vào thế kỷ 18. Rượu *amontillado* sherry được hình thành từ loại rượu *fino*, được tăng thêm độ cồn 13.5% bằng cách pha thêm men ủ từ các loại thực vật và tránh tiếp xúc với không khí. Sau khi được tăng thêm độ cồn, *amontillado* sẽ oxy hóa chậm, tiếp xúc với không khí thông qua các thùng gỗ sồi Mỹ hoặc Canada, và có được màu đậm hơn và hương vị phong phú hơn so với *fino*. Rượu *amontillado* thường có hương vị đặc trưng bởi

“Đi nào,” Brett nói.

Khi bước ra khỏi cửa tôi thấy Cohn đi ra từ sau tán cây.

“Đúng là hắn ở đây thật,” Brett cũng nhận ra.

“Hắn không thể rời em nửa bước.”

“Con quỷ tội nghiệp!”

“Anh không thấy thương hắn. Chính anh cũng ghét hắn.”

“Em cũng ghét hắn,” nàng rùng mình. “Em ghét cái kiểu cam chịu của hắn.”

Chúng tôi bước đi tay trong tay

hương thơm của hạt phỉ, thuốc lá, thảo mộc thơm và sự thanh tao, tinh tế của gỗ sồi. Sự hợp nhất của hai quá trình lên men khác nhau làm cho loại rượu Amontillado có hương vị cực kỳ tinh tế và hấp dẫn.

xuống con phố nhỏ để rời khỏi đám đông và ánh đèn nơi quảng trường. Con đường tối tăm và sũng nước, và chúng tôi đi dọc theo nó tới công sự ở bên rìa thị trấn. Chúng tôi đi qua những cửa hàng rượu có ánh đèn hắt ra từ khung cửa vào con phố đêm ướt đẫm, và tiếng nhạc đột ngột vang lên.

“Muốn vào trong không?”

“Không.”

Chúng tôi đi ngang bãi cỏ còn ướt và đi vào bờ tường đá của công sự. Tôi trải một tờ báo trên mặt đá và Brett ngồi xuống. Xuyên qua cánh đồng là màu đen của đêm, và chúng tôi có thể nhìn thấy những ngọn núi. Gió nổi lên trên cao và đẩy những đám mây trôi ngang mặt

trắng. Bên dưới chúng tôi là mảng sân tối của công sự. Phía đằng sau là những rặng cây và bóng tối của thánh đường, và thị trấn in bóng dưới ánh trắng.

“Em đừng buồn nhé,” tôi nói.

“Em thấy khủng khiếp lắm,” Brett trả lời. “Mình đừng nói gì cả.”

Chúng tôi nhìn ra cánh đồng. Hàng cây dài tăm tối dưới ánh trắng. Đây đó có ánh đèn pha rọi ra từ những chiếc ô tô đang chạy trên con đường ngoằn ngoèo dẫn lên núi. Phía trên đỉnh núi chúng tôi nhìn thấy ánh sáng của pháo đài. Ở bên dưới phía tay trái là con sông. Nước sông dâng cao sau trận mưa, đen ngòm và êm ả. Những hàng cây dọc bờ sông cũng chìm

trong bóng tối. Chúng tôi ngồi đó và lặng lẽ ngắm nhìn. Brett nhìn thẳng về phía trước. Đột nhiên nàng run rẩy.

“Lạnh quá.”

“Em muốn quay lại chưa?”

“Mình đi qua công viên đi.”

Chúng tôi trèo xuống. Trời lại đầy mây. Công viên tối om bên dưới những hàng cây.

“Anh vẫn yêu em chứ, Jake?”

“Ừ,” tôi trả lời.

“Bởi vì em là đồ bỏ đi,” Brett nói.

“Sao lại thế?”

“Em là đồ bỏ đi. Em phát điên

lên về cậu bé Romero kia. Em nghĩ là em đang yêu cậu ta.”

“Anh sẽ không làm như vậy nếu anh là em.”

“Em không làm gì được. Em là kẻ vút đi. Nó đang giày vò em.”

“Em đừng làm thế.”

“Em không làm gì được nữa cả. Em chẳng bao giờ làm được cái gì ra hồn cả.”

“Em phải ngừng lại thôi.”

“Làm sao em ngăn nó lại được? Em chẳng ngăn được chuyện gì cả. Thấy không?”

Bàn tay nàng run rẩy.

“Lúc nào em cũng thế cả.”

“Em không được phép làm như thế.”

“Em không làm được. Dù gì thì em cũng là kẻ vút đi mà. Anh không thấy sự khác biệt ư?”

“Không.”

“Em phải làm gì đó. Em phải làm cái điều mà em muốn làm. Em đã đánh mất lòng tự trọng rồi.”

“Em không cần phải làm thế.”

“Ôi, anh yêu, anh đừng khắt khe thế. Anh nghĩ em dính vào gã Do Thái khốn kiếp kia là vì cái gì, và cả Mike với cái kiểu cư xử của anh ta nữa?”

“Ừ.”

“Em không thể lúc nào cũng say khướt được.”

“Không.”

“Ôi, anh yêu, làm ơn hãy ở bên em. Làm ơn hãy ở bên em và trông chừng cho em qua những chuyện này.”

“Ừ.”

“Em không nói chuyện này là đúng. Nhưng với em thì chẳng hề sai. Có Chúa chứng giám, em chưa bao giờ thấy mình khốn nạn như lúc này.”

“Em muốn anh phải làm gì?”

“Đi nào,” Brett nói. “Mình hãy đi và tìm anh ấy.”

Chúng tôi cùng đi xuống con

đường lát sỏi trong công viên trong bóng đêm, dưới những tán cây và rồi ra khỏi những tán cây và qua cánh cổng vào con phố dẫn về thị trấn.

Pedro Romero đang ngồi trong quán café. Cậu ta đang ngồi cùng với những đấu sĩ và các nhà phê bình khác. Họ đang hút xì gà. Khi chúng tôi bước vào họ nhìn lên. Romero mỉm cười và gật đầu. Chúng tôi ngồi xuống một cái bàn cách đó nửa căn phòng.

“Anh hãy gọi anh ấy sang đây cùng uống một ly đi.”

“Chưa được đâu. Cậu ấy sẽ tự qua thôi.”

“Em không thể nhìn anh ấy.”

“Cậu ấy đẹp trai mà,” tôi nói.

“Em luôn làm những điều em muốn.”

“Anh biết.”

“Em thấy mình khốn nạn lắm.”

“Ồ,” tôi nói.

“Chúa ơi!” Brett nói, “những điều mà một người đàn bà cứ phải trải qua.”

“Hả?”

“Ôi, em thấy mình như một con khốn.”

Tôi nhìn sang bàn bên kia. Pedro Romero đang mỉm cười. Cậu ta nói cái gì đó với những người ngồi cùng bàn, rồi đứng dậy. Cậu

bước tới bàn chúng tôi. Tôi đứng dậy và bắt tay cậu.

“Cậu làm một ly nhé?”

“Ông vừa uống với tôi xong mà,” cậu bảo. Cậu tự ngồi xuống, xin phép Brett mà chẳng nói gì cả. Cậu ta cư xử thật đáng hoàng. Nhưng cậu vẫn tiếp tục hút điếu xì gà của cậu. Nó rất hợp với khuôn mặt cậu.

“Cậu thích xì gà à?” tôi hỏi.

“À, vâng. Tôi luôn hút xì gà.”

Đây là một trong những điệu bộ của cậu. Nó khiến cậu trông già dặn hơn. Tôi chú ý tới làn da của cậu. Nó thật sạch sẽ và mịn màng và nâu bóng. Có một vết sẹo hình tam giác nơi xương gò má của cậu.

Tôi thấy cậu nhìn Brett. Cậu cảm thấy có gì đó giữa hai người. Cậu hẳn phải nhận thấy điều đó khi Brett đưa tay ra cho cậu. Cậu rất thận trọng. Tôi nghĩ cậu đã chắc, nhưng cậu vẫn không muốn phạm sai lầm.

“Ngày mai cậu đấu à?” tôi hỏi.

“Vâng,” cậu ta trả lời. “Algabeno bị thương ngày hôm nay ở Madrid. Ông đã nghe tin chưa?”

“Chưa,” tôi nói. “Có nghiêm trọng không?”

Cậu lắc đầu.

“Không đâu. Anh ấy bị thương ở chỗ này,” cậu chỉ bằng tay. Brett tóm lấy và tách các ngón tay ra.

“Ồ!” cậu nó bằng tiếng Anh, “bà biết xem tay ư?”

“Đôi lúc. Cậu có phiền không?”

“Không đâu. Tôi thích lắm.” Cậu xòe rộng bàn tay trên mặt bàn. “Bà hãy nói cho tôi biết tôi sẽ sống lâu, và trở nên giàu có.”

Cậu vẫn rất lịch sự, nhưng cậu đã chắc ăn hơn. “Nhìn này,” cậu nói, “bà có nhìn thấy con bò nào trong tay tôi không?”

Cậu cười. Bàn tay cậu thật đẹp và cổ tay thì nhỏ.

“Có hàng nghìn con bò,” Brett trả lời. Giờ nàng không còn hồi hộp nữa. Nàng thật yêu kiều.

“Tốt quá,” Romero cười. “Đến

tận một nghìn,” cậu nói bằng tiếng Tây Ban Nha. “Bà xem cho tôi nữa đi.”

“Bàn tay đẹp quá,” Brett nói. “Em nghĩ cậu ấy sẽ sống rất lâu.”

“Nào hãy nói với tôi đi. Bà đừng nói với bạn bà.”

“Tôi nói rằng cậu sẽ sống lâu lắm.”

“Tôi biết,” Romero nói. “Tôi sẽ không chết đâu.”

Tôi gõ đầu ngón tay lên mặt bàn. Romero nhìn thấy. Cậu lắc đầu.

“Không. Đừng làm thế. Lũ bò là bạn tốt nhất của tôi.”

Tôi dịch lại câu ấy cho Brett.

“Cậu giết bạn mình ư?” nàng hỏi.

“Luôn luôn,” cậu nói bằng tiếng Anh, và cười. “Vì thế chúng không giết được tôi.” Cậu nhìn nàng qua chiếc bàn.

“Cậu hiểu rõ tiếng Anh nhỉ.”

“Vâng,” cậu ta trả lời. “Khá tốt, đôi khi. Nhưng tôi không để ai thấy cả. Như thế thì tệ lắm, một torero [torero: (tiếng TBN) đấu sĩ bò tót] mà lại đi nói tiếng Anh.”

“Tại sao?” Brett hỏi.

“Như thế tệ lắm. Người ta không thích thế. Vẫn chưa.”

“Sao lại không cơ chứ?”

“Họ không thích thế đâu. Đấu sĩ thì không được phép như thế.”

“Thế đấu sĩ thì phải thế nào?”

Cậu cười và kéo mũ xuống che mắt và thay đổi góc độ của điệu xì gà và biểu cảm trên khuôn mặt.

“Phải như thế này này,” cậu trả lời. Tôi liếc sang. Cậu đang bắt chước chính xác biểu tượng quốc gia. Cậu mỉm cười, khuôn mặt cậu tự nhiên trở lại. “Thôi. Tôi phải quên tiếng Anh đi thôi.”

“Cậu hãy đừng quên thôi,” Brett nói.

“Không ư?”

“Không.”

“Thế cũng được.”

Cậu lại cười.

“Tôi cũng thích một chiếc mũ giống thế,” Brett nói.

“Tốt. Tôi sẽ kiếm cho bà một chiếc.”

“Được đấy. Để xem cậu có giữ lời không nhé.”

“Có mà. Tôi sẽ kiếm được một chiếc ngay tối nay.”

Tôi đứng lên. Romero cũng vậy.

“Ngồi đi,” tôi nói. “Tôi phải đi tìm mấy người bạn và mang họ về đây.”

Cậu nhìn tôi. Đây là cái nhìn cuối cùng để hỏi thăm rằng liệu có hiểu lầm gì không. Nó được hiểu hoàn toàn chính xác.

“Ngồi xuống đi,” Brett nói với cậu ta. “Cậu phải dạy tôi tiếng Tây Ban Nha đấy nhé.”

Cậu ta ngồi xuống và nhìn nàng qua chiếc bàn. Tôi bước ra. Mấy ánh mắt khó chịu của những đấu sĩ phía bàn bên xoáy vào tôi. Những ánh mắt không hài lòng. Khi tôi quay lại và nhìn vào trong quán, khoảng hai mươi phút sau đó, Brett và Pedro Romero không còn ở đó nữa. Cốc cà phê và ba cái ly cognac rỗng không của chúng tôi vẫn còn ở trên mặt bàn. Một người bồi bàn tiến đến với chiếc khăn và nhật hết cốc lên rồi lau sạch chiếc bàn.

Chương 17.1

Bên ngoài quán bar Milano
tôi tìm được Bill và Mike
và Edna. Edna là tên của cô gái.

“Chúng tôi bị đuổi ra,” Edna
nói.

“Bởi cảnh sát,” Mike tiếp lời.
“Mấy gã trong quán không ưa tôi.”

“Tôi vừa ngăn bọn họ khỏi đánh
nhau,” Edna nói. “Đáng lý ra anh
phải giúp tôi.”

Mặt Bill đỏ bừng.

“Quay lại đây đi, Edna,” anh nói. “Hãy quay lại đó và nhảy với Mike.”

“Thôi, ngớ ngẩn lắm,” Edna nói. “Rồi lại có một đám đông khác ấy mà.”

“Cái lũ lợn đến từ Biarritz,” Bill nói.

“Thôi nào,” Mike nói. “Dù sao, thì nó cũng là một quán rượu. Chúng không thể chiếm cứ cả một quán rượu được.”

“Ôi anh bạn Mike nhân từ,” Bill nói. “Mấy con lợn Anh kia đến đây và sỉ nhục Mike và phá hỏng hết cả lễ hội.”

“Bọn chúng hung hăng quá,” Mike nói. “Tôi ghét bọn Anh.”

“Bọn chúng không thể sỉ nhục Mike,” Bill nói. “Mike là một anh chàng tuyệt vời. Bọn họ không được phép làm nhục Mike. Tôi không để yên thế được. Ai mà buồn quan tâm nếu anh ấy phá sản kia chứ?” Giọng anh vỡ ra.

“Ai quan tâm chứ?” Mike nói. “Tôi không quan tâm. Jake không quan tâm. Bạn có quan tâm không?”

“Không,” Edna trả lời. “Anh phá sản thật à?”

“Ừ đúng thế. Cậu không quan tâm chứ, Bill?”

Bill khoác vai Mike.

“Tớ cũng chỉ ước sao tớ là thằng vô sản thôi. Rồi tớ sẽ cho mấy thằng con hoang ấy biết tay.”

“Họ là người Anh thôi mà,” Mike nói. “Bọn Anh nói gì thì có gì là quan trọng đâu cậu.”

“Lũ lợn bẩn thỉu,” Bill rửa. “Tôi phải đi dọn sạch chúng nó mới được.”

“Bill,” Edna nhìn tôi. “Làm ơn đừng quay lại đó nữa, Bill. Bọn đấy ngu lắm.”

“Thì thế,” Mike nói. “Lũ ngu. Tớ biết là sẽ thế mà.”

“Bọn chúng không được nói như thế về Mike,” Bill nói.

“Anh có biết họ không?” tôi hỏi Mike.

“Không. Tôi chưa gặp bao giờ. Chúng bảo là chúng biết tôi.”

“Ôi, tôi không tài nào chịu được,” Bill nói.

“Đi nào. Minh sang quán Suizo đi,” tôi nói.

“Đây là lũ bạn của Edna đến từ Biarritz,” Bill nói.

“Bọn họ ngu lắm,” Edna nói.

“Một trong số đó là Charley Blackman, từ Chicago,” Bill nói.

“Tôi chưa bao giờ tới Chicago,” Mike nói.

Edna cười phá lên và không ngừng lại được.

“Đưa tôi ra khỏi đây thôi,” cô nói, “mấy chàng mặt vậ.”

“Đám đấy là thế nào vậy?” tôi hỏi Edna. Chúng tôi đi qua quảng trường về Suizo.

Bill đã rời đi.

“Tôi cũng chẳng hiểu đã xảy ra chuyện gì nữa, nhưng có ai đó gọi cảnh sát để đuổi Mike ra khỏi quán. Hình như có ai đó biết Mike từ hồi ở Cannes. Có chuyện gì với Mike thế?”

“Có thể là anh ta nợ họ tiền,” tôi nói. “Mà mấy thứ ấy thường khiến cho con người ta nhạy cảm khiếp lắm.”

Phía trước quầy bán vé trên quảng trường có hai hàng người

đang đứng đợi. Họ đứng lên ghế hoặc cuộn mình trong chăn mềm trên mặt đất với giấy báo xung quanh. Họ đợi quây vé mở cửa vào buổi sáng để mua vé xem trận đấu bò. Trời trong và mặt trăng lấp ló. Vài người trong hàng ngủ gà ngủ gật.

Ở quán Café Suizo chúng tôi vừa ngồi xuống và gọi Fundador thì Robert Cohn tiến đến.

“Brett đâu?” gã hỏi.

“Tôi không biết.”

“Cô ấy đi với cậu cơ mà.”

“Chắc là cô ấy về ngủ rồi.”

“Không đúng.”

“Tôi không biết cô ấy đang ở đâu.”

Mặt gã vàng ệch và tái lại dưới ánh đèn. Người gã thẳng cứng.

“Cậu nói cho tôi biết cô ấy đang ở đâu.”

“Ngồi xuống đi,” tôi trả lời.
“Làm sao mà tôi biết được.”

“Cái quái gì mà cậu không biết!”

“Cậu ngậm mồm đi được rồi đấy.”

“Nói cho tôi biết Brett đi đâu.”

“Tôi chẳng nói với cậu cái mẹ gì cả.”

“Cậu biết là cô ấy ở đâu.”

“Nếu biết tôi cũng không thèm nói với cậu.”

“Ôi, cậu biến mẹ nó đi, Cohn,” Mike nói từ bàn. “Brett đã đi với anh chàng đấu sĩ rồi. Họ đang hưởng tuần trăng mật đấy.”

“Anh câm ngay.”

“Ôi, cút đi!” Mike nói uể oải.

“Có đúng cô ấy đi cùng thằng đó không?” Cohn quay sang tôi.

“Biến đi!”

“Cô ấy đi với cậu cơ mà. Có phải cô ấy đã đi với thằng đó không?”

“Cút đi!”

“Tôi sẽ làm cho cậu phải nói với tôi” – gã tiến lên – “Cậu là thằng ma cô khốn nạn.”

Tôi vung tay đâm gã và gã cúi đầu tránh. Tôi nhìn thấy khuôn mặt gã xoay lại tránh dưới ánh đèn. Gã đánh tôi và tôi ngồi thụp xuống vĩa hè. Khi tôi đứng lên được thì gã đâm tôi cú thứ hai. Tôi ngã đập lưng xuống sàn và nằm lăn dưới gầm bàn. Tôi cố ngồi dậy và tôi thấy như thể đôi chân mình biến mất. Tôi cảm thấy mình cần phải đứng lên và cố đâm lại gã. Mike đỡ tôi ngồi dậy. Có ai đó đổ cả bình nước xuống đầu tôi. Mike vòng tay quanh người tôi, và tôi nhận thấy mình đang ngồi trên ghế. Mike xoa xoa tai tôi.

“Tôi thấy cậu lạnh quá,” Mike nói.

“Anh ở chỗ quái nào thế?”

“Ồ, tôi ở đây mà.”

“Anh không muốn can thiệp à?”

“Hắn tấn cả Mike nữa,” Edna giải thích.

“Hắn đâu hạ được tôi,” Mike nói. “Tôi chỉ nằm đấy thôi.”

“Chẳng lẽ đêm fiesta nào cũng thế này á?” Edna hỏi. “Chẳng phải đấy là ngài Cohn sao?”

“Tôi không sao,” tôi nói. “Đầu tôi hơi ong ong tẹo.”

Có hàng tá người phục vụ và người dựng tụ tập xung quanh.

“Vaya¹²⁰!” Mike nói. “Giải tán. Đi chỗ khác chơi.”

120 Vaya! (tiếng TBN) Đi đi!

Mấy người phục vụ xua đám đông ra xa.

“Gay cấn thật,” Edna nói. “Hắn ta chắc phải biết đâm bốt.”

“Đúng vậy.”

“Ước gì có Bill ở đây nhỉ,” Edna nói. “Tôi thích nhìn Bill bị tấn quá. Tôi luôn mong được chứng kiến cái cảnh ấy. Anh ta trông to con thế cơ mà.”

“Tôi thì hi vọng hắn đánh ngã một anh bồi,” Mike nói, “rồi bị tóm. Tôi muốn chứng kiến cảnh ngài Robert Cohn bị tổng vào tù.”

“Thôi,” tôi nói.

“Ôi, không,” Edna nói. “Anh không mong thế thật đâu.”

“Tôi nói thật mà,” Mike nói.
“Tôi không phải là loại người thích bị đánh bại. Dù cho tôi chưa từng chơi mấy trò đó.”

Mike gọi một ly rượu.

“Tôi chưa bao giờ thích đi săn, cậu biết đấy. Khả năng có một con ngựa ngã lên người là rất nguy hiểm. Cậu thế nào rồi, Jake?”

“Tôi ổn.”

“Anh oách lắm,” Edna quay sang Mike. “Thế anh phá sản thật đấy à?”

“Tôi phá sản nghiêm trọng lắm,” Mike nói. “Ai tôi cũng nợ tiền. Cô không nợ tiền ai hết à?”

“Cả đồng ấy chứ.”

“Tôi nợ tiền tất cả mọi người,” Mike nói. “Tối nay tôi vừa vay Montoya một trăm peseta.”

“Anh làm cái quái gì thế,” tôi nói.

“Tôi sẽ trả lại mà,” Mike trả lời. “Tôi lúc nào cũng thanh toán sòng phẳng cả.”

“Vì thế nên anh mới phá sản, đúng không?” Edna hỏi.

Tôi đứng dậy. Tôi nghe tiếng họ nói chuyện từ một khoảng cách xa. Cứ như thể tôi đang xem một vở kịch tồi.

“Tôi về khách sạn đây,” tôi nói. Rồi tôi nghe thấy tiếng họ nói về tôi.

“Anh ấy ổn chứ?” Edna hỏi.

“Mình nên đi cùng cậu ấy thì hơn.”

“Tôi ổn mà,” tôi nói. “Không cần đâu. Gặp lại các bạn sau nhé.”

Tôi rời khỏi quán café. Họ ngồi lại bàn. Tôi quay lại nhìn họ và những chiếc bàn trống không. Một người phục vụ đang ngồi bên một chiếc bàn và gục đầu vào tay.

Tôi đi bộ dọc quảng trường trở về khách sạn, mọi thứ trông thật mới mẻ và lạ lẫm. Tôi chưa từng thấy những hàng cây này như thế. Tôi cũng chưa từng thấy những cột cờ như vậy, hay như phần mặt tiền của nhà hát. Tất cả đều lạ lẫm. Tôi thấy như cái cảm giác được trở về

nhà sau một trận đấu bóng ở xa thị trấn. Tôi như đang xách chiếc va li đựng đầy những vật dụng tôi dùng cho trận đấu, và tôi đi lên phố từ nhà ga của thị trấn mà tôi đã sống cả một đời và giờ đây mọi thứ đều thật mới mẻ. Họ đang cào lại cỏ và đốt lá khô trên phố, và tôi dừng lại thật lâu và lặng lẽ ngắm nhìn. Tất cả đều lạ lẫm. Rồi tôi cất bước, bàn chân tôi như thể đã đi thật lâu, và mọi thứ đều như thể đã trải qua một quãng đường dài, và tôi nghe tiếng bước chân mình như vọng lại từ một nơi nào xa xôi lắm. Tôi như bị ai đó đá vào đầu trong trận đấu. Cứ như là vậy khi tôi đi qua quảng trường. Cứ như là vậy khi tôi bước lên cầu thang của khách sạn. Leo lên cầu thang mất nhiều thời gian quá, và tôi cảm thấy như thể đang

chật vật xoay xở với chiếc va li nặng trĩu. Có ánh sáng ở trong phòng. Bill bước ra và gặp tôi nơi hành lang.

“Tôi bảo này,” anh nói, “cậu lên nói chuyện với Cohn đi. Hắn mềm như bún rồi, và hắn đòi gặp cậu.”

“Cứ bảo hắn biến đi cho khuất mắt tôi.”

“Thôi nào. Cậu lên gặp hắn đi.”

Tôi không muốn trèo thêm một bậc thang nào nữa.

“Cậu nhìn gì tôi thế?”

“Tôi không nhìn cậu. Cậu lên với Cohn đi. Trông hắn tệ lắm.”

“Lúc nãy cậu say khướt,” tôi nói.

“Tôi say rồi,” Bill nói. “Nhưng cậu lên gặp Cohn đi. Hẳn muốn được nói chuyện với cậu.”

“Được rồi,” tôi nói. Chỉ là vấn đề trèo lên một thang gác nữa. Tôi lên gác cùng với chiếc va li ảnh của mình. Tôi đi dọc hành lang tới phòng Cohn. Cửa đóng và tôi gõ cửa.

“Ai đấy?”

“Barnes.”

“Vào đi, Jake.”

Tôi mở cửa và bước vào, rồi đặt va li xuống. Căn phòng không có ánh đèn. Cohn đang nằm đó, úp mặt, trên giường trong bóng tối.

“Chào, Jake.”

“Đừng có gọi tôi là Jake.”

Tôi đứng bên cửa. Cứ như thể tôi đã trở về nhà vậy. Giờ đây những gì tôi cần là được tắm nước nóng. Một cái bồn rộng, đồ đầy nước nóng mà tôi có thể nằm duỗi chân.

“Phòng tắm ở đâu?” tôi hỏi.

Cohn khóc. Gã nằm đó, úp mặt xuống giường, bật khóc.

Gã mặc chiếc áo polo màu trắng, loại áo mà gã vẫn mặc hồi còn ở Princeton.

“Tôi xin lỗi, Jake ạ. Cậu thứ lỗi cho tôi nhé.”

“Thứ lỗi cái quái gì.”

“Xin cậu hãy tha thứ cho tôi, Jake.”

Tôi không nói gì. Tôi đứng đó bên khung cửa.

“Tôi đã điên lên. Cậu phải thấy điều đấy xảy ra như thế nào.”

“Ồ, không sao.”

“Tôi không chịu được điều ấy về Brett.”

“Cậu gọi tôi là thằng ma cô.”

Tôi không quan tâm nữa. Giờ tôi chỉ muốn được tắm nước nóng. Tôi chỉ muốn được ngâm mình trong nước nóng.

“Tôi biết. Xin cậu đừng nhớ đến nó nữa. Lúc ấy tôi đã lên cơn điên.”

“Thôi được rồi.”

Gã khóc. Tiếng gã nghe thật kỳ. Gã nằm đó trên giường với chiếc áo trắng trong bóng tối. Cái áo polo của gã.

“Sáng mai tôi sẽ đi.”

Gã khóc không thành tiếng.

“Tôi không chịu đựng được về Brett. Tôi cảm thấy tệ lắm, Jake ạ. Cứ như là ở địa ngục vậy. Khi tôi gặp cô ấy dưới kia Brett đối xử với tôi như thể tôi là kẻ xa lạ nào ấy. Tôi không chịu được như thế. Chúng tôi đã ở với nhau ở San Sebastian. Tôi nghĩ là cậu biết rồi. Tôi không thể chịu đựng được nữa.”

Gã nằm đó trên giường.

“À,” tôi nói, “tôi đi tắm thôi.”

“Cậu là người bạn duy nhất của tôi, và tôi yêu Brett lắm.”

“À,” tôi nói, “chào nhé.”

“Tôi nghĩ là chẳng có tác dụng gì cả,” gã nói. “Chẳng có tác dụng cái quái gì cả.”

“Cái gì?”

“Mọi cái. Xin cậu hãy nói rằng cậu tha thứ cho tôi, nhé, Jake.”

“Được rồi,” tôi nói. “Không sao cả.”

“Tôi thấy tệ quá. Tôi cảm thấy tệ khủng khiếp, Jake ạ. Giờ thì mọi việc kết thúc rồi. Tất cả.”

“À,” tôi nói, “chào nhé. Tôi phải

đi thôi.”

Gã lẩn qua và ngồi bên mép giường, rồi đứng dậy.

“Tạm biệt, Jake,” gã nói. “Cậu bắt tay với tôi nhé, được không?”

“Được chứ. Sao không?”

Chúng tôi bắt tay nhau. Trong bóng tối tôi không nhìn rõ được mặt gã.

“Ồ,” tôi nói, “gặp lại cậu sáng mai.”

“Tôi sẽ rời đi vào buổi sáng.”

“À, ừ,” tôi nói.

Tôi bước ra. Cohn đứng bên cửa phòng.

“Cậu ổn chứ, Jake?” gã hỏi.

“À, ừ,” tôi trả lời. “Tôi ổn.”

Tôi không thể tìm thấy phòng tắm. Phải mất một lúc tôi mới tìm ra nó. Có một bồn tắm sâu bằng đá. Tôi vịn vôi và không thấy nước chảy ra. Tôi ngồi xuống bên bồn tắm. Khi tôi đứng lên để đi ra tôi nhận thấy mình đã cởi giày ra. Tôi nhìn quanh rồi cũng tìm thấy đôi giày rồi mang chúng xuống lầu. Tôi tìm thấy phòng mình rồi đi vào rồi cởi quần áo và lên giường nằm.

Chương 17.2

Tôi thức giấc thấy đầu đau nhức và có tiếng ồn ào bên dưới đường. Tôi nhớ ra tôi đã hứa với cô bạn Edna của Bill là sẽ dẫn cô đi xem mấy con bò chạy qua phố tiến vào đấu trường. Tôi mặc đồ vào và đi xuống lầu và bước vào buổi sáng sớm se lạnh. Mọi người vội vã vượt qua quảng trường, tiến về phía đấu trường. Bên kia quảng trường là hai hàng người trước quầy bán vé. Họ vẫn chờ quầy vé

mở cửa vào lúc bảy giờ. Tôi vội vàng đi sang đường tới quán café. Người phục vụ nói rằng các bạn tôi đã tới đây và đã đi rồi.

“Bọn họ có mấy người?”

“Hai ông và một bà.”

Đúng là họ. Bill và Mike cùng với Edna. Cô ấy sợ tối qua họ bất tỉnh. Đó là lý do vì sao mà tôi hứa sẽ dẫn cô đi. Tôi uống cà phê và vội vã đi cùng những người khác ra đấu trường. Tôi không còn chệch choạng nữa. Chỉ còn thấy đau đầu khủng khiếp. Mọi thứ đều sắc nét và rõ ràng, và thị trấn có mùi của một buổi sớm mai.

Phần dôi ra của khoảng đất ở bên rìa thị trấn cho tới đấu trường

trở nên lầy lội. Có một đám đông đứng dọc hàng rào trên con đường dẫn tới đấu trường, và bên ngoài các ban công và trên nóc đấu trường cũng chật ních người. Tôi nghe thấy tiếng pháo hiệu và tôi biết là tôi không thể vào đấu trường kịp giờ để xem đàn bò tiến vào, nên tôi len qua đám đông tới bên hàng rào. Tôi bị đẩy gần về phía hàng rào. Giữa hai hàng rào là đường chạy mà cảnh sát đã xua hết người đi. Họ đi hoặc chạy lạch bạch về phía đấu trường. Mọi người bắt đầu chạy đến. Một gã say trượt chân rồi ngã xuống. Hai viên cảnh sát xốc nách anh ta dậy và đẩy vào bên trong hành rào. Đám đông bắt đầu tăng tốc. Có tiếng hét vang lên từ trong đám đông, tôi ló đầu qua mấy tấm ván và nhìn thấy lũ bào

vừa lao xuống phố vào đường chạy dài. Chúng di chuyển nhanh và lấn sát vào đám đông. Rồi ngay sau đó một gã say khác xuất hiện ở hàng rào với chiếc áo sơ mi ở trong tay. Anh ta muốn làm cái việc đấu vãi điều với đám bò. Hai viên cảnh sát giật lấy cái áo, tóm lấy anh ta, một người đánh anh ta bằng cái dùi cui, và họ kéo anh ta về phía hàng rào và dựa sát vào hàng rào khi đám đông và những con bò cuối cùng chạy qua. Có rất nhiều người chạy trước lũ bò khiến đám người như đông thêm và nghẽn lại khi vượt qua cánh cổng dẫn vào đấu trường, và lũ bò vượt qua, cùng nhau phi nước đại, nặng nề, thân thể bần thủ, sừng dung đưa, một con húc về phía trước, hất một người đàn ông trong đám đông đang chạy tụt

lại phía sau và quật tung ông ta lên không trung. Cả hai cánh tay của người đàn ông đều ở bên mình, cái đầu của ông ta hướng về phía sau khi cặp sừng đâm vào, và con bò hất ông ta lên rồi thả xuống. Con bò chọn thêm một người nữa từ đám người đang chạy đằng trước, nhưng người đàn ông đã biến mất vào trong đám đông, và đám đông đã vượt qua cánh cổng và tiến vào đấu trường với những con bò ở phía sau. Cánh cửa màu đỏ của đấu trường đóng lại, đám đông trên những ban công bên ngoài đấu trường đang đổ vào bên trong, có một tiếng hét, rồi một tiếng hét khác.

Người đàn ông bị thương nằm úp mặt xuống mặt bùn bị giày

xéo. Người ta trèo qua hàng rào, và tôi không thể nhìn thấy người đàn ông bởi vì đám đông đang vây quanh ông ta chặt cứng. Bên trong đấu trường vang lên tiếng hét. Mỗi tiếng hét nghĩa là một cuộc tấn công từ con bò vào đám đông. Anh có thể dựa vào cường độ của tiếng hét để biết được chuyện diễn ra tồi tệ đến mức nào. Pháo hiệu bắn lên cho biết lũ trâu đực non đã dụ được mấy con bò ra khỏi vòng đấu và đi vào bãi quây. Tôi rời hàng rào và quay trở về thị trấn.

Quay lại thị trấn tôi bước vào quán café để uống ly cà phê thứ hai với bánh mì nước bơ. Anh bồi đang lau sàn nhà và mấy cái bàn. Một người khác tiến tới và nghe tôi gọi món.

“Có chuyện gì ở chỗ encierro¹²¹ thế ạ?”

“Tôi không nhìn thấy rõ. Hình như có một người đàn ông bị cogido[cogido: (tiếng TBN) húc] ghê lắm.”

“Ở chỗ nào ạ?”

“Ở đây.” Tôi đặt một tay lên một điểm nhỏ của lưng mình và tay kia lên ngực, nơi có vẻ như cặp sừng phải xuyên hẳn qua. Người bồi bàn gạt đầu và lau vụn bánh mì bằng cái khăn trên tay anh ta.

“Cogido quá nặng,” anh ta nói. “Tất cả chỉ vì thể thao. Chỉ vì giải trí.”

Anh ta quay đi và trở lại với một bình cà phê lớn cùng ấm sữa. Anh

121 encierro: (tiếng TBN) hàng rào

ta đổ sữa và cà phê vào cốc. Chúng chảy ra thành hai tia dài vào một cái cốc lớn. Người bồi bàn gật đầu.

“Cogido rất nặng ở lưng,” anh ta nói. Anh ta đặt cái bình xuống mặt bàn và ngồi xuống một chiếc ghế cạnh đó. “Một cú đâm mạnh bằng sừng. Tất cả chỉ vì vui. Chỉ vì vui. Ông nghĩ sao?”

“Tôi cũng không biết nữa.”

“Thế đấy. Tất cả chỉ vì vui. Vui, ông thấy đấy.”

“Cậu không phải là một aficionado?”

“Tôi ư? Lũ bò ấy là cái gì chứ? Súc vật. Những con vật dã man.” Anh ta đứng thẳng người và đặt tay ra sau lưng. “Xuyên qua lưng.

Một cornada¹²² xuyên qua lưng. Vì vui – ông biết đấy.”

Anh ta lắc đầu và rời đi, mang theo bình cà phê. Hai người đàn ông đi qua trên phố. Người bồi bàn gọi họ lại. Trông họ như vừa đội mồ dậy. Một người lắc đầu. “Muerto¹²³!” anh ta nói với lại.

Người bồi bàn gật đầu. Hai người đàn ông tiếp tục đi. Họ như đang vội vàng lo việc gì đó. Người bồi bàn tiến lại chỗ tôi.

“Ông nghe thấy chưa? Muerto. Chết rồi. Anh ta chết rồi. Cái sừng đâm xuyên qua anh ta. Tất cả chỉ vì mấy trò vui buổi sáng. Es muy flamenco¹²⁴.”

122 cornada: (tiếng TBN) cú đâm

123 muerto: (tiếng TBN) chết rồi

124 Es muy flamenco: (tiếng TBN) Rất là flamenco./

“Tệ quá.”

“Không dành cho tôi,” anh bồi trả lời. “Với tôi thì nó chẳng vui tẹo nào.”

Sau đó chúng tôi biết rằng người đàn ông bị chết có tên là Vicente Girones, anh ta đến từ vùng lân cận Tafalla. Ngày hôm sau báo đưa tin rằng anh ta hai mươi tám tuổi, có một trang trại, một vợ, và hai con. Anh ta năm nào cũng dự fiesta kể từ sau khi kết hôn. Ngày tiếp theo đó vợ anh ta từ Tafalla tới để nhận cái xác,

Flamenco là một thể nhạc và điệu nhảy xuất phát từ Andalusia Tây Ban Nha, thường có liên hệ đến dân du mục châu Âu (gypsy). Nhạc Flamenco có đặc điểm ở các đoạn rất nhanh nhưng chi tiết (điển hình là cách búng ngón tay phải tròn đều và nhanh khi chơi đàn guitar flamenco). Đặc điểm của điệu nhảy Flamenco là những tư thế riêng biệt, tiếng búng hay vỗ tay và tiếng giày gỗ nhịp điệu trên sàn nhảy (thường là sàn gỗ).

và ngày tiếp theo đó có một buổi lễ được cử hành ở nhà nguyện của San Fermin, và cỗ quan tài được khiêng ra ga xe lửa bởi các thành viên thuộc cộng đồng nhảy múa và chè chén của Tafalla. Tiếng trống nổi lên trước tiên, rồi đến tiếng nhạc từ những cây tiêu, phía sau mấy người đàn ông khiêng quan tài là bà vợ và hai đứa con... Đằng sau họ là tất cả các thành viên của cộng đồng nhảy múa và chè chén của Pamplona, Estella, Tafalla, và Sanguesa – những người còn có thể đứng vững để tới dự buổi tang lễ. Cỗ quan tài được đưa tới một khoang chở hàng trên tàu hỏa, và người góa phụ cùng hai đứa trẻ ngồi ở toa hành khách hạng ba. Con tàu bắt đầu khật khừ, và rồi chạy êm ru, chậm chậm đi xuống men

theo thung lũng và đi vào những cánh đồng ngũ cốc dập dờn trước gió, trở về Tafalla.

Con bò giết chết Vicente Girones có tên Bocanegra, đeo số hiệu 118 của trại nhân giống Sanchez Taberno, và bị giết bởi Pedro Romero với thứ tự số ba trong cùng chiều hôm đó. Tai nó bị cắt trong tiếng reo vang nghệt liệt và được trao cho Pedro Romero, rồi, cậu ta, lại tặng nó cho Brett, nàg gói nó lại bằng chiếc khăn tay thuộc về tôi, và vút lại cả hai cái tai cùng chiếc khăn, với mấy cái đầu lọc thuốc lá hiệu Muratii vào góc trong cùng của ngăn kéo cái tủ kê đầu giường ở khách sạn Montoya, ở Pamplona.

Quay về khách sạn, người gác cửa ca đêm đang ngồi trên chiếc tràng kỷ phía sau cánh cửa. Ông ta đã ở đó cả đêm và rất buồn ngủ. Ông đứng dậy khi chúng tôi bước vào. Ba người nữ hầu phòng cũng bước vào cùng lúc. Họ đã đi xem buổi biểu diễn sáng ở đấu trường. Họ vừa cười vừa bước lên cầu thang. Tôi theo chân họ bước lên lầu và vào phòng mình. Tôi cởi giày ra và nằm xuống giường. Cửa ra ban công để mở và cả căn phòng tràn ngập ánh nắng. Tôi không thấy buồn ngủ. Hẳn đã quá ba giờ rưỡi khi tôi nằm xuống và tiếng ban nhạc đánh thúc tôi dậy lúc sáu giờ. Hai bên hàm tôi đau đớn. Tôi cảm thấy thế với đầu ngón tay cái và mấy ngón tay còn lại. Thằng Cohn khốn nạn. Gã nên đánh ai đó và lần

đầu gã bị sỉ nhục và biến hẳn đi. Gã cứ đinh ninh rằng Brett yêu gã. Gã cứ ở lại, và hi vọng tình yêu chân chính sẽ chinh phục tất cả. Có ai đó gõ cửa.

“Vào đi.”

Đó là Bill và Mike. Họ ngồi xuống bên giường.

“Có vài vụ ở encierro,” Bill nói.
“Vụ ở encierro kinh lắm.”

“Cậu không có ở đó à?” Mike hỏi. “Gọi bia đi, Bill.”

“Thật là một buổi sáng tuyệt vời!” Bill nói. Anh xoa mặt. “Chúa tôi! Đúng là một sáng ro trò! Và bạn hiền Jake đây rồi. Bạn Jake già, bao cát người.”

“Bên trong đấu trường có chuyện gì thế?”

“Chúa lòng lành!” Bill nói, “có chuyện gì thế, Mike?”

“Có mấy con bò chạy vào,” Mike trả lời. “Ngay trước chúng là đám đông, một vài anh chàng bị vấp và kéo cả lũ cùng ngã xuống.”

“Và lũ bò tiến tới họ ngay tắp lự,” Bill tiếp lời.

“Tôi nghe thấy tiếng họ la hét.”

“Của Edna đấy,” Bill nói.

“Bọn họ vẫn đi ra ngoài và vẫy áo sơ mi như thường.”

“Một con bò đi tới hàng rào gỗ và húc mọi người ở đó.”

“Phải có đến hai mươi người vào bệnh xá ấy chứ,” Mike nói.

“Đúng là một sáng ra trò!” Bill nói. “Gã khốn cảnh sát kia bắt hết mấy người muốn tham gia tự sát với lũ bò.”

“Mấy con trâu đực non chế ngự được chúng, vào lúc cuối,” Mike nói.

“Sự việc diễn ra trong khoảng một tiếng.”

“Thực sự thì chỉ một phần tư giờ thôi,” Mike nhận định.

“Ôi, anh biến đi,” Bill nói. “Anh đã từng đi lính có khác. Nó dài những hai tiếng rưỡi đối với tôi đấy.”

“Bia đâu ấy nhỉ?” Mike hỏi.

“Các vị đã làm gì với Edna đáng yêu rồi?”

“Tôi vừa đưa cô ấy về. Nàng đi ngủ rồi.”

“Cô ấy thế nào?”

“Ồn. Tôi bảo cô ấy sáng nào cũng như thế cả.”

“Cô nàng ấn tượng lắm,” Mike nói.

“Cô nàng cũng muốn bọn này xuống dưới đường chạy nữa,” Bill nói. “Cô ấy cứ thích mấy trò hành động.”

“Tôi bảo như thế thì không được công bằng với mấy vị cho tôi vay tiền lắm,” Mike nói.

“Một buổi sáng tuyệt vời,” Bill nói. “Và một đêm vĩ đại!”

“Hàm cậu sao rồi, Jake?” Mike hỏi.

“Đau lắm,” tôi trả lời.

Bill bật cười.

“Sao cậu không lấy ghế nện lại hăn?”

“Cậu cứ nói thế,” Mike nói. “Hăn cũng sẽ hạ cậu thôi. Tôi có trông thấy hăn đâm tôi đâu. Tôi cứ cho rằng tôi đang nhìn hăn, ấy thế mà dùng một cái tự nhiên tôi ngồi bệt xuống đường, còn Jake thì nằm luôn dưới gầm bàn.”

“Sau đó hăn đi đâu?” tôi hỏi.

“Đây rồi,” Mike nói. “Quý cô

xinh đẹp và những chai bia.”

Cô hầu phòng đặt chiếc khay đựng mấy chai bia và cốc xuống bàn.

“Cô mang lên thêm ba chai nữa nhé,” Mike dặn.

“Cohn đi đâu sau khi đắm tôi?” tôi hỏi Bill.

“Cậu không biết gì à?” Mike mở một chai bia. Anh rót bia vào một cái cốc, giữ cốc ở gần cái chai.

“Thật á?” Bill hỏi.

“Hắn đi về khách sạn và tìm thấy Brett cùng với anh bạn đấu sĩ kia ở trong phòng anh ta, rồi sau đó hắn hạ sát anh chàng đấu sĩ tội nghiệp trong vũng máu.”

“Ôi không.”

“Thật đấy.”

“Một đêm ra trò!” Bill nói.

“Hắn gần như giết chết anh chàng đấu sĩ tội nghiệp kia. Rồi Cohn muốn đưa Brett đi cùng với hắn. Muốn khơi gợi một người phụ nữ thuần khiết nơi nàng, tôi cho là thế. Ôi đúng là một cảnh cảm động kinh người.”

Anh nốc một ngụm bia lớn.

“Hắn là một thằng khốn.”

“Chuyện gì xảy ra thế?”

“Brett làm chuyện phải làm thôi. Cô ấy bảo hắn biến đi. Tôi nghĩ cô ấy đã quá tốt với hắn.”

“Tôi cũng cho là thế,” Bill nói.

“Rồi Cohn sụp xuống và khóc, và muốn bắt tay với anh chàng đấu sĩ kia. Hăn cũng muốn bắt tay với cả Brett nữa.”

“Cái này thì tôi biết. Hăn đã bắt tay tôi.”

“Thế à? Ôi, chẳng ai thỏa mãn được hăn cả. Anh chàng đấu sĩ kia cũng khá lắm. Cậu ta chẳng nói gì nhiều, nhưng cậu ta cứ đứng lên rồi lại bị ăn đấm. Cohn không hạ được cậu ta. Ôi, cảnh ấy phải buồn cười kinh khủng.”

“Anh nghe mấy thứ đấy ở đâu?”

“Brett. Tôi gặp cô ấy sáng nay.”

“Thế cuối cùng thì sao?”

“Hình như là chàng đấu sĩ đang ngồi trên giường. Cậu ta bị hạ sau mười lăm phút, và cậu ta vẫn muốn chiến tiếp. Brett ngăn cậu ta lại và không cho cậu ta đứng lên. Cậu ta yếu lắm, nhưng Brett không giữ được cậu ta, và cậu ta đứng lên. Rồi Cohn bảo rằng hấn không đánh cậu ta nữa. Nói rằng hấn không làm thế được. Cho là như thế thì bệnh quá. Thế là anh chàng kia lão đảo lao vào hấn. Cohn lùi về phía tường.”

“ ‘Thế anh không đánh tôi nữa?’

“ ‘Không,’ Cohn nói. ‘Tôi thấy xấu hổ lắm.’

“Thế là anh chàng đấu sĩ đâm mạnh nhất có thể vào mặt hấn, rồi ngồi bệt xuống sàn. Cậu ta không

đứng lên được, Brett bảo thế. Cohn muốn đỡ cậu ta dậy và dìu cậu ta đến bên giường. Cậu ta bảo nếu Cohn mà làm thế thì cậu ta sẽ giết hẳn, và cậu ta cũng sẽ giết Cohn nếu gã không biến đi vào sáng nay. Cohn khóc, và Brett bảo hẳn thôi đi, và hẳn muốn bắt tay. Đoạn này thì tôi kể rồi.”

“Kể nốt đoạn sau đi,” Bill nói.

“Hình như anh bạn đấu sĩ đang ngồi trên sàn. Cậu ta đợi lấy lại sức để đứng lên đánh Cohn. Brett không chịu bắt tay, còn Cohn thì vừa khóc vừa nói với cô ấy rằng hẳn yêu cô ấy lắm, và cô ấy thì bảo hẳn đừng có khốn nạn nữa. Thế rồi Cohn cúi xuống để bắt tay anh bạn kia. Không có gì cả, cậu biết đấy.

Chỉ để xin tha thứ thôi. Thế là cậu ta đâm thêm một quả nữa vào mặt hẳn.”

“Cậu ta cũng khá quá,” Bill nói.

“Cậu ta đánh gục Cohn,” Mike nói. “Tôi nghĩ là Cohn sẽ không bao giờ muốn hạ gục ai nữa cả.”

“Anh gặp Brett khi nào?”

“Sáng nay. Cô ấy quay lại phòng tôi để lấy mấy thứ. Cô ấy đang chăm sóc cái cậu trai Romero kia.”

Anh rót ra một chai bia khác.

“Brett đáng lý ra nên thôi đi thì hơn. Nhưng cô ấy lại thích chăm sóc người khác. Đây cũng là lý do mà chúng tôi đến với nhau. Cô ấy luôn chăm nom tôi.”

“Tôi hiểu mà,” tôi nói.

“Tôi thì nên say,” Mike nói. “Tôi nghĩ là tôi nên say thì hơn. Chuyện này hài hước quá, nhưng cũng chẳng dễ chịu gì. Nó chẳng dễ chịu một chút nào cả đối với tôi.”

Anh uống sạch chỗ bia.

“Tôi đã nói thẳng với Brett, cậu biết đấy. Tôi bảo với cô ấy rằng nếu cô ấy cứ đi với thằng Do Thái và gã đầu sĩ và những người kiểu đấy, thì cô ấy chỉ có chuốc lấy khổ mà thôi.” Anh cúi người về trước. “Tôi nói, Jake ạ, cậu cho tôi uống luôn chai của cậu nhé? Cô kia sẽ mang lên cho cậu chai mới.”

“Cứ uống đi,” tôi nói. “Đằng nào thì tôi cũng không uống đâu.”

Mike bắt đầu mở nắp chai bia. “Cậu mở hộ tôi nhé?” Tôi mở chai bia và rót ra cốc cho anh.

“Cậu biết đấy,” Mike tiếp tục, “Brett thì tốt. Cô ấy lúc nào cũng tốt. Tôi thổ lộ với cô ấy nỗi sợ hãi thâm kín về bọn Do Thái và đấu sĩ bò tót, và tất cả những loại người ấy, và cậu biết cô ấy nói gì không: ‘Vâng. Tôi từng có một đời hạnh phúc chó chết với một thằng quý tộc người Anh!’”

Anh uống một ngụm bia.

“Cái chuyện đấy cũng kỳ khôi. Ashley, cái gã mà cô ấy cưới ý, là thủy thủ, cậu biết đấy. Tòng nam tước đời thứ chín. Khi gã về nhà, gã đâu có chịu ngủ trên giường. Gã luôn đòi Brett phải ngủ dưới

sàn. Cuối cùng, khi gã yếu đi, gã thường bảo rằng gã sẽ giết cô ấy. Gã đó luôn ngủ với một cây súng được lên nòng sẵn. Brett tháo đạn ra khi gã ngủ say. Brett ấy, cô ấy chưa bao giờ hạnh phúc cả. Toàn là nhục nhã. Nhưng cô ấy thích những thứ như thế.”

Anh đứng dậy. Bàn tay anh run run.

“Tôi về phòng thôi. Tôi phải cố ngủ đi một chút.”

Anh mỉm cười.

“Bọn mình chơi bời kinh quá mà chẳng ngủ nghê gì trong những lễ hội kiểu này. Giờ thì tôi sẽ bắt đầu ngủ thật nhiều. Không ngủ thật tệ quá. Thần kinh của tôi cứ căng hết cả lên.”

“Chiều nay bọn này sẽ gặp anh ở Iruna,” Bill nói.

Mike đi ra cửa. Chúng tôi nghe thấy tiếng anh ở phòng bên.

Anh rung chuông và người hầu phòng tiến tới và gõ cửa.

“Mang lên cho tôi nửa tá bia và một chai Fundador,” Mike bảo cô ta.

“Si, Señorito[Si, Señorito: (tiếng TBN) Vâng, thưa ông].”

“Tôi đi ngủ đây,” Bill nói. “Tôi nghiệp anh bạn Mike. Tôi phải chịu cả một đống chuyện với anh ta tối qua.”

“Ở đâu? Ở cái quán Milano đấy à?”

“Ừ. Có một tay ở đó đã từng giúp Brett và Mike trả tiền hồi ở Cannes. Hẳn ta kinh khủng lắm.”

“Tôi biết chuyện đấy rồi.”

“Tôi thì lại không. Không ai có quyền được nói gì về Mike hết.”

“Thế mới khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ.”

“Họ không được phép. Tôi ước gì họ không có quyền gì cả. Thôi tôi đi ngủ đây.”

“Có ai bị giết ở đấu trường không?”

“Tôi không nghĩ thế. Chắc là chỉ bị thương nặng thôi.”

“Có người chết ở đường chạy
đấy.”

“Thế á?” Bill nói.

Chương 18.1

Vào buổi trưa tất cả chúng tôi đều có mặt ở quán café. Quán chật ních người. Chúng tôi gọi món tôm và uống bia. Cả thị trấn toàn là người. Con đường nào cũng đông đúc. Những chiếc xe ca lớn từ Biarritz và San Sebastian nối đuôi nhau vào thị trấn và đổ quanh quảng trường. Chúng chờ người tới xem trận đấu. Cả những chiếc xe đi ngắm cảnh cũng có mặt. Có một chiếc chở hai mươi

nhằm phụ nữ Anh. Họ ngồi trong một chiếc xe to màu trắng và nhìn fiesta bằng những chiếc ống nhòm. Các vũ công đã xin đến nơi. Hôm ấy là ngày cuối cùng của fiesta.

Fiesta rất bền chặt và không thể phá vỡ, nhưng xe ô tô và xe du lịch tạo thành những ốc đảo nhỏ của những kẻ bàng quan. Khi những chiếc xe rỗng không, người xem lẫn vào đám đông. Anh không thể tìm ra họ ngoại trừ những bộ đồ thể thao kỳ dị tại một chiếc bàn nào đó giữa đám nông dân trong chiếc áo khoác ngoài màu đen. Fiesta nuốt trọn cả những người Anh đến từ Biarritz nên anh không thể nhìn thấy họ trừ khi anh tiến lại thật gần. Lúc nào trên phố cũng vang tiếng nhạc. Trống tiếp tục

gỗ đều và tiếng sáo dặt dìu. Trong các quán café những người đang ông tỳ tay lên bàn, hoặc khoác vai người kè bên, rống lên mấy bài ca.

“Brett đến này,” Bill thông báo.

Tôi nhìn ra và thấy nàng đang đến từ phía đám đồng bên kia quảng trường, nàng bước đi và ngẩng cao đầu, như thể fiesta đã nhen lên trong nàng niềm kiêu hãnh, và nàng cảm thấy vui lòng và phấn khởi.

“Chào các anh!” nàng nói. “Em thấy, em khát quá.”

“Thêm một ly bia lớn nữa nhé,” Bill nói với người phục vụ.

“Tôm nhé?”

“Cohn đi rồi à?” Brett hỏi.

“Ừ,” Bill trả lời. “Hắn thuê một chiếc xe.”

Bia được đưa ra. Brett nâng chiếc cốc lên và tay nàng run run. Nàng nhìn thấy và mỉm cười, rồi hướng về trước và nhấp một ngụm lớn.

“Bia ngon quá.”

“Rất ngon,” tôi nói. Tôi khá lo lắng về Mike. Tôi không nghĩ là anh ngủ được. Chắc là anh uống suốt, nhưng anh dường như vẫn có thể tự chủ.

“Em nghe nói Cohn đánh anh, Jake,” Brett nói.

“Không. Hắn hạ gục anh. Thế thôi.”

“Để em kể cho nghe, hần ta cũng đánh cả Pedro Romero nữa,” Brett nói. “Hần đánh anh ấy kinh lắm.”

“Cậu ta thế nào rồi?”

“Anh ấy sẽ ổn thôi. Anh ấy không hề ra khỏi phòng.”

“Trông cậu ta tệ lắm à?”

“Tệ lắm. Hần đánh anh ấy đau lắm. Em bảo anh ấy là em muốn chạy ra ngoài để gặp các anh một phút.”

“Cậu ấy còn đấu được không?”

“Có. Tí nữa em sẽ đi cùng mấy anh nhé.”

“Bạn trai em thế nào rồi?” Mike

hỏi. Anh không nghe mấy lời Brett nói.

“Brett có một gã đấu sĩ,” anh nói. “Cô ấy có một gã Do Thái tên Cohn, nhưng gã tỏ ra tệ quá.”

Brett đứng lên.

“Em sẽ không nghe những thứ khốn kiếp ấy của anh đâu, Michael.”

“Thằng bồ của em thế nào rồi?”

“Tốt lắm,” Brett nói. “Anh sẽ thấy anh ấy chiều nay.”

“Brett có một gã đấu sĩ,” Mike nói. “Một thằng đấu sĩ đẹp mã, huyết chiến.”

“Anh đi dạo với em một chút nhé? Em cần nói chuyện với anh, Jake.”

“Kể cho cậu ấy nghe về thằng đầu bò của cô đi,” Mike nói. “Ôi, cô biến đi với cái thằng khốn ấy đi!” Anh hất mạnh cái bàn khiến tất cả bia và đĩa tôm rơi xuống đất vỡ tan.

“Đi thôi,” Brett giục. “Hãy ra khỏi đây thôi.”

Khi lẫn vào đám đông trên quảng trường tôi hỏi: “Thế nào rồi?”

“Em sẽ không gặp anh ấy sau bữa trưa cho tới trận đấu. Người của anh ấy đến và chuẩn bị cho anh ấy rồi. Họ giận em lắm, anh ấy nói thế.”

Brett trông rạng rỡ. Nàng đang hạnh phúc. Mặt trời xuất hiện và ngày sáng chói.

“Em cảm thấy hoàn toàn thay đổi,” Brett nói. “Anh không tin được đâu Jake ạ.”

“Em cần anh giúp gì không?”

“Không, anh chỉ cần đi xem trận đấu với em thôi.”

“Bọn này sẽ gặp lại em buổi trưa nhé?”

“Thôi. Em sẽ ăn cùng với anh ấy.”

Chúng tôi đứng dưới bóng râm bên cửa khách sạn. Họ đang mang bàn ra và kê chúng dưới tán cây.

“Anh có muốn quay lại công viên không?” Brett hỏi. “Em chưa muốn lên đó vội. Em đoán là anh ấy đang ngủ.”

Chúng tôi cùng bước đi, qua nhà hát, và ra khỏi quảng trường và qua các gian hàng hội chợ, cùng dịch chuyển với đám đông giữa những quầy hàng. Chúng tôi ra khỏi một con phố cắt ngang mà dẫn tới Paseo de Sarasate¹²⁵. Chúng tôi có thể nhìn thấy đám đông đang dạo chơi ở đó, tất cả đều ăn mặc hợp thời. Họ rẽ ngoặt vào phía cuối công viên.

“Đừng qua đó nữa,” Brett nói.
“Giờ thì em không muốn đi nữa.”

Chúng tôi đứng dưới nắng. Trời nóng và dễ chịu sau cơn mưa và mây lững thững trôi vào từ biển.

“Mong là gió lạnh xuống,” Brett
¹²⁵ Paseo de Sarasate: công viên ở trung tâm Pamplona

nói. “Mọi chuyện với anh ấy tệ lắm.”

“Anh cũng mong vậy.”

“Anh ấy nói lũ bò cũng ổn.”

“Ừ chúng được lắm.”

“Đấy là San Fermin ư?”

Brett nhìn vào bức tường màu vàng của nhà nguyện.

“Ừ. Lễ rước ngày Chủ nhật sẽ diễn ra ở đấy.”

“Mình vào trong đấy đi. Được không anh? Em muốn cầu nguyện một chút cho anh ấy hoặc làm gì đó.”

Chúng tôi đi qua cánh cửa nặng nề bọc da mà dịch chuyển rất nhẹ

nhàng. Bên trong tối om. Có nhiều người đang cầu nguyện. Anh có thể trông thấy họ khi mắt anh đã quen được với ánh sáng. Chúng tôi quỳ xuống bên một chiếc ghế gỗ dài. Sau một lúc tôi thấy Brett thẳng đơ người bên tôi, và tôi thấy nàng nhìn thẳng về phía trước.

“Đi thôi,” nàng thì thào. “Hãy ra khỏi nơi này. Nó làm em lo quá.”

Phía bên ngoài, con đường sáng sủa và nóng nực, Brett nhìn gió thổi qua ngọn cây. Buổi cầu nguyện hình như không được thành công cho lắm.

“Không hiểu sao em rất căng thẳng mỗi khi bước vào nhà thờ,” Brett nói. “Chẳng bao giờ có tác dụng gì với em cả.”

Chúng tôi bước đi.

“Em không phù hợp với không khí tôn giáo,” Brett nói. “Em có khuôn mặt không phù hợp.”

“Anh biết không,” Brett nói, “em không hề lo lắng về anh ấy. Em chỉ thấy hạnh phúc thôi.”

“Tốt rồi.”

“Em chỉ mong gió ngừng thì tốt.”

“Chắc là nó sẽ lặng lúc năm giờ.”

“Mình cứ hi vọng vậy.”

“Em nên cầu nguyện đi,” tôi cười.

“Nó chả có ích gì với em cả. Em

chưa bao giờ có được thứ gì mà em từng cầu nguyện. Còn anh?”

“Ồ, có chứ.”

“Ôi, bệnh thật,” Brett nói. “Có thể là nó hữu ích với vài người, dù anh chẳng có vẻ gì là ngoan đạo cả, Jake ạ.”

“Anh khá là ngoan đạo đấy chứ.”

“Ôi, tệ quá,” Brett nói. “Anh đừng có chơi trò cải đạo hôm nay đấy. Ngày hôm nay đã đủ tồi tệ rồi đấy.”

Đây là lần đầu tiên tôi thấy nàng lại trở về cái trạng thái hạnh phúc, vô tâm như trước khi nàng đi cùng với Cohn. Chúng tôi quay trở lại khách sạn. Tất cả các bàn đều được dọn ra, và rất nhiều bàn

đầy những người đang dùng bữa.”

“Anh trông chừng Mike nhé,” Brett nói. “Anh đừng để anh ấy bê tha quá.”

“Bệnh của bà đã lên lâu,” tay quản lý nhà hàng nói bằng thứ tiếng Anh trọ trẹ. Gã là kẻ luôn nghe lén. Brett quay sang gã:

“Cảm ơn anh nhé. Anh có gì muốn nói nữa không?”

“Không, thư pà.”

“Tốt,” Brett nói.

“Anh chuẩn bị giúp tôi một bàn ba người,” tôi nói với gã người Đức kia. Gã trình diễn nụ cười trắng hồng bệnh hoạn của gã.

“Pà có ăng ở đây không ạ?”

“Không đâu,” Brett trả lời.

“Thế thì tôi nghĩ bằng cho hai người là đủ.”

“Anh đừng nói gì với anh ấy,” Brett dặn. “Mike chắc đang suy sụp lắm,” nàng nói khi đã bước lên cầu thang.

Chúng tôi gặp Montoya ở cầu thang. Ông cúi đầu chào và không hề mỉm cười.

“Em sẽ gặp lại anh ở dưới quán café,” Brett nói. “Cám ơn anh nhiều lắm, Jake ạ.”

Chúng tôi dừng lại ở tầng mà chúng tôi thuê phòng. Nàng đi thẳng xuống hành lang và vào phòng của Romero. Nàng không gõ cửa. Nàng chỉ đơn giản là mở nó

ra, bước vào, và cánh cửa khép lại sau lưng nàng.

Tôi đứng trước phòng Mike và gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi vặn tay nắm và cánh cửa mở ra. Bên trong căn phòng bừa bộn khủng khiếp. Các túi đều được mở ra và quần áo vứt vung vãi khắp nơi. Hàng tá chai rỗng xếp hàng hàng bên giường. Mike nằm trên giường như một xác chết. Anh mở mắt và nhìn tôi.

“Chào Jake,” anh nói chậm rãi. “Tôi vừa chớp mắt một lúc. Tôi muốn ngủ được một chút từ lâu lắm rồi.”

“Để tôi kéo chăn cho anh nhé.”

“Không cần đâu. Tôi ấm rồi.”

“Đừng đi. Tôi vẫn chưa ngủ đâu.”

“Anh hãy ngủ một chút đi Mike. Đừng lo lắng nữa, cậu bé.”

“Brett cặp với một thằng đấu bò,” Mike lải nhải. “Nhưng thằng Do Thái của cô ấy thì biến rồi.”

Anh quay đầu nhìn tôi.

“Mới tuyệt làm sao chứ, nhỉ?”

“Ừ. Thôi, bây giờ thì chợp mắt đi, Mike. Anh phải chợp mắt đi một chút.”

“Tôi vừa mới bắt đầu đây. Tôi sẽ ngủ một chút.”

Anh nhắm mắt lại. Tôi ra khỏi phòng và khép cửa nhẹ nhàng. Bill đang đọc báo trong phòng tôi.

“Cậu có thấy Mike không?”

“Có.”

“Đi ăn gì đó đi.”

“Tôi không ngồi ăn dưới nhà với cái thằng quản lý người Đức kia đâu. Cái thằng đấy tọc mạch phát khiếp lên được khi tôi đưa Mike lên lầu.”

“Gã cũng tọc mạch về bọn tôi nữa.”

“Mình ra ngoài vậy.”

Chúng tôi xuống dưới nhà. Ở cầu thang chúng tôi chạm mặt một cô gái bùng theo chiếc khay đầy kín.

“Bữa trưa của Brett,” Bill đoán.

“Và thẳng nhỏ,” tôi thêm vào.

Bên ngoài hiên dưới mái vòm
gã quản lý nhà hàng người Đức
bước tới. Đôi gò má đỏ hồng của
gã sáng bóng lên. Gã tỏ ra lịch sự.

“Tôi cóa một cái bánh cho hai
quý ông đây ạ,” gã nói.

“Anh đi mà ngồi,” Bill nói.
Chúng tôi đi sang bên kia đường.

Chương 18.2

Chúng tôi dùng bữa trên con phố phía bên kia quảng trường. Trong quán toàn là đàn ông. Không gian đầy khói thuốc, mùi rượu và tiếng nhạc. Thức ăn ngon và rượu không hề tệ. Chúng tôi không nói với nhau nhiều. Sau đó chúng tôi tới quán café và chứng kiến fiesta lên tới đỉnh điểm. Brett quay lại ngay sau bữa trưa. Nàng nói nàng đã ghé qua phòng và thấy Mike đang ngủ.

Khi fiesta trở nên sôi sục và hướng về phía đấu trường, chúng tôi đứng dậy và bước đi theo đám đông. Brett ngồi trên khán đài giữa Bill và tôi. Ngay phía dưới chúng tôi là một hẻm nhỏ, lối đi nằm giữa khán đài và những chấn song màu đỏ của hàng rào. Phía sau chúng tôi là đám người đứng đông nghẹt như một bức tường bê tông vững chắc. Ngay phía trước, bên ngoài hàng rào đỏ, cát trên sân đấu có màu vàng và rất mịn. Nó hơi nặng một chút sau cơn mưa, nhưng nó đã khô lại dưới nắng và trở nên rắn chắc và mịn màng. Người giữ kiếm và người phục vụ đấu trường đi xuống hẻm, khoác trên vai họ cái giỏ liểu đựng áo choàng đấu và tấm vải đỏ¹²⁶. Chúng dính máu

126 tấm vải đỏ hay vải nhử (muleta): Muleta trong

và được quấn chặt lại và đặt vào trong giỏ. Người giữ kiếm mở ra một bao kiếm nặng bằng da khiến cái bọc cán kiếm màu đỏ lộ ra khi bao kiếm được dựng bên hàng rào. Họ trải tấm vải đỏ bị vấy những vết máu đỏ sẫm và cố định vào đó một cây gậy để cho tấm vải được kéo căng ra và đấu sĩ có thể tì vào đó. Brett theo dõi không sót một chi tiết nào. Nàng bị chinh phục

tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là cây gậy, dùng để chỉ một dụng cụ trong môn đấu bò, bao gồm một cây gậy được gắn vào tấm vải màu đỏ, và được sử dụng ở phần cuối của trận đấu bò. Nó khác hẳn với tấm áo choàng mà đấu sĩ sử dụng vào phần đầu của trận đấu (capote de brega).

Muleta thường bao bọc thanh kiếm, và trong các động tác lúc ban đầu trận đấu với áo choàng, người đấu sĩ bò tốt sử dụng nó để thu hút sự chú ý của con bò với hàng loạt những cú qua người, để thu hút sự chú ý của con bò qua đó. Màu đỏ của muleta thực ra không có vai trò gì vì trên thực tế bò tốt bị mù màu. Màu sắc đỏ của muleta chỉ có ý nghĩa về mặt nghi thức truyền thống và để cho các vết máu không lộ rõ.

bởi những cử chỉ thành thực nơi họ.

“Tên của anh ấy được khắc trên tất cả áo choàng và tấm vải đỏ,” nàng nói. “Tại sao người ta lại nó là tấm vải đỏ nhỉ?”

“Anh cũng không biết nữa.”

“Không biết họ có bao giờ giặt chúng không nhỉ.”

“Anh không nghĩ thế. Như thế chắc là làm hỏng màu vải mất.”

“Máu sẽ làm cho chúng cứng lại,” Bill nói.

“Buồn cười thật,” Brett nói. “Làm sao mà người ta không bận tâm đến đồng máu ấy được nhỉ.”

Bên dưới, trong lối đi hẹp của

con hẻm người giữ kiếm đang sắp xếp mọi thứ. Mọi chỗ ngồi đều đầy người. Phía trên, những chỗ ngồi trong khoang riêng cũng đông nghẹt. Không còn một ghế trống nào ngoại trừ khoang Tổng thống. Khi ông ta tới trận đấu sẽ được bắt đầu. Qua mặt cát mịn, nơi cánh cửa cao vút dẫn vào vòng quay, các đấu sĩ đang đứng, tay khoanh lại dưới tấm áo choàng của họ, nói chuyện, đợi chờ dấu hiệu bắt đầu từ phía bên kia trường đấu. Brett nhìn họ qua chiếc ống nhòm.

“Này, anh muốn xem không?”

Tôi nhìn qua ống nhòm và thấy ba đấu sĩ. Romero đứng ở giữa, Belmont ở bên trái cậu, Marcial bên tay phải. Đằng sau

họ là những người của mình, và ngay sau đó là những người trợ giúp đấu sĩ đâm lao vào bò, đằng sau lối vào và không gian mở của bãi quây, tôi nhìn thấy các kị mã đâm giáo. Romero mặc một bộ đồ màu đen. Cái mũ ba sừng của cậu trùm xuống che mắt. Tôi không thể nhìn rõ mặt cậu dưới chiếc mũ đó, nhưng nó thật tệ. Cậu nhìn thẳng về phía trước. Marcial đang hút một điếu thuốc bằng điếu bộ đầy thận trọng, giữ nó trong bàn tay. Belmont nhìn thẳng, khuôn mặt ông ta xanh xao và vàng vọt, cái hàm sói dài của ông ta trễ xuống. Ông ta không nhìn vào đâu cả. Cả ông ta lẫn Romero dường như đều không có điểm gì chung với những người còn lại. Họ đều cô độc. Ông Tổng thống tiến vào; có tiếng vỗ

tay phía trên chúng tôi ở phái khán đài đứng, và tôi trao lại ống nhòm cho Brett. Có tiếng tung hô. Nhạc nổi lên. Brett nhìn qua ống nhòm.

“Đây, anh cầm đi,” nàng nói.

Qua ống nhòm tôi nhìn thấy Belmonte đang nói chuyện với Romero. Marcial đứng thẳng lên và vút đi điều thuốc, và, nhìn thẳng về trước, đầu họ hơi nghiêng về sau, cánh tay rảnh của họ đung đưa, ba người đấu sĩ bước ra. Tiếp bước ngay sau họ là đoàn người tuần tiến, dàn thành hàng, đều bước, các tấm khăn đều được cuộn lại, bàn tay còn lại đung đưa, và những kị mã đâm giáo tiến vào, cây giáo được dựng lên thẳng đứng. Đằng sau tất cả đám người này là hai

hàng những người chăm sóc lũ trâu đực non và người làm công của đấu trường. Các đấu sĩ nghiêng người chào, tay giữ mũ, ngay trước ghế ngồi của Tổng thống, và rồi đi vào hàng rào phía bên dưới chúng tôi. Pedro Romero cởi chiếc áo choàng thêu kim tuyến nặng trĩu của cậu ra và trao cho người giữ kiếm của cậu qua hàng rào. Cậu nói điều gì đó với người giữ kiếm. Nhìn thẳng xuống dưới, chúng tôi có thể thấy bờ môi của Romero sưng lên, cả hai mắt cậu đều đổi màu. Mặt cậu cũng biến màu và sưng húp. Người giữ kiếm đón lấy chiếc áo choàng, nhìn lên Brett, rồi tiến tới chỗ chúng tôi và trao nó cho nàng.

“Trải nó ra phía trước em,” tôi hướng dẫn.

Brett tựa người về trước. Chiếc áo choàng rất nặng và cứng bởi những họa tiết bằng vàng. Người giữ kiếm nhìn lại, lắc đầu, và nói gì đó. Một người đàn ông ngồi bên cạnh tôi nghiêng đầu về phía Brett.

“Anh ta không muốn bà trải nó ra,” ông nói. “Bà nên gấp nó lại và đặt lên đùi mình.”

Brett gấp tấm vải nặng lại.

Romero không nhìn lên chúng tôi. Cậu đang nói chuyện với Belmonte. Belmonte đã tặng chiếc khăn của ông ta cho những người bạn. Ông ta nhìn về phía họ và mỉm cười, nụ cười lỗi đời của ông ta chỉ dừng lại nơi khóe miệng. Romero tựa vào hàng rào và hỏi xin một chai nước. Người giữ kiếm đưa

nó cho cậu và Romero đổ nước vào chiếc áo choàng đấu bằng vải peccan của cậu, rồi lê phần được gấp lại dưới cát bằng bàn chân đi dép lê.

“Vì sao phải làm như vậy?”

“Để làm cho nó nặng hơn trước gió.”

“Mặt cậu ta trông kinh quá,” Bill nhận xét.

“Anh ấy thấy tệ lắm,” Brett nói.
“Anh ấy nên nằm nghỉ mới phải.”

Con bò đầu tiên là của Belmonte. Belmonte rất giỏi. Nhưng bởi vì ông ta được nhận đến ba mươi ngàn peseta và người ta đã phải đứng xếp hàng cả đêm để mua vé xem ông ta biểu diễn, đám đông

nguyên rủa rằng ông ta phải giỏi hơn cả giỏi nữa. Điểm hấp dẫn nhất ở Belmonte là sự xáp gần đến con bò. Trong môn đấu bò người ta nói tới địa phận của con bò và địa phận của người đấu sĩ. Khi mà một đấu sĩ còn ở trong địa phận của mình thì anh ta sẽ không gặp nguy hiểm lớn. Belmonte, trong những ngày tháng huy hoàng, luôn bước vào địa phận của con bò. Theo cách này ông ta mang tới cảm giác sẽ bước vào một tấn thảm kịch. Người ta tới đây để xem Belmonte, để được cảm nhận một cảm giác gay cấn, và có thể là để chứng kiến cái chết của Belmonte. Mười lăm năm trước họ nói nếu anh muốn xem Belmonte thì anh phải thật nhanh chân lên, khi mà ông ta vẫn còn sống. Kể từ đó ông ta đã giết hơn một nghìn

con bò. Rồi vào khi nghỉ hưu, các trận đấu của ông ta trở thành huyền thoại, và khi mà ông ta quay trở lại thì công chúng lại đâm ra thất vọng bởi vì không một người nào có thể tiến đến thật gần một con bò tốt như những gì mà Belmonte đã từng thực hiện, không, đương nhiên, là ngay cả Belmonte cũng không còn làm được điều ấy nữa.

Ngoài ra Belmonte cũng đưa ra vài điều kiện mới và khẳng khẳng rằng con bò của ông ta không được phép quá lớn, không quá nguy hiểm với những cặp sừng, và cả những yếu tố cần thiết để mang tới cảm giác rằng bị kích không tồn tại, và công chúng, những người muốn gấp ba lần như thế từ Belmonte, người đã phát ngấy với cái căn bệnh rò hậu

môn¹²⁷, vì Belmonte chưa bao giờ có khả năng cố gắng, cảm thấy bị lừa phỉnh và dặt mũi, và quai hàm của Belmonte càng bạnh ra trong sự khinh thường, và khuôn mặt ông ta thành ra vàng vọt, và ông ta chuyển động khó khăn hơn khi những cơn đau tăng lên, và cuối cùng đám đông chống lại ông ta, và ông ta hoàn toàn khinh miệt và thờ ơ. Ông ta đã có ý tưởng về một buổi chiều tuyệt vời, và thay vì thế nó lại trở thành một chiều của sự chế nhạo, của những tiếng la ó sỉ vả, và cuối cùng là cơn mưa những

127 bệnh rò hậu môn: là hình thái bệnh lý cấp tính hay mãn tính, có nguồn gốc nhiễm khuẩn Hermann và tuyến Desfosses gây ra một ổ áp xe nằm trong khoang liên cơ thắt, có đường thông từ ổ mủ vào lòng ống hậu môn, đồng thời có một đường hoặc nhiều nhánh thường xuyên qua các cơ thắt mở ra ngoài da hình thành rò hậu môn. Thực chất rò hậu môn là giai đoạn tiếp theo của áp xe quanh hậu môn tự vỡ hoặc điều trị không triệt để.

miếng thịt lợn muối và những mẩu bánh mì và rau sống, được ném xuống đầu ông ta ở cái đấu trường nơi ông ta đã từng có được những chiến công oanh liệt nhất. Hàm của ông ta thêm bạnh ra. Đôi lúc ông ta nở nụ cười đầy răng, hàm dài ra, không nhìn thấy môi khi ông ta được gọi bằng một từ nhục mạ, và luôn là cơn đau ngày càng dữ dội hơn sau mỗi một sự vận động, cho tới khi cuối cùng khuôn mặt màu vàng của ông ta trở thành màu của tờ giấy da, và sau khi con bò thứ hai của ông ta đã chết và cơn mưa bánh mì và thịt nguội kết thúc, sau khi ông ta cúi chào Tổng thống cùng với nụ cười hà khắc và đôi mắt đầy khinh miệt, và trao lại cây kiếm qua hàng rào để lau sạch vết máu, và đặt lại vào trong bao, ông

đi vào trong con hẻm và tựa vào tường rào bên dưới chúng tôi, đầu ông ta đặt trên tay, không nhìn, không nghe thấy gì nữa, chỉ cố gắng vượt qua cơn đau. Khi nhìn lên, cuối cùng, ông ta hỏi xin một ngụm nước. Ông ta nuốt một ngụm nhỏ, súc miệng, nhổ nước ra, với lấy tấm áo choàng của mình, và quay trở lại vòng đấu.

Để xua tan cái sự bức bối trước Belmonte, công chúng quay sang ủng hộ Romero. Từ lúc cậu ta rời khỏi tường rào và đi về phía con bò họ không ngừng vỗ tay cổ vũ. Belmonte cũng lặng lẽ quan sát Romero, luôn nhìn cậu mà không biểu lộ rõ. Ông ta không chú ý đến Marcial. Marcial là nhân vật mà ông ta đã biết quá rõ rồi. Ông ta phải từ

bỏ việc nghỉ hưu nhằm cạnh tranh với Marcial, biết rõ rằng đó là một cuộc cạnh tranh mang lại lợi ích. Ông ta đã từng kỳ vọng được thi đua với Marcial và những ngôi sao khác với sự nghiệp đấu bò đang lụi tàn, và ông ta biết rằng phong cách chân thật trong các trận đấu bò của ông ta sẽ giành phần thắng trước những cử chỉ giả tạo mang tính thẩm mỹ cao của những đấu sĩ thuộc đế chế suy tàn nên ông ta chỉ cần phải có mặt trên đấu trường là đủ. Sự trở lại của ông ta từ thời kỳ nghỉ hưu đã hoàn toàn bị hủy hoại bởi Romero. Romero vẫn luôn luôn như vậy, thuần thực, điềm tĩnh, và đẹp mắt, là những gì mà ông ta, Belmonte, chỉ đôi lúc mới có thể thực hiện nổi. Đám đông cảm nhận được điều đó, ngay cả những

người tới từ Biarritz, ngay cả nhà ngoại giao Mỹ cũng nhìn thấy điều đó, vào lúc cuối cùng. Đó là một cuộc cạnh tranh mà Belmonte sẽ không đặt chân vào bởi vì nó chỉ có thể dẫn tới những cú đâm hay húc nghiêm trọng hoặc thậm chí là cả cái chết. Belmonte đã không còn ở đỉnh cao phong độ nữa. Ông ta đã không còn nữa những khoảnh khắc tuyệt vời của mình nơi đấu trường. Ông ta cũng không dám chắc rằng liệu có còn khoảnh khắc tuyệt vời nào dành cho mình. Mọi chuyện đã không còn như trước và giờ đây cuộc đời chỉ như gió thoảng qua. Ông ta đã có được những giây lát vĩ đại xưa cũ với những con bò của mình, nhưng chúng không còn nguyên giá trị bởi vì ông ta đã hạ giá chúng trước đó khi chọn lựa

những con bò dựa trên tiêu chí an toàn, khi ông ta bước ra khỏi một chiếc xe hơi và đứng dựa vào hàng rào, nhìn về phía bầy gia súc trong trại giống của một người bạn. Vì thế ông ta có hai con bò tốt nhỏ, có thể kiểm soát được dễ dàng mà cặp sừng của chúng không lộ ra nhiều cho lắm, và khi ông ta cảm thấy sự vĩ đại lại trở về, chỉ một chút ít thôi qua cơn đau vẫn luôn đồng hành, nó đã bị hạ giá và tiêu tán đi từ trước đó, và nó không mang tới được cho ông ta cái cảm giác tốt lành. Sự vĩ đại vẫn còn đó, nhưng đấu bò không còn mang lại cho ông ta cảm giác mãn nguyện như trước nước.

Pedro Romero thì sở hữu sự vĩ đại. Cậu yêu thích đấu bò, và tôi

cho rằng cậu cũng yêu cả những con bò, và tôi nghĩ cậu còn yêu cả Brett. Tất cả những điều mà cậu có thể kiểm soát được thì cậu đều thực hiện nó ngay trước mắt nàng vào chiều hôm đó. Không một lần cậu nhìn lên. Cậu làm nó mạnh mẽ lên theo cách đó, và cũng là vì cậu, cũng như vì nàng. Bởi vì cậu không nhìn lên để hỏi thăm nếu như nó khiến hài lòng mà cậu làm thế vì con người bên trong cậu, và nó củng cố sức mạnh bên trong cậu, và cậu cũng làm thế cho nàng. Nhưng cậu không làm thế chỉ để chịu phần thiệt về mình. Cậu thu được nhiều từ nó qua một buổi chiều.

Trận đầu tiên của cậu diễn ra “gần như” ngay bên dưới chúng

tôi. Ba đấu sĩ thay nhau nhận bò sau mỗi cuộc tấn công nó thực hiện về phía một kị mã đâm giáo. Belmonte là người đầu tiên. Marcial thứ hai. Rồi đến Romero. Ba người bọn họ đứng bên trái con ngựa. Kị mã đâm giáo, có chiếc mũ che phủ đôi mắt, lưỡi giáo của anh ta hướng theo một góc sắc bén tới con bò, đập đỉnh thúc vào ngựa và giữ chúng và với dây cương bên tay trái anh ta hướng con ngựa về phía con bò tốt. Con bò nhìn theo. Dường như nó đang nhìn con ngựa trắng, nhưng thực ra thứ nó nhìn là đỉnh thép hình tam giác của cây giáo. Romero, quan sát, thấy con bò bắt đầu quay đầu lại. Nó không muốn tấn công. Romero vẫn tấm vải để màu sắc trên chiếc khăn thu hút ánh mắt của con bò. Con bò tấn

công lại sự phản chiếu ánh sáng, lao vào, và nhận ra đó không phải là tia màu mà là con ngựa trắng, và một người đàn ông đang tựa vào đầu bên kia của con ngựa, đâm đầu thép của cây giáo dài vào cái vai u lên những bắp thịt của con bò, và kéo lùi con ngựa của mình ra khi xoáy cây giáo, làm thành một vết thương, thọc sâu phần thân sắt vào trong vai con bò, khiến nó chảy máu để Belmonte chuẩn bị tấn công.

Con bò không chùn bước trước vũ khí. Nó không thật sự muốn tấn công con ngựa. Nó quay lại và nhóm người tản ra và Romero tách nó rằng bằng tấm khăn choàng. Cậu tách nó ra một cách nhẹ nhàng và thuần thục, và rồi dừng lại, và

đứng trực diện với con bò, đưa ra mời nó tắm vãi. Đuôi con bò dựng lên và nó tấn công, và Romero di chuyển đôi tay của cậu về phía con bò, quay vòng, chân cậu vẫn giữ nguyên vị trí. Tắm vãi lướt và nặng bởi cát mở rộng ra như một cánh buồm căng, và Romero xoay nó ngay trước mặt con bò. Vào cuối cái sượt qua họ đứng đối mặt với nhau. Romero mỉm cười. Con bò muốn thử lại lần nữa, và tắm vãi của Romero lại căng ra, lần này là từ phía bên kia. Mỗi lần cậu để cho con bò vượt qua thật gần đến nỗi mà con người và con bò và tắm vãi căng phồng và xoay tròn phía trên con bò như hòa vào làm một. Mọi thứ diễn ra thật chậm và hoàn toàn trong tầm kiểm soát. Cứ như thể cậu đang vỗ về con bò vào giấc

ngủ. Cậu thực hiện bốn lần như vậy, và kết thúc với một nửa vòng xoay mà quay lưng lại với con bò và tách ra khỏi nó trong tiếng hoan hô, tay cậu đặt bên hông, tấm vải nơi bàn tay, và con bò nhìn thấy lưng cậu di chuyển ra xa.

Với con bò của chính mình cậu thật hoàn hảo. Con bò đầu tiên nhìn không tốt lắm. Sau hai lần sụt qua với tấm vải Romero biết chính xác tầm nhìn của nó bị yếu nghiêm trọng thế nào. Cậu cũng làm việc tương ứng. Đó không phải là một trận đấu xuất sắc. Chỉ là một trận hoàn hảo. Đám đông muốn đổi bò. Họ làm ầm lên. Chẳng có gì thú vị có thể xảy ra đối với một con bò không có khả năng quan sát những cú nhử, nhưng ông Tổng thống

không đưa ra yêu cầu đổi bò.

“Sao họ không thay bò?” Brett hỏi.

“Họ đã trả tiền để mua nó. Họ không muốn mất tiền.”

“Thật không công bằng với Romero.”

“Em hãy xem cách cậu ấy giải quyết một con bò mù màu như thế nào.”

“Đây là thứ mà em không muốn xem.”

Hắn đó không phải là một trận đấu dễ chịu nếu như anh quan tâm tới người thực hiện nó. Với con bò không nhìn thấy màu trên tấm áo choàng, hoặc màu đỏ thẫm của tấm

vải nhũ, Romero phải làm con bò chú ý bằng chính cơ thể của cậu. Cậu phải tiến tới đủ gần để con bò nhìn thấy mình, và bắt đầu khiêu khích, và chuyển hướng tấn công của con bò sang tấm vải nhũ và kết thúc cuộc tấn công theo phương thức cổ điển. Đám đông Biarritz không thích chuyện này. Họ cho rằng Romero đang sợ, và đó là lý do tại sao cậu lại bước từng bước nhỏ mỗi khi cậu chuyển hướng tấn công của con bò khỏi chính cơ thể cậu sang tấm vải nhũ. Họ vẫn thích hơn cái cách mà Belmonte mô phỏng chính mình hoặc sự mô phỏng Belmonte nơi Marcial. Có ba người như thế ngồi ngay sau chúng tôi.

“Anh ta sợ gì cái con bò kia

chứ? Con bò đấy quá ngu nên nó chỉ chạy theo bộ quần áo.”

“Anh ta chỉ là một đầu sĩ trẻ. Anh ta vẫn chưa tích lũy đủ mà.”

“Nhưng mà tôi nghĩ anh ta biểu diễn khá hay lúc trước với tấm vải.”

“Có thể lúc này anh ta đang hồi hộp.”

Ngay trung tâm đấu trường, hoàn toàn đơn độc, Romero vẫn đang thực hiện lại từng động tác, tiến thật gần để con bò có thể nhìn rõ cậu, đưa ra cơ thể mình, mỗi lần lại áp sát con bò hơn, con bò lơ mơ quan sát, và rồi tiến tới gần đến mức con bò nghĩ rằng nó đã có được cậu, cậu lại đưa mình lại và

cuối cùng kích thích được một cuộc tấn công, và rồi, chỉ ngay trước khi cặp sừng đâm vào, cậu trao cho con bò miếng vải đỏ ấy và hướng nó theo cái giật mạnh thành lình, hầu như không nhận thấy được mà xúc phạm đến những lời phê bình nghiêm khắc của các chuyên gia đấu bò Biarritz.

“Cậu ta sẽ giết nó,” tôi nói với Brett. “Con bò vẫn còn khỏe. Cậu ta sẽ không tự làm mình kiệt sức.”

Ở giữa sân đấu Romero nghiêng người trước con bò, rút kiếm ra khỏi tấm vải nhũ, cậu đứng kiễng chân, và ngằm nhìn theo dọc lưỡi kiếm. Con bò tấn công cùng lúc với Romero. Bàn tay trái của Romero thả tấm vải nhũ nơi mõm con bò

để cản tầm nhìn của nó, vãi trái cật hướng về phía trước giữa hai cặp sừng khi kiếm đâm vào, và chỉ trong một khoảnh khắc cật và con bò như hòa làm một, Romero tách ra khỏi con bò, bàn tay phải của cật giơ lên cao nơi cán kiếm lút vào giữa hai vai của con bò. Rồi con vật đổ sụp xuống. Có một chút choáng váng khi Romero tách ra xa, và rồi lại đứng lên, một tay giơ cao, đối diện con bò, phần dưới tay áo cật rách ra, mảnh vải trắng bay bay trong gió, và con bò, với cán kiếm màu đỏ cắm chặt vào giữa hai vai, đầu nó gục xuống và đôi chân khuyu xuống.

“Đến rồi đây,” Bill nói.

Romero xáp gần đến mức con

bò có thể nhìn thấy cậu. Tay cậu vẫn giơ lên, cậu nói chuyện với nó. Con bò chững đốn lại, rồi đầu nó hướng thẳng về trước và nó tiến tới thật nặng nề, rồi sau cùng, bỗng nhiên, bốn chân chống lên trời.

Họ trao cây kiếm cho Romero, và cậu mang theo nó với mũi kiếm chúc xuống, tấm vải nhử ở bên tay kia của cậu, cậu đi thẳng tới trước ghế ngồi của Tổng thống, cúi đầu, đứng thẳng người, và đi ra tường gỗ và trao lại kiếm và tấm vải cho người phụ tá.

“Một con thật tệ,” người giữ kiếm nhận xét.

“Nó làm tôi toát hết cả mồ hôi,” Romero trả lời. Cậu vuốt mặt. Người giữ kiếm đưa cho cậu chai

nước. Romero nhấp môi. Tu trực tiếp từ chai làm cậu đau. Cậu không nhìn lên chỗ chúng tôi.

Marcial có một ngày thành công. Họ vẫn còn ca ngợi anh ta khi con bò cuối cùng của Romero tiến vào. Đó là con bò đã phát cuồng và giết chết người đàn ông trong cuộc chạy buổi sáng.

Trong suốt trận đấu đầu tiên của Romero khuôn mặt bị thương của cậu gây sự chú đặc biệt. Mọi việc làm đều khiến nó lộ rõ. Tất cả những sự tập trung trong những cử chỉ tinh tế nhưng lúng túng khi đối phó với con bò mà khó nhìn thấy được lại càng làm cho nso lộ rõ ra. Cuộc ẩu đả với Cohn không ảnh hưởng tới tinh thần cậu nhưng

khuôn mặt cậu thì bị hủy hoại và cơ thể thì đau nhức. Nhưng lúc này cậu đã xóa sạch tất cả những điều ấy. Mỗi điều cậu làm với con bò đều chùi nó thêm sạch sẽ hơn một chút. Đó là một con bò tốt, một con bò lớn, và với cặp sừng thực thụ, và nó quay người và tấn công lại đầy nhẹ nhàng và quả quyết. Nó là những gì mà Romero mong đợi ở một con bò.

Khi cậu hoàn tất công việc với tấm vải nhủ và sẵn sàng giết chết con bò, đám đông yêu cầu cậu tiếp tục. Họ không muốn con bò bị giết vội, họ không muốn trận đấu kết thúc ngay. Romero tiếp tục. Giống như một khóa học về đấu bò. Tất cả những cuộc tấn công mà cậu thực hiện, tất cả đều hoàn chỉnh,

tất cả đều từ tổn, thần thánh và thuần thực. Không hề có một mưu mẹo hay sự kỳ bí nào. Cũng không hề có sự sống sượng. Và mỗi một đợt tấn công đều chạm đỉnh khiến anh cảm thấy như có sự chạm thấu tâm can. Đám đông muốn trận đấu không bao giờ kết thúc.

Con bò đứng dạng bốn chân chờ giết, và Romero giết nó ngay bên dưới chúng tôi. Cậu giết nó không phải bởi vì cậu buộc phải làm thế với con bò cuối cùng, mà bởi vì đây là điều mà cậu hằng mong muốn. Cậu đứng ngay trước con bò, rút kiếm ra khỏi tấm vải đỏ và đâm dọc lưỡi kiếm. Con bò nhìn cậu. Romero nói gì đó với con bò và vỗ vào một chân của nó. Con bò tấn công và Romero chờ đợi, tấm vải

đỏ được giữ ở bên dưới, nhìn dọc lưỡi kiếm, chân cậu vững chắc. Rồi không hề lùi về sau một bước, cậu hòa làm một với con bò thanh kiếm được nâng cao lên giữa hai bờ vai nó, con bò chuyển động theo tám vải nhử ở dưới thấp, mà bỗng nhiên biến mất khi Romero giật sang bên trái, và tất cả kết thúc. Con bò cố gắng tiến lên, chân nó nhũn xuống, nó lắc lư từ bên này sang bên kia, chần chừ, và rồi quy ngã, và người anh trai của Romero cúi xuống đằng sau nó và cầm một con dao ngắn vào cổ con bò ngay phía dưới cặp sừng. Lần đầu anh ta đâm hụt. Anh ta đâm lại lần nữa, và con bò dịch ra, co giật và cứng ngắc. Anh của Romero, giữ sừng của con bò trong một tay, và cầm dao bằng tay kia, nhìn lên chỗ

ngồi của ngài Tổng thống. Khăn tay vẫy chào từ khắp khán đài. Ông Tổng thống nhìn xuống từ chỗ ngồi và vẫy chiếc khăn tay. Người anh cắt cái tai đen của con bò đã chết và đưa nó cho Romero. Con bò nằm nặng nề và đen bóng trên mặt cát, lưỡi nó thè ra. Các cậu bé chạy về phía nó từ khắp khán đài, xếp thành một vòng tròn nhỏ xung quanh nó. Chúng bắt đầu nhảy múa vòng quanh.

Romero lấy chiếc tai từ chỗ người anh trai và đưa nó tới trước mặt ngài Tổng thống. Tổng thống nghiêng người chào và Romero, chạy phía trước đám đông, hướng về chúng tôi. Cậu tựa vào tường rào và trao cái tai cho Brett. Cậu gật đầu và mỉm cười. Đám đông

theo dõi từng cử động của cậu. Brett nắm lấy chiếc khăn.

“Em có thích không?” Romero gọi.

Brett im lặng. Họ nhìn nhau và mỉm cười. Brett cầm cái tai trong tay.

“Đừng để dính máu nhé,” Romero dặn, và cười rạng rỡ. Đám đông đang muốn cậu. Rất nhiều chàng trai trẻ la ó Brett. Đám đông là những cậu bé, những vũ công, và những kẻ say khướt. Romero quay lại và cố vượt qua đám đông. Họ bao vây xung quanh và cố gắng nâng cậu lên và đặt cậu trên vai họ. Cậu cố chống lại và thoát ra, và bắt đầu chạy, ngược lại hướng họ, tới cửa ra. Cậu không muốn

bị công kênh trên vai mọi người. Nhưng họ tóm được cậu và nâng cậu lên. Như thế thật không thoải mái và chân cậu bị kéo ra và cơ thể cậu đau nhức. Họ nâng cậu lên và chạy ra phía cổng. Cậu đặt tay lên vai một ai đó. Cậu ngoái lại nhìn chúng tôi đầy ái ngại. Đám đông, chạy, ra khỏi cổng cùng với cậu.

Chương 18.3

Chúng tôi có ba người khi quay lại khách sạn. Brett đi lên lầu. Bill và tôi ngồi ở nhà ăn dưới lầu và ăn một vài quả trứng luộc kỹ và uống vài chai bia. Belmonte bước xuống trong bộ quần áo đi đường cùng người quản lý của ông ta và hai người đàn ông khác. Họ ngồi bàn bên cạnh chúng tôi và dùng bữa. Belmonte ăn rất ít. Họ sẽ đón chuyến tàu lúc bảy giờ đi Barcelona. Belmonte mặc

một chiếc áo sơ mi kẻ màu xanh và một bộ vest tối màu, và ăn vài quả trứng lòng đào. Những người kia ăn một bữa lớn. Belmonte không nói gì. Ông ta chỉ trả lời các câu hỏi.

Bill thấy mệt sau trận đấu. Tôi cũng vậy. Cả hai chúng tôi đều quá chú tâm trận đấu. Chúng tôi ngồi đó và ăn trứng và tôi nhìn Belmonte và những người ngồi cùng bàn với ông ta. Những người đi cùng với ông ta trông có vẻ rần rỏi và giống thương nhân.

“Ta ra quán café đi,” Bill rủ.
“Tôi muốn làm một ly absinthe.”

Đó là ngày cuối cùng của fiesta. Bên ngoài trời lại bắt đầu xám xịt. Quảng trường đầy những người

và các nghệ nhân pháo hoa đang chuẩn bị cho buổi trình diễn tối và che chúng lại bằng những cành gỗ sồi. Bọn con trai đứng nhìn. Chúng tôi đi qua bệ pháo với những cọc dài bằng tre. Bên ngoài quán café là một đám đông lớn. Nhạc và điệu vũ vẫn tiếp tục. Những gã khổng lồ và những người lùn lướt qua.

“Edna đâu?” tôi hỏi Bill.

“Tôi không biết.”

Chúng tôi theo dõi sự bắt đầu của buổi tối của đêm cuối cùng của fiesta. Rượu absinthe làm mọi thứ trở nên dễ dàng hơn. Tôi uống rượu mà không có đường trong chiếc cốc đang chảy hơi nước, và nó có vị đắng dịu dịu.

“Tôi thấy tiếc về Cohn quá,” Bill bảo. “Hắn có một thời kỳ tệ quá.”

“Ôi, mặc cha cái thằng Cohn,” tôi nói.

“Theo cậu thì hắn đi đâu?”

“Về Paris.”

“Theo cậu thì hắn sẽ làm gì?”

“Ôi, mặc xác hắn.”

“Theo cậu thì hắn sẽ làm gì?”

“Quay lại với cô bồ cũ của hắn, có thể lắm.”

“Ai là bồ cũ của hắn?”

“Ai đó tên Frances.”

Chúng tôi gọi thêm absinthe.

“Bao giờ cậu đi?” tôi hỏi.

“Ngày mai.”

Sau một lúc Bill cất lời: “Ừ, đúng là một lễ hội tuyệt vời.”

“Ừ,” tôi trả lời, “lúc nào cũng có việc để làm.”

“Cậu không tin được đâu. Nó cứ giống như một cơn ác mộng kỳ diệu.”

“Ừ,” tôi đồng ý. “Tôi chẳng tin gì cả. Kể cả ác mộng.”

“Có chuyện gì thế? Thấy mệt à?”

“Mệt chết thôi.”

“Làm thêm một ly absinthe nữa đi. Này, anh bồi! Một ly absinthe nữa cho señor đây.”

“Tôi cảm thấy như đang ở địa ngục ấy,” tôi nói.

“Uống cái này đi,” Bill nói.
“Chậm thôi.”

Trời bắt đầu tối. Fiesta vẫn tiếp diễn. Tôi bắt đầu thấy say nhưng không thấy khá hơn.

“Cậu thấy thế nào rồi?”

“Tệ lắm.”

“Thêm một ly nữa nhé?”

“Chẳng ích gì đâu.”

“Thử đi. Cậu không biết được đâu; có thể ly này mới phát huy tác dụng thì sao. Này, anh bồi! Một ly absinthe nữa cho señor này!”

Tôi đổ nước vào thẳng rượu và

quấy đều thay vì để cho từng giọt rỏ xuống. Bill gấp vào mấy viên đá. Tôi quấy đá lên với một cái thìa trong thứ hỗn hợp có màu nâu bốc khói như mây.

“Sao rồi?”

“Tốt.”

“Đừng uống nhanh vậy. Cậu sẽ mệt đấy.”

Tôi đặt cái cốc xuống. Tôi không định uống nó nhanh thế.

“Tôi thấy say rồi.”

“Phải vậy thôi.”

“Cậu muốn như thế, đúng không?”

“Ừ. Chúc say. Bơi qua cơn trầm cảm khốn kiếp của cậu.”

“Ồ, tôi say rồi. Cậu muốn như thế ư?”

“Cậu ngồi xuống đi.”

“Tôi không ngồi,” tôi nói. “Tôi về khách sạn đây.”

Tôi say khướt. Tôi say hơn lần say nhất mà tôi còn có thể nhớ được. Về khách sạn tôi bước lên lầu. Cửa phòng Brett để mở. Tôi ló đầu vào. Mike đang ngồi trên giường. Anh cầm một cái chai vẩy tôi.

“Jake,” anh gọi. “Vào đây, Jake.”

Tôi bước vào và ngồi xuống. Căn phòng chao đảo cho tới khi

tôi nhìn vào một điểm cố định duy nhất.

“Brett, cậu biết đấy. Nàng đã ra đi với tay đấu sĩ kia rồi.”

“Không.”

“Ừ. Cô ấy tìm cậu để chào tạm biệt. Họ sẽ đi chuyến tàu lúc bảy giờ.”

“Thật ư?”

“Việc này tệ quá,” Mike nói. “Cô ấy không nên làm vậy.”

“Không.”

“Cậu uống không? Đợi tôi gọi bia lên đã.”

“Tôi say rồi,” tôi nói. “Tôi về phòng nằm thôi.”

“Cậu say à? Cả tôi cũng say nữa.”

“Ừ,” tôi trả lời, “tôi say rồi.”

“Ồ, đúng rồi,” Mike nói. “Hãy ngủ một tí đi, bạn Jake.”

Tôi bước ra rồi đi vào phòng mình và nằm xuống giường. Chiếc giường trôi bồng bênh và tôi ngồi dậy và nhìn vào tường để chặn cảm giác đó lại. Ngoài kia ở dưới quảng trường fiesta vẫn đang diễn ra. Nhưng nó chẳng còn có nghĩa gì nữa cả. Rồi sau đó Bill và Mike đến rủ tôi đi ăn cùng với họ. Tôi giả vờ ngủ say.

“Cậu ấy ngủ rồi. Tốt nhất nên để cậu ấy một mình.”

“Cậu ấy say như chết,” Mike nói. Họ bước ra.

Tôi ngồi dậy và đi ra ban công và nhìn xuống đám khiêu vũ nơi quảng trường. Thế giới không còn quay mòng mòng nữa. Mọi cái đều rõ ràng và sáng sủa, và khi cúi xuống thì các đường biên cứ nhòe đi. Tôi tắm rửa, chải đầu. Tôi thấy mình thật lạ lùng trong gương, và đi xuống nhà vào phòng ăn.

“Cậu ấy đây rồi!” Bill gọi. “Xin chào anh bạn già! Tôi biết là cậu không bất tỉnh nhân sự mà.”

“Chào, ông bạn già xin quắc,” Mike chào.

“Tôi đói quá nên thức dậy.”

“Ăn một ít súp đi,” Bill nói.

Ba chúng tôi ngồi bên bàn, chiếc bàn như thể thiếu vắng những sáu người.

